



CASUMINA
BẠN ĐƯỜNG TIN CẬY

www.casumina.com



RACE
THE BEGINS 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Annual report

2019



CHẤT LƯỢNG Chinh phục QUALITY & CONQUERING

Chất lượng sản phẩm sấm lốp của Casumina chính là sự khẳng định giá trị thương hiệu và sự tin dùng của khách hàng trong nhiều năm qua.

Năm 2020, mục tiêu casumina sẽ tạo bước đột phá về chất lượng, dựa vào công nghệ sản xuất tiên tiến. Chất lượng được hiểu không chỉ ở độ bền bỉ, ổn định của sản phẩm và còn là sự thay đổi dịch vụ hậu mãi và chăm sóc khách hàng của Casumina dựa vào ứng dụng công cụ quản lý thông minh.

Casumina tyre and tube's quality is an affirmation of brand value and the confidence of customers over the years.

In 2020, Casumina's target is creating a breakthrough in quality based on advanced production technology. Quality is understood not only in the durability and stability of the product but also in Casumina's after-sales service and customer care based on the application of intelligent management tools



Mục lục Contents

1 TỔNG QUAN CASUMINA Casumina General Information

- P.06 **Thông điệp từ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị**
Message from the Chairman
- Tâm nhìn, Sứ mệnh & Giá trị cốt lõi**
Vision, Mission & Core values
- Chỉ số nổi bật**
Key indicators



2 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

History of foundation & development

- P.12 **Thông tin khái quát**
General information
- Giải thưởng & thành tựu 2019**
2019 Achievements & Awards
- Các sự kiện chính**
Key timeline events
- Ngành nghề kinh doanh**
Business lines
- Địa bàn kinh doanh**
Business locations
- Sơ đồ tổ chức**
Organization structure
- Tổ chức nhân sự**
Human resource organization
- Cơ cấu cổ đông**
Shareholder structure
- Các đơn vị thành viên**
Subsidiaries

3 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN Development direction

- P.36 **Mục tiêu**
Goals
- Chiến lược phát triển**
Development strategies
- Các rủi ro**
Risks & difficulties



4 BÁO CÁO BAN ĐIỀU HÀNH Board of Management report

P.42

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2019
2019 business performance report

Phương hướng sản xuất kinh doanh 2020
2020 business orientation

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư
Implementation of investment projects

5 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Board of Directors report

P.58

Tình hình chung
General situation

Hoạt động của Hội đồng Quản trị 2019
2019 operation of the Board of Directors

7 BÁO CÁO VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI Environmental & social report

P.76

Quản lý nguồn nguyên vật liệu
Raw material management policy

Tình hình tiêu thụ năng lượng
Energy consumption situation

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
Compliance with environmental regulations

Hướng đến cộng đồng
To social relationship

8 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN Financial statements

P.82

Báo cáo của Ban điều hành
Board of Management report

Báo cáo của kiểm toán
Independent auditor report

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Audited financial statements

6 BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT Board of Supervisors report

P.68

Hoạt động của Ban kiểm soát 2019
2019 operation of the Board of Supervisors

Kết quả hoạt động kiểm tra & giám sát
Inspection & supervision result

Nhận xét & kiến nghị
Comments & recommendations

Phương hướng hoạt động 2020
2020 operation orientation





TỔNG QUAN CASUMINA

Casumina general information

Thông điệp từ
 Chủ Tịch Hội
 Đồng Quản Trị
 Message from the
 Chairman P.08

Tầm nhìn,
 Sứ mệnh &
 Giá trị cốt lõi
 Vision, Mission &
 Core values P.10

Chỉ số nổi
 bật
 Key
 indicators P.11

Thông điệp từ Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Message from the Chairman

Kính thưa Quý cổ đông và Nhà đầu tư.

Trước tiên, Tôi thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam, Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể CB-CNV Công ty xin gửi đến Quý cổ đông, Nhà đầu tư lời cảm ơn chân thành, cảm ơn Quý vị đã hỗ trợ, đồng hành cùng Casumina trong nỗ lực duy trì hoạt động SXKD trong năm 2019 và những năm qua.

Tôi không đề cập đến những hạn chế trong kết quả SXKD của Casumina trong năm 2019, bởi vì đã có nhiều thông tin đa chiều từ báo cáo phân tích của các Công ty chứng khoán, báo chí đã đưa tin và ngay trong báo cáo thường niên (mà quý vị đang có trong tay) cũng đã phân tích khá kỹ về vấn đề này. Tuy nhiên, chúng ta cần điều nghiên một cách nghiêm túc, đó là những tín hiệu tốt mang tính dài hạn trong tổng quan thị trường ngành sản phẩm lốp trong nước và thế giới.

Trong năm 2019, Casumina vẫn đảm bảo có lợi nhuận trong khi đang trong điều kiện gặp nhiều thách thức và rủi ro do tác động từ bên ngoài cũng như nội bộ doanh nghiệp: Áp lực cạnh tranh gia tăng giữa các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp; Sự biến động của giá nguyên vật liệu phục vụ ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm lốp; Dòng vốn đầu tư vào nội ngành đã bảo hòa khi mà hàng nhập ngoại chiếm ưu thế (tác động từ chính sách thương mại giữa các nước lớn); Lực lượng lao động có sự chuyển dịch sang công nghiệp nhẹ như dệt may, tiêu dùng... là một bất lợi trong khi Casumina cần ổn định sản xuất. Với những nỗ lực không ngừng của mỗi thành viên Ban Lãnh đạo cho đến từng CB-CNV Công ty trong việc nắm vững công nghệ, triển khai nhanh và tiếp cận với thị trường thế giới.

Năm 2020 được đánh giá là một cột mốc quan trọng



Dear valued shareholders and investors.

On behalf of Casumina's Board of Directors, Board of Management and staff, I would like to express our sincere thanks to valued shareholders and investors for your contribution in Casumina in 2019 and in the past years. I would not mention much about the limitations in Casumina's business performance in 2019 as there has been a lot of multi dimensional information presented in analysis reports of Securities Companies, reported in press, moreover the annual reports (which you have at hand), they have thoroughly analyzed this issue. However, what we need to study seriously are good long-term signals in the domestic and international tyre market overview.

In 2019, Casumina still ensure profits while facing challenges and risks coming from external and internal sources: the increasing competitive pressure between company in the same industry; the fluctuation of inputs' prices; Investment into the industry has become saturated while imported goods are still having advantages (from Agreements and Policies of major economies); Labor force is shifting from heavy industry to light industry such as textiles, consumer goods, etc... is a disadvantage of Casumina in the effort to stabilize production. With the continuous effort from each member of the Board of Leaders to each staff, Company in technology master, fast deployment and access to the world market. Year of 2020 will be an important milestone for Casumina, as the external and internal factors of the Company will have reached accumulation to make

đối với Casumina khi mà các yếu tố bên ngoài và nội tại Công ty đạt đến độ tích lũy để có những bước tiến trong tương lai mà tôi có thể liệt kê như sau:

1. Công ty đang trong quá trình thực hiện chủ trương thoái vốn của Chính phủ Việt Nam (đến 36%) đối với phần vốn chủ sở hữu Nhà Nước sẽ tạo ra nhiều cơ hội cũng như thách thức. Tuy nhiên, đội ngũ CB-CNV Casumina sẽ phải tự lực cánh sinh, tự đứng trên đôi chân của chính mình và tự quyết định vận mệnh của thương hiệu sản phẩm lốp Casumina.

2. Với nhóm sản phẩm chiến lược là lốp Radial (bán thép và toàn thép) có thể cho thấy một triển vọng phát triển bền vững trong tương lai dài hạn đối với Casumina khi nhìn ở các hai góc độ: Mức tăng trưởng và hiệu quả.

3. Quá trình hợp tác với các đối tác có uy tín trong ngành công nghiệp sản phẩm lốp thế giới đang được triển khai một cách chặt chẽ, thận trọng và có hiệu quả đối với nhóm lốp TBR và PCR.

4. Dựa vào chủ trương phát triển ngành công nghiệp ô tô tại Việt Nam, với tỷ lệ nội địa hóa lên đến 60% đã tạo ra một cơ hội lớn cho ngành sản phẩm lốp xe trong đó có Casumina.

Casumina cam kết theo đuổi cải cách quản lý, ứng dụng các công cụ hiện đại trong quản lý để đem lại mục tiêu cuối cùng là trở thành một "Nhà sản xuất lốp toàn cầu".

Với việc đẩy mạnh cải tiến liên tục và cải cách quản lý. Đồng thời đặt ra các mục tiêu có trọng điểm, chúng tôi hy vọng rằng sẽ tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng và có lợi nhuận của Công ty. Chúng tôi luôn trân trọng sự hỗ trợ của các Quý vị để theo đuổi mục tiêu của chúng tôi và đạt được kết quả tốt trong năm 2020 và các năm tiếp theo.

Trân trọng kính chào.



further progress that can be listed as follows:

1. The Company is executing the Policy on divestment to 36% of the State's equity, which will create many opportunities as well as challenges. However, Casumina staff will have to be self-reliant and stand on their own feet and determine the destiny of Casumina - Tyres and tubes brand name.

2. With the strategic product range of (all steel and semi-steel) Radial tyres, it is possible to show a long-term future prospect for Casumina in terms of both growth and efficiency.

3. Cooperation with some other reputed tyre and tube oversea partners to develop & supply truck bus radial tire and passenger car tire is being carried out carefully, prudently and effectively.

4. Based on the policy on automobile industry development in Vietnam, with a localization rate of up to 60%, there is a great opportunity for the tyre and tube industry including Casumina.

Casumina is committed to pursuing management reform, applying modern management tools to achieve the ultimate goal of becoming "Global Tyre Manufacturer"

By continuous improvement and management reform, at the same time, setting the key targets, we hope that we will continue to maintain the Company's growth and profitability. We always highly appreciate your support to pursue our goals and achieve good results in 2020 and in the following years.

Sincerely yours

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS

Nguyễn Xuân Bắc



VISION **TẦM NHÌN** Nhà sản xuất lốp xe hàng đầu Đông Nam Á.
Becoming the Top tire manufacturer in Southeast Asia

MISSION **SỨ MỆNH**
Cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc và thân thiện.
Contribution to society of safety, happiness and friendliness.

CORE VALUES **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

- Tin cậy:** Sản phẩm, dịch vụ, con người.
- Hiệu quả:** Mọi hoạt động luôn hướng đến hiệu quả.
- Hợp tác:** Sẵn sàng hợp tác cùng phát triển và có lợi.
- Năng động:** Luôn sáng tạo và đổi mới.
- Nhân bản:** Vì con người.
- Reliability:** products, services, people
- Efficiency:** All operations are geared towards maximum efficiency
- Cooperation:** Cooperation for mutual benefits and growth
- Dynamic:** Always creative and innovative
- Humanity:** Focus on people

Chỉ số nổi bật

Key indicators



QUÁ TRÌNH

History of foundation & development

HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Thông tin khái quát

General
information

P.14

Ngành nghề kinh doanh

Business lines

P.18

Tổ chức nhân sự

Human resource
organization

P.22

Giải thưởng & thành tựu 2019

2019
Achievements &
Awards

P.15

Địa bàn kinh doanh

Business
locations

P.19

Cơ cấu cổ đông

Shareholder
structure

P.33

Các sự kiện chính

Key timeline
events

P.16

Sơ đồ tổ chức

Organization
structure

P.20

Các đơn vị thành viên

Subsidiaries

P.34



**Công ty Cổ phần Công nghiệp
Cao Su Miền Nam**
The Southern Rubber Industry JSC.,

Thông tin khái quát General information

- Giấy phép ĐKKD: 0300419930 (đăng ký lần đầu ngày 01/03/2006, thay đổi lần thứ 12, ngày 25/08/2016)
- Vốn điều lệ: 1.036 tỷ đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 1.036 tỷ đồng
- Tăng vốn điều lệ từ 740 tỷ đồng lên 1.036 tỷ đồng
- Sản xuất và bán thương mại lốp radial bán thép (PCR – Passenger Car Radial), chủ yếu cung cấp cho thị trường xuất khẩu
- Đầu tư chiều sâu lốp PCR đạt công suất 1.2 triệu lốp/năm và lốp TBR đạt công suất 350 nghìn lốp/năm
- Tham gia vào chuỗi cung ứng BTP cao su với sản lượng 2.500 tấn/tháng
- Địa chỉ: 180 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3, TP. HCM
- Số điện thoại: (028)38 362 369 | 38 362 373
- Fax: (028)38 362 376
- Website: www.casumina.com
- Mã cổ phiếu: CSM

Gần 45 năm tham gia vào ngành sản xuất và cung ứng sản xuất sảm lốp xe các loại, Casumina luôn tuân thủ tôn chỉ: luôn đổi mới, cải tiến trong mọi hoạt động nhằm tạo ra những sản phẩm tốt nhất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường trong nước và quốc tế. Từng cột mốc trong suốt lịch sử gần nửa thế kỷ cho thấy sự phát triển theo đúng tầm nhìn "Nhà sản xuất sảm lốp xe thế giới"

Nearly 45 years taking part in the manufacturing and supplying tire and tube Industry, Casumina is always obeyed the principles: innovating and improving in all activities to create the best products and meet the diverse needs of domestic and international markets. Each milestone which throughout the history of nearly a half of century shows a firm development orient to the vision of "South East Asia tire & tube manufacturer"

- Business license: 0300419930 (first issued 01 March 2006; 12th amendment made on 25 August 2016)
- Charter capital: VND 1.036 billion
- Owner equity: VND 1.036 billion
- Charter capital increased from VND 740 billion to VND 1.036 billion
- Production and sales of passenger car radial tires (PCR) mainly for export
- Invest convergently in production to reach PCR tire capacity 1.2 million pieces/year and TBR tire capacity 350 thousand pieces/year
- Entering the semi-finished rubber products supply chain with capacity of 2.500 tons/month
- Address: 180 Nguyen Thi Minh Khai, Ward 6, District 3, Ho Chi Minh City
- Phone: (028)38 362 369 | 38 362 373
- Fax: (028)38 362 376
- Website: www.casumina.com
- Stock Ticker: CSM



Các giải thưởng & thành tựu 2019 2019 Achievements & Awards



Thương hiệu quốc gia (lần thứ 6)
National brand (6th time)



Hàng Việt Nam chất lượng
cao liên tục lần thứ 23

Vietnamese high quality
product, voted by consumers
consistently for the 23th
year



Top 5 Doanh nghiệp có
doanh thu cao nhất Tập
đoàn Công nghiệp hóa
chất Việt Nam

Top 5 business with high-
est revenue in Vinachem
Group



Cờ thi đua Công đoàn Công ng-
hiệp Hóa chất Việt Nam

Flag of professional emulation
from the Vietnam General
Confederation of Labor

Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam được thành lập theo quyết định số 427-HC/QĐ ngày 19/04/1976 của Nhà nước Việt Nam.
The Southern Rubber Industry Company was established according to Decision No. 427-HC/QĐ dated 19/04/1976 by the Vietnamese government.



1997



Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam chính thức đi vào hoạt động Q với vốn điều lệ ban đầu là 90 tỷ đồng. Là doanh nghiệp sản xuất lốp xe duy nhất của Việt Nam có tên trong bảng xếp hạng toàn cầu Global Tire Company Ranking

The Southern Rubber Industry Joint Stock Company officially established with initial charter capital of VND 90 billion. The only Vietnam tire manufacturer was listed on the Global Tire Company Ranking

2006

Các sự kiện chính Key timeline events



2014

Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lốp radial bán thép với công suất 500 nghìn chiếc/năm. Ký kết hợp tác toàn diện với Công ty Tireco (Mỹ) về chuyển giao công nghệ và gia công lốp radial bán thép với sản lượng đến 1 triệu chiếc/năm.
Operations of the passenger car radial tire factory commenced, with capacity of 500,000 tires/year. Technology transfer and production of up to 1 million tires/year contract with Tireco (US) signed for passenger car radial tires.

Chuyển giao công nghệ & cung cấp lốp PCR gia công cho đối tác TireCo Inc., một trong những doanh nghiệp kinh doanh lốp xe lớn nhất ở Bắc Mỹ
Đưa vào vận hành dây chuyền sản xuất lốp radial bán thép với công suất 700 nghìn chiếc/năm
Transfer technology & supply PCR tires to TireCo Inc., one of North America's largest tire companies
Start running PCR production lines with capacity 700 thousand tires/year

2019

1976

Thành lập Công ty Liên doanh lốp Yokohama Việt Nam với các đối tác Yokohama và Mitsubishi Nhật Bản để sản xuất sản phẩm lốp ô tô và xe máy.
Yokohama Vietnam joint venture established with partners: Yokohama and Mitsubishi Japan to produce motorcycle and automobile tires.



2005

Ký kết hợp đồng hợp tác sản xuất lốp xe tải nhẹ với Công ty CONTINENTAL Đức (tập đoàn đứng thứ 4 thế giới về sản xuất sản phẩm lốp xe các loại)
Signed a collaborating contract with Continental Germany AG (The 4th largest global corporation in tires)

2009



Công ty chính thức niêm yết 25.000.000 cổ phiếu trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. HCM với mã cổ phiếu CSM.
Officially listed 25,000,000 stocks on HOSE under the ticker CSM.

Khánh thành & đưa vào hoạt động nhà máy lốp Radial với công suất 1 triệu lốp/năm
Grand opening & running the all steel radial tire factory with capacity 1 million tires/year



2016

2017



Xuất khẩu lốp PCR đạt hơn 1 triệu chiếc. Sản lượng TBR 180 nghìn lốp. Sản lượng bình quân từ Q4/2019 đạt 30 nghìn lốp/tháng
PCR tire export 1 million pieces. TBR capacity production achieves 180 thousand pieces. From Q4/2019, average production capacity reaches 30 thousand pieces/month

Ngành nghề kinh doanh

Business lines



Lốp ô tô Radial toàn thép

Truck Bus Radial tires



Lốp ô tô bias

Bias tires



Lốp xe máy

Motorcycle tires



Lốp xe đạp

Bicycle tires



Lốp xe nâng & lốp nông nghiệp
Forklift tires & Agricultural tires

Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cao su công nghiệp & cao su tiêu dùng.

Kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu, hóa chất, thiết bị ngành công nghiệp cao su.

Kinh doanh thương mại dịch vụ.

Kinh doanh bất động sản.

Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với qui định của pháp luật.

Producing and trading industrial and commercial rubber products.

Trading, importing and exporting raw materials, chemical substances & equipments used in the rubber industry.

Trade & services.

Real estate.

Other businesses in compliance with national laws and regulations.

Địa bàn kinh doanh

Business locations

Thị trường nội địa:

Sản phẩm của CASUMINA đã có mặt trên 64 tỉnh thành khắp cả nước thông qua hệ thống các nhà phân phối và đại lý cấp 2, cấp 3. Thị trường nội địa vẫn chiếm tỷ trọng cao.

Thị trường xuất khẩu:

Thị trường xuất khẩu chủ yếu bao gồm: Đông Nam Á, Châu Âu, Mỹ.

Domestic market:

Casumina products has presence in 64 provinces via a strong network of agents, comprising of level 2 and level 3 agents. The domestic market still has a major share in total revenue.

Export market

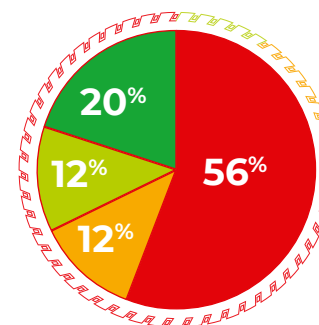
Main markets consists of South East Asia, Europe, US.

Định hướng đối với thị trường xuất khẩu của Casumina là:

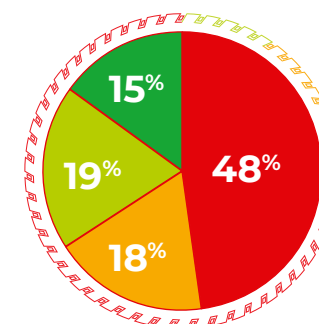
- Duy trì thị trường hiện có
- Đảm bảo cung ứng đúng tiến độ theo cam kết đối với hai đối tác Tire Co, JinYu (nhóm lốp TBR, PCR).
- Tận dụng chính sách thương mại của các nước lớn theo hướng có lợi cho Công ty (thuế suất).

Direction for export market of casumina

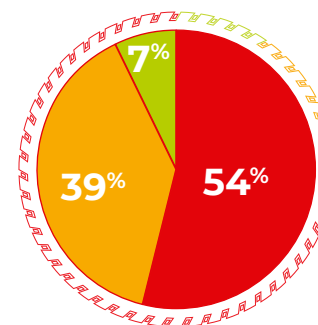
- Maintain current markets.
- Ensure supply capacity accordingly to schedule propose to Tireco, Jinyu (TBR, PCR group).
- Make use of trade agreement and policy, which give the Company advantages (in term of taxes)



- Lốp ô tô & máy kéo
Car & tractor tires
- Lốp xe máy
Motorcycle tires
- Săm xe máy
Motorcycle tubes
- Khác
Others



- Lốp ô tô & máy kéo
Car & tractor tires
- Lốp xe máy
Motorcycle tires
- Săm xe máy
Motorcycle tubes
- Khác
Others



- Nội địa
Domestic
- Xuất khẩu
Export
- Kinh doanh khác
Other businesses

Ban hành kèm theo quyết định số: 08/QĐ – HĐQT Issued in accordance with the Decision No. 08/QĐ-
ngày 15/05/2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị HDQT dated 15th May, 2011 promulgated by the CEO.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Organization structure



Tổ chức nhân sự

Human resource organization



Ông / Mr.

Nguyễn Xuân Bắc
Chủ tịch Hội đồng Quản Trị
Chairman of the Board of Directors



Ông / Mr.

Nguyễn Minh Thiện
Thành viên Hội đồng Quản Trị
kiêm Phó Tổng Giám Đốc
Member of the Board of Directors cum. Deputy General Director



Bà / Ms.

Đào Thị Chung Tiến
Trưởng ban Kiểm Soát
Head of the Board of Supervisors



Ông / Mr.

Phạm Hồng Phú
Thành viên Hội đồng Quản Trị
kiêm Tổng Giám Đốc
Member of the Board of Directors cum. General Director



Ông / Mr.

Nguyễn Song Thao
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director



Ông / Mr.

Nguyễn Đình Đông
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director



Ông / Mr.

Vũ Quốc Anh
Kế toán trưởng
Chief Accountant



Bà / Ms.

Lê Thị Thu Thủy
Thành viên ban Kiểm Soát
Member of the Board of Supervisors



Bà / Ms.

Lê Thu Hương
Thư ký Hội đồng Quản trị
kiêm người phụ trách Quản trị
Doanh nghiệp
Secretary of the Board of Directors cum. Person in charge of Corporate Governance



Ông / Mr.

Nguyễn Ngọc Phương
Thành viên Hội đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors



Bà / Ms.

Vũ Thị Bích Ngọc
Thành viên ban Kiểm Soát
Member of the Board of Supervisors





Ông / Mr. NGUYỄN XUÂN BẮC

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Chairman of the Board of Directors

Năm sinh: 21-08-1972
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư tự động hóa,
Thạc sỹ Quản trị kinh doanh.
Born in: 21-08-1972
Professional qualifications: Automation
Engineer, Master of Business Administration

Quá trình công tác:

- 2002 – 2004: Kỹ sư điện tại Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2005 – 2007: Phó Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2007 – 2010: Giám đốc xưởng Điện, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2010 – 2011: Giám đốc xưởng Nhiệt, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2011 – 2012: Trưởng phòng Điện – Đo lường – Tự động hóa, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2012 – 2013: Trưởng phòng Hành chính – Ban QLDA, Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc.
- 2013 – 2016: Giám đốc Công ty cổ phần hóa chất Hưng Phát, Hà Bắc.
- 15/03/2016: Là Phó trưởng ban Người đại diện phần vốn – Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.
- 05/2016: Là chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 0
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 32.128.065 cp – 31%.

Employment history:

- 2002 – 2004: Electrical engineer at Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2005 – 2007: Deputy Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2007 – 2010: Manager, Electrical Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2010 – 2011: Manager, Thermal Workshop, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2011 – 2012: Head of Electrical – Quant – Automation Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2012 – 2013: Head of Administration – Project Management Department, Ha Bac Nitrogenous Fertilizer & Chemicals Company.
- 2013 – 2016: Director, Hung Chat Chemicals Company.
- 15/03/2016: Representative Vinachem.
- 05/2016 – now: Chairman of the Board of Directors of Casumina

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 0
- Holdings on behalf of Vinachem: 32,128,065 shares - 31%



Ông / Mr. PHẠM HỒNG PHÚ

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
kiêm Tổng Giám Đốc

Member of the Board of Directors cum.
General Director

Năm sinh: 16-10-1966
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
Born in: 16-10-1966
Professional qualifications: Master of
Economics

Quá trình công tác: Gắn liền với Casumina

- 1990 – 1996: Nhân viên phòng Tài vụ
- 1996 – 2001: Nhân viên phòng Tài chính kế toán
- 2001 – 2008: Kế toán trưởng
- 2008 – 2010: Phó tổng giám đốc
- 2011 – 2015: Tổng giám đốc
- 02/2015: HĐQT thống nhất bầu ông Phạm Hồng Phú thay thế Ông Bùi Thế Chuyên giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT CTCP Công nghiệp Cao su Miền Nam.
- 2015 – đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẤM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 218.185 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Employment history: Related to Casumina

- 1990 – 1996: Staff, Accounting Department.
- 1996 – 2001: Staff, Finance & Accounting Department.
- 2001 – 2008: Chief Accountant
- 2008 – 2010: Deputy General Director, Casumina.
- 2011 – 2015: General Director, Casumina.
- 02/2015: The Board of Directors agreed to appoint Mr. Pham Hong Phu to replace Mr. Bui The Chuyen as Chairman of the Board of Directors of Casumina.
- 2015 – now: Member of the Board of Directors, General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 218,185 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%



Ông / Mr. NGUYỄN MINH THIÊN

Thành viên Hội Đồng Quản
Trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc

Member of the Board of Directors
cum. Deputy General Director

Năm sinh: 05-01-1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Born in: 05-01-1964

Professional qualifications: Bachelor of
Economics

Quá trình công tác: Gắn liền với Casumina

- Năm 2007: Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ năm 2008 – 30/04/2011: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam.
- Từ tháng 5/2011 - tháng 04/2013: Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần công nghiệp cao su Miền Nam.
- Từ T05/2013 – Đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc.

CỔ PHIẾU NẴM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 47.152 cp
- Đại diện Tập đoàn Hóa chất Việt Nam: 10.363.892 cp – 10%.

Employment history: Related to Casumina

- 2007: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2008 – 30/04/2011: Chief Accountant, Casumina.
- May 2011 – April 2013: Deputy General Director cum. Chief Accountant, Casumina.
- May 2013 - now: member of Board of Directors, Deputy General Director, Casumina

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 47,152 shares
- Holdings on behalf of Vinachem: 10,363,892 shares – 10%.

Ông / Mr. NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG

Thành viên Hội Đồng Quản Trị
Member of the Board of Directors

Năm sinh: 11-01-1982

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ

Born in: 11-01-1982

Professional qualifications: Masters



Quá trình công tác:

- 2008 - 2011: Nhân viên Phòng Kế hoạch Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2011 – 2013: Phó phòng Nhân sự Hành chính Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- Tháng 05/2013 – đến nay: Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng Vật tư Công ty cổ phần CNCS Miền Nam

CỔ PHIẾU NẴM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 6.940 cp

Employment history:

- 2008 - 2011: Staff, Planning Department, Casumina.
- 2011 – 2013: Deputy Head of Administration & HR Department, Casumina.
- May 2013 – now: Member of the Board of Directors, Head of Material Department, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 6,940 shares



Bà / Ms. ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN

Trưởng ban Kiểm Soát
Head of the Board of Supervisors

Năm sinh: 14/04/1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
Born in: 14/04/1975
Professional qualifications: Bachelor of Economics

Quá trình công tác:

- 1996 - 2007: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2007 - 2010: Trưởng phòng kế toán Xí nghiệp Găng tay Việt Hưng, trực thuộc Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2010 - 2016: Phó phòng Tài chính Kế toán Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.
- 2016 - đến nay: Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần CNCS Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 5.601 cp

Employment history:

- 1996 - 2007: Staff, Accounting Department, Casumina.
- 2007 - 2010: Head of Accounting Department, Viet Hung Gloves Factory, a subsidiary of Casumina.
- 2010 - 2016: Deputy Head of Finance & Accounting Department, Casumina.
- 2016 - now: Head of the Board of Supervisors, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 5,601 shares



Ông / Mr. NGUYỄN SONG THAO

Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Born in: 1962
Professional qualifications: Mechanical Engineer

Quá trình công tác:

- 1987 - 1996: Kỹ sư cơ khí Xí nghiệp cao su Đại Thắng, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 - 2000: Phó xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 - 2004: Trưởng xưởng Cơ khí, Phòng kỹ thuật, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2004 - 2007: Trưởng phòng Cơ năng, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 - 2009: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, kiêm Trưởng phòng Cơ năng Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 - 2014: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2014 - 2016: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bình Dương, Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2016 - đến nay: Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Lốp Radian, Giám đốc Xí nghiệp cao su Hóc Môn, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 34.028 cp

Employment history:

- 1987 - 1996: Mechanical engineer at Dai Thang Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 - 2000: Deputy Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2000 - 2004: Manager, Mechanics Workshop, Technical Department, Casumina.
- 2004 - 2007: Head of Mechanics Department, Casumina.
- 2007 - 2009: Head of Mechanics Department, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2009 - 2014: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2014 - 2016: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Binh Duong Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.
- 2016 - now: Deputy General Director, Casumina cum. Factory Manager of Hoc Mon Rubber Company and Radial Tire Factory, both subsidiaries of Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 34,028 shares



Ông / Mr.
NGUYỄN ĐÌNH ĐÔNG
Phó Tổng Giám Đốc
Deputy General Director

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa.
Born in: 1963
Professional qualifications: Chemical Engineer

Quá trình công tác:

- 1988 – 1996: Kỹ sư Phòng Kỹ thuật, Xí nghiệp cao su Hóc Môn, trực thuộc Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 1996 – 2000: Phó xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2000 – 2002: Trưởng xưởng Luyện kín, Công ty Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2002 – 2005: Phó giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2005 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp cao su Bình Dương, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2007 – 2009: Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.
- 2009 – đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp cao su Miền Nam.

CỔ PHIẾU NẪM GIỮ

- Sở hữu cá nhân: 27.609 cp

Employment history:

- 1988 – 1996: Engineer, Technical Department, Hoc Mon Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 1996 – 2000: Deputy Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2000 – 2002: Manager, Compound Workshop, Casumina.
- 2002 – 2005: Deputy Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2005 – 2006: Factory Manager, Binh Duong Rubber Company, a subsidiary of Casumina.
- 2007 – 2009: Head of Technical Department, Casumina.
- 2009 – now: Deputy General Director, Casumina.

NUMBER OF SHARES

- Individual holdings: 27,609 shares

Chính sách lao động

Labor policy

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp. Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể.

Bảo hiểm và phúc lợi: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Chế độ làm việc: Chế độ làm việc tại Casumina được áp dụng theo đúng luật lao động. Công nhân viên làm việc 8 giờ/ngày được hưởng thù lao và các chế độ phù hợp

TUYỂN DỤNG

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty. Đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản. cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Hình thức đào tạo chủ yếu được thực hiện dưới dạng đào tạo tại chỗ và đào tạo chuyên sâu với các nội dung:

Tập trung và có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng quản lý kinh tế và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng tiêu chuẩn cán bộ, công nhân viên đối với từng chức danh quy định.

Đối với cán bộ, công nhân viên chưa qua thực tiễn được thực hiện luân chuyển công việc, đưa xuống cơ sở một thời gian để rèn luyện, thử thách thêm trong thực tiễn.

LABOR POLICY

Salary: The Company builds a customized salary policy which is appropriate to the specific features of the business and guarantees that labor will receive the full benefits pursuant to the state-specific standard and based on individual's work, capacity and performance.

Bonus: To motivate employees to increase work productivity, the Company has periodic, spontaneous bonuses for individuals and teams.

Insurance and benefits: The Company will cover fees for social security, health insurance pursuant to the local law.

Working hours: Working hours at Casumina will be applied pursuant to labor laws. Employees work for 8 hours per day will receive appropriate wage and benefits.

HIRING PROCESS

The purpose of the Company's recruitment process is to attract labor who has the capacity to work for the Company and meet the demand of business expansion. Subject to specific job position, the Company sets out specific required criteria. However, every position needs to meet some basic requirements such as: basic specialized qualifications; managers need to have a Bachelor's degree, passion for the jobs, be proactive and creative. For those critical positions, hiring requirements are quite strict, with compulsory criteria about work experience, analyzing skills and language, information technology skills.

TRAINING

The Company always maintains an annual training program in order to advance all employees' skills. Training forms are mainly on-site and in depth with the following details:

Focus and having plans of training, retraining and fostering economic management and professional knowledge skills, to meet the criteria for each job position.

Staff with no experience will participate in job rotation and go to the office for on-the-job training. For critical managing staff, the Company will focus on fostering economic management knowledge; cooperation, joint venture with foreigners; project

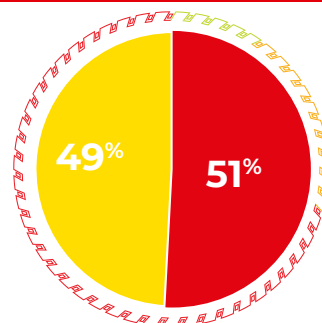
Đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, được công ty chú trọng bồi dưỡng các kiến thức về quản lý kinh tế; về hợp tác, liên doanh, liên kết với nước ngoài; về quản lý và điều hành dự án; về pháp luật thuộc các lĩnh vực phụ trách; về tin học và ngoại ngữ. Đặc biệt ưu tiên đào tạo trình độ trên đại học để nâng cao về chuyên môn, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ và định hướng chiến lược phát triển của công ty.

Hàng năm các phòng ban, đơn vị trực thuộc tiến hành rà soát kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng trong năm, xây dựng kế hoạch về công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ công nhân viên thuộc đơn vị mình cho năm sau và báo cáo cho Giám đốc để theo dõi, chỉ đạo.

execution and management; specific law on each professional knowledge; language and information technology. Special priority is to acquire post-graduate degrees in order to enhance professional knowledge, which is appropriate to the requirements, objectives, and development strategy of the Company.

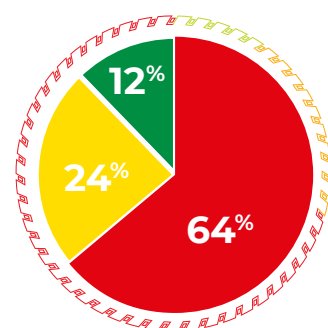
Annually each department reviews current training performance, builds next-year plans for training, retraining and fostering staff and reports to Directors for guidance.

STT No.	Tiêu chí Indicator	Số lượng người Amount of people	Tỷ trọng Percentage
I	Theo trình độ lao động Based on education level	100%	100%
1	Trình độ lao động phổ thông Common labor	64%	64%
2	Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng College, university and above labor	24%	24%
3	Trình độ trung cấp Intermediate labor	12%	12%
II	Theo loại hợp đồng lao động Based on type of contract	100%	100%
1	Hợp đồng không thời hạn Labor contract without fixed term	57%	57%
2	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm Fixed term contract (1-3 year)	40%	40%
3	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm) Temporary labor contract (less than 1 year)	3%	3%
III	Theo tính chất lao động Based on working feature	100%	100%
1	Trực tiếp sản xuất Direct labor	51%	51%
2	Không trực tiếp sản xuất Indirect labor	49%	49%



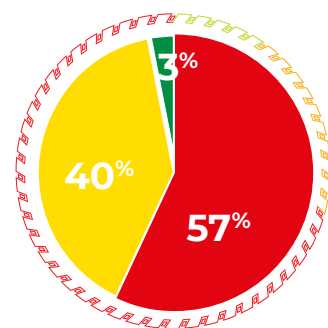
THEO TÍNH CHẤT LAO ĐỘNG
BASED ON WORKING FEATURE

- **Trực tiếp sản xuất**
Direct labor
- **Không trực tiếp sản xuất**
Indirect labor



THEO TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG
BASED ON EDUCATION LEVEL

- **Trình độ lao động phổ thông**
Common labor
- **Trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng**
College, university and above labor
- **Trình độ trung cấp**
Intermediate labor



THEO LOẠI HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
BASED ON TYPE OF CONTRACT

- **Hợp đồng không thời hạn**
Labor contract without fixed term
- **Hợp đồng xác định từ 1-3 năm**
Fixed term contract (1-3 years)
- **Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)**
Temporary labor contract (less than 1 year)

Cơ cấu cổ đông

Shareholder structure

Cơ cấu cổ đông Shareholder structure	Số lượng cổ đông Number of shareholders	Số cổ phần Number of shares	Tổng giá trị theo mệnh giá Total par value	Tỷ lệ Percentage
Cổ đông trong nước Domestic shareholders	6,028	99,497,299	994,972,990,000	96.0%
Tổ chức Institution	67	53,159,432	531,594,320,000	51.3%
Cá nhân Individual	5,961	46,337,867	463,378,670,000	44.7%
Cổ đông nước ngoài Foreign shareholders	132	4,129,168	41,291,680,000	4.0%
Tổ chức Institutional	26	3,777,563	37,775,630,000	3.6%
Cá nhân Individual	106	351,605	3,516,050,000	0.3%
Cổ phiếu quỹ Treasury shares		1,205	12,050,000	0.001%
Tổng cộng Total	6,160	103,626,467	1,036,264,670,000	100%

	2017	2018	2019
ROE	5.31%	1.27%	5.06%
ROA	1.37%	0.34%	1.37%
Hệ số thanh toán ngắn hạn Current ratio	1.04	0.97	1.01
Hệ số Nợ/Tổng tài sản Debt/Total assets ratio	69.26%	69.07%	67.48%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu Debt/Owners' Equity ratio	225.27%	223.32%	207.51%

Các đơn vị thành viên Subsidiaries

1.

XN Cao su Hóc Môn

Hoc Mon rubber factory



- Địa chỉ: Phường Tân Thới Hiệp, Q. 12, TP. HCM

- Sản phẩm: lốp xe đạp, sảm xe đạp, lốp xe máy, sảm xe máy, lốp xe công nghiệp, sảm và yếm ô tô

- Address: Tan Thoi Hiep Ward, District 12, HCMC

- Products: bicycle tire, bicycle tube, motorcycle tire, motorcycle tube, industrial tire, automobile tube and flap

2.

XN Bình Dương

Binh Duong factory



- Địa chỉ: TT. Uyên Hưng, Tân Uyên, Bình Dương
- Sản phẩm: Bán thành phẩm cao su, lốp xe nâng, lốp đặc, lốp đắp.

- Address: Uyen Hung Town, Tan Uyen District, Binh Duong Province

- Products: Semi-finished rubber products, forklift tire, solid tire, retread tire.

4.

XN Cao su Đồng Nai

Dong Nai rubber factory

- Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đồng Nai
- Sản phẩm: Lốp xe đạp, lốp xe máy, sảm xe máy, lốp ô tô, lốp nông nghiệp

- Address: Bien Hoa Industrial Zone 1, Dong Nai Province
- Products: Bicycle tire, motorcycle tire and tube, automobile tire, agricultural tire



5.

XN Cao su Bình Lợi

Binh Loi rubber factory

- Địa chỉ: 2/3, Kha Vạn Cân, P. Hiệp Bình Chánh, Q. Thủ Đức, TPHCM
- Sản phẩm: lốp ô tô, lốp nông nghiệp, cao su kỹ thuật.

- Address: 2/3 Kha Van Can Street, Hiep Binh Chanh Ward, Thu Duc District, HCMC
- Products: automobile tire, agricultural tire, technical rubber.



Nhà máy Factory	Sản phẩm Products	Công suất thiết kế (nghìn chiếc/năm) Designed capacity (Thousand pcs/year)	Công suất hoạt động hiện tại (nghìn chiếc/năm) Current capacity (Thousand pcs/year)
CASUMINA RADIAL	Lốp Radial toàn thép (TBR) Truck Bus Radial tire	350	300
	Lốp Radial bán thép (PCR) Passenger Car Radial tire	1.200	1.200
XÍ NGHIỆP CAO SU HÓC MÔN HOC MON RUBBER FACTORY	Sảm xe đạp Bicycle tube	6,900	6,000
	Lốp xe đạp Bicycle tire	1,900	1,600
	Lốp ô tô cổ Antique car tire	25	25
	Sảm xe máy Motorcycle tube	16,000	16,000
	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000	2,700
XÍ NGHIỆP CAO SU ĐỒNG NAI DONG NAI RUBBER FACTORY	Lốp công nghiệp Industrial tire	750	650
	Sảm ô tô Automobile tube	1,200	950
	Yếm ô tô Automobile flap	500	450
	Lốp xe đạp Bicycle tire	3,000	2,200
	Sảm xe máy Motorcycle tube	16,000	13,000
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY	Lốp xe máy Motorcycle tire	3,000	2,200
	Lốp ô tô Car tire	850	750
	Lốp nông nghiệp Agricultural tire	35	20
XÍ NGHIỆP CAO SU BÌNH LỢI BINH LOI RUBBER FACTORY	Lốp ô tô Car tire	350	250
	Ống cao su (tấn/năm) Rubber tube (ton/year)	300	120
XÍ NGHIỆP BÌNH DƯƠNG BINH DUONG FACTORY	Bán thành phẩm (tấn/năm) Master compound (ton/year)	42,000	40,000
	Lốp xe nâng Forklift tire	60	50
	Lốp đặc Solid tire	360	300
	Lốp đắp Retread tire	60	



**ĐỊNH
HƯỚNG**

PHÁT TRIỂN

Development direction

Mục tiêu
Goals

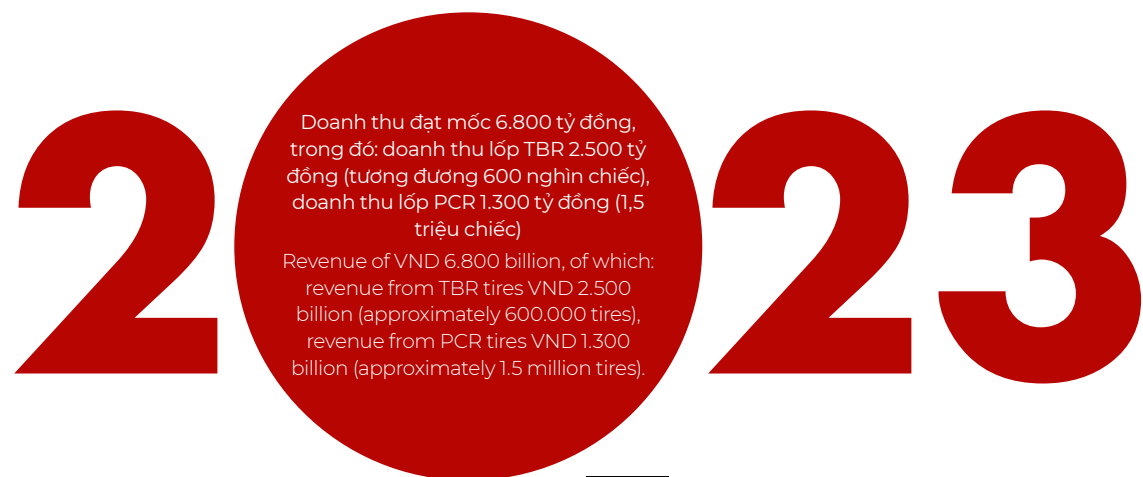
P.38

**Chiến lược
phát triển**
Development
strategies

P.38

Các rủi ro
Risks &
difficulties

P.39



Mục tiêu Goals

Chiến lược phát triển Development strategies

- Giữ vững thị trường sản phẩm truyền thống. Tập trung ba dòng sản phẩm chiến lược: Lốp xe máy không săm (Tubeless), Lốp TBR, Lốp PCR.
- Duy trì vị thế dẫn đầu trong nước đối với dòng lốp ô tô tải bias
- Triển khai phân phối lốp PCR đối với thị trường trong nước. Hợp tác chặt chẽ với các Doanh nghiệp lắp ráp.
- Mở rộng hợp tác toàn diện với các đối tác xuất khẩu lớn, uy tín. Dựa vào lợi thế các chính sách thương mại thế giới đối với công nghiệp sản xuất săm lốp.
- Chú trọng vào công tác nghiên cứu phát triển: Sản xuất thành công những dòng lốp ô tô đặc chủng, đặc thù; Nắm chắc toàn bộ công nghệ sản xuất lốp theo hướng hiện đại
- Phát triển hệ thống bán hàng và hậu mãi dựa vào thương mại thông minh và mạng máy tính

- Maintain the traditional product market. Focus on three strategic product lines: Tubeless Tires, TBR Tires, PCR Tires.
- Maintain the leading position of Bias truck tyre.
- Distribute PCR in domestic market. Work closely with assembling company.
- Work in reputed clients in export market by making use of trade agreement and policy, which give the Company advantages.
- Focus on product development : produce special tyres; manage the whole production line with technology.
- Develop a smart trading platform.

Các rủi ro Risks & difficulties

RỦI RO VỀ KINH TẾ

- Dự báo, năm 2020, tăng trưởng kinh tế Việt Nam ở mức 6,5 - 6,8%, lạm phát tiếp tục duy trì ở mức thấp 3 - 3,8%.
- Một số nhân tố chủ yếu tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2020: Ổn định kinh tế vĩ mô được củng cố vững chắc hơn; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, khu vực kinh tế tư nhân trong nước và thị trường tài chính thuận lợi trong việc tiếp cận, huy động vốn.
- Kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với căng thẳng thương mại phức tạp, khó dự đoán. Ngoài ra, do phụ thuộc khá lớn vào khu vực doanh nghiệp FDI; Tăng trưởng xuất khẩu đang có xu hướng giảm rõ nét và đối mặt với những khó khăn do nhu cầu của các nước đối tác như Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu... giảm.
- Rủi ro về biến đổi khí hậu, dịch bệnh tác động bất lợi đến toàn bộ nền kinh tế thế giới và Việt Nam.
- Mức tăng trưởng của nền công nghiệp ô tô và các doanh nghiệp sản xuất xe máy trong năm 2019 là một yếu tố quan trọng trong việc duy trì, phát triển chuỗi cung ứng, cung cấp linh kiện và thay thế. Mức tăng trưởng gần 6% so với 2018 đối với nhóm xe ô tô các loại và 3.2% đối nhóm xe máy các loại cho thấy thị trường Việt Nam có nhiều tiềm năng.
- Chính sách ưu đãi của Chính phủ Việt Nam trong việc phát triển công nghiệp lắp ráp xe trong nước với tỷ lệ nội địa hóa tăng. Điều này, được đánh giá vừa là cơ hội, vừa là thách thức nếu các doanh nghiệp ngành săm lốp không đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật kèm theo và chuyển đổi dòng lốp vành chéo (bias) sang bố thép (Radial).
- Sức ép từ cạnh tranh nội ngành săm lốp ngày càng diễn ra gay gắt, từ các doanh nghiệp sản xuất trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài đặt nhà máy tại Việt Nam và đặc biệt là hoạt động nhập khẩu săm lốp chưa minh bạch đã tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Casumina.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

- Nợ vay chiếm hơn 50% trong cơ cấu tổng nguồn vốn của CASUMINA, tăng cao so với năm 2018 và dự kiến tiếp tục chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu vốn năm 2019 đã làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhận biết được vấn đề này, CASUMINA luôn quan tâm đến việc kiểm soát và duy trì tỷ lệ nợ

ECONOMIC RISKS

- 2020 forecasting, Vietnam economic growth rate is at 6.5 - 6.8%, inflation rate remains low 3 - 3.8%
- Some key factors keep supporting the economic growth in 2020: Macro economic stabilizing is more consolidated; economic inflation is under control at low rate, domestic personal economic sector and the financial market are easy to approach and raise their capital.
- Vietnam economic will be facing with stressfull, complicated and unpredicted tradings. Otherwise, Vietnam economic depends quite large number on FDI section; Exporting growth will be slow down and will be faced with difficulties, due to the reducing demand of partnership countries i.e. USA, EU, etc.
- Risk of climate changing and diseases cause disadvantage affect to both Global and Vietnam economic.
- Growth rate of automobile and motorcycle manufacturers in 2019 is an important factor in maintaining and developing the supply chain of parts and spare parts. The growth rate comparing to 2018 of automobile group is nearly 6%, while the growth rate of motorcycle group is 3.2%, showing a potential market in Vietnam in 2020
- Vietnam Government gives incentive policies to increase localization rate of automobile and motorcycle assembly. This will be both opportunity and challenge for Vietnamese tires and tubes companies; whenever they can acquire new technical requirements and convert from bias products into radial products in time or not.
- The internal competitive pressure in tyre and tube industry has become fierce, from domestic manufacturers, foreign companies whose factories are located in Vietnam and especially non-transparent tyre and tube import activities have negatively affected Casumina's production and business operations

RISKS OF INTEREST RATE AND EXCHANGE RATE

- Loans accounted for more than 50% of Casumina's total capital structure, which was higher than that of 2018 and expected to take a large proportion in Casumina's 2019 capital structure, resulting in increase in interest expense, thereby directly affecting the Company's business performance. Recognizing this issue, CASUMINA is always

ở mức hợp lý. Casumina đặt mục tiêu duy trì mức lợi nhuận 2.5%/doanh thu.

· Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu thành phẩm của CASUMINA chịu ảnh hưởng bởi biến động tỷ giá. Công ty phải nhập khẩu cao su tổng hợp, than đen, hóa chất... Công ty xuất khẩu các sản phẩm xăm lốp đến nhiều nước như Hoa Kỳ, khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Á. Tỷ trọng doanh thu từ xuất khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao (35% trong năm 2018 và dự kiến tăng lên 40%-45% trong năm 2019). Do đó, biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu các sản phẩm xăm lốp của công ty.

RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

· Hoạt động của CASUMINA chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách có thể xảy ra và khi đó sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã có hiệu lực từ năm 2015, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.

· Chủ trương thoái vốn đối với phần vốn nắm giữ của nhà nước dưới 51% đòi hỏi Công ty phải huy động đủ nguồn lực để tiếp tục duy trì và phát triển thương hiệu Casumina chuyên sản xuất xăm lốp xe các loại.

· Hoạt động hợp tác và tiêu thụ sản phẩm đối với các đối tác nước ngoài đòi hỏi Casumina có một đội ngũ Cán bộ chuyên sâu về lĩnh vực pháp lý quốc tế nhằm thiết lập một quy trình xem xét, chỉnh sửa và ban hành các hợp đồng ngoại phù hợp với luật pháp quốc tế.

RỦI RO VỀ NGUYÊN VẬT LIỆU

· Sự biến động hầu hết các nguyên vật liệu chủ yếu theo hướng tăng mạnh: Cao su tổng hợp, cao su thiên nhiên, bố thép, vải màn, than đen... trong giai đoạn 2016-2019 và vẫn có xu hướng tăng như hiện nay, cùng với thiếu nguyên liệu cục bộ có thể xảy ra trong 6 tháng đầu năm 2020 do nguồn cung ứng bị giới hạn do dịch bệnh là một thách thức lớn đối với ngành xăm lốp xe. Chính sách tăng giá cân đối đầu ra – đầu vào có thể làm giảm sút sản lượng tiêu thụ xăm lốp xe các loại nếu như Casumina không tính toán kỹ lưỡng mức dự trữ hàng tồn kho và chiến lược về giá bán hợp lý trong từng thời kỳ nhất định.

interested in controlling and maintaining debt ratio at a reasonable level. Casumina aims to maintain the loan interest at 2.5% of revenue.

· CASUMINA's raw material import and export activities are significantly affected by exchange rate fluctuations. The Company has to import synthetic rubber, black coal, chemicals, etc. Meanwhile, the Company also exports tyres and tubes to many countries such as USA, Europe, Africa, Asia. Export turnover always accounts for a high proportion (35% in 2018, expected to reach 40% - 45% in 2019). Therefore, the exchange rate fluctuations will affect the import of raw materials and export of tyres and tubes of the Company.

RISK OF LEGALITY

CASUMINA's activities are influenced by the Enterprise Law, the Securities Law and related legal documents. The system of laws and legal documents of Vietnam is still in the process of being completed, changing in policies may occur and then will affect the Company's business activities. The Enterprise Law No. 68/2014 / QH13 which has been effected since 2015 and other relevant laws will also be adjusted accordingly, requiring the company to ready adjust its operations to not break the regulated rules.

· The policy of divesting state capital under 51% requires the Company to mobilize sufficient resources to continue maintaining and developing Casumina brand specializing in manufacturing tires and tubes of all kinds.

· Collaboration and product consumption to foreign partners that requires Casumina to have an professional sale team which understand international legality to set up a process of review, revision and making sale contracts in accordance with international law.

RISK OF RAW MATERIALS

· The price changing of most major raw materials in the direction of a strong increasing: Synthetic rubber, natural rubber, steel cord, nylon cord, carbon black ... in the period of 2016-2019 and still tends to increase as currently. Besides the lack of local materials, which may occur in the first 6 months of 2020 due to disaster, is a big challenge for the tire industry. The policy of increasing the output-input price balance may reduce the consumption of tires and tubes of all kinds if Casumina does not carefully calculate inventory levels and reasonable pricing strategies in each period certain.



· Các nguyên liệu nhập khẩu từ nước ngoài chủ yếu sẽ bị tác động mạnh mẽ bởi sự biến động của giá dầu và chính sách thanh lọc các doanh nghiệp gây ô nhiễm môi trường tại các nước sở tại gây ra tình trạng khan hiếm đối với một số hóa chất đặc thù ngành xăm lốp. Casumina đã phân tán rủi ro bằng việc thiết lập danh sách các nhà cung cấp có uy tín và mối quan hệ hợp tác lâu dài nhằm đảm bảo được mức giá hợp lý nhất, tránh biến động và có nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định.

· Chính sách thu hẹp và những quy định nghiêm ngặt đối với ngành sản xuất hóa chất (trong đó có hóa chất phục vụ cho công nghiệp sản xuất xăm lốp) của các nước là một rủi ro khá nghiêm trọng về sản lượng cung ứng và giá cả.

RỦI RO CẠNH TRANH ĐỐI VỚI NHÓM SẢN PHẨM TRUYỀN THỐNG, NHÓM LỚP TBR VÀ PCR

· Cạnh tranh chủ yếu về giá bán đối nhóm sản phẩm xăm lốp xe đạp, xe máy sẽ là một rủi ro cho toàn ngành khi biên lợi nhuận giảm mạnh, giảm tính liên kết ngành trong nước yếu trong khi sản phẩm nhập ngoại ngày càng chiếm tỷ trọng cao

· Sự cạnh tranh của các thương hiệu nhập khẩu nổi tiếng như: Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook... đặc biệt từ Trung Quốc đối với nhóm sản phẩm lốp TBR với giá rẻ đã tạo áp lực mạnh mẽ đối với Casumina.

· Áp lực về giá nguyên vật liệu tăng, sẽ làm Casumina giảm hiệu quả đối với dòng lốp PCR cung ứng cho thị trường xuất khẩu.

· Raw materials imported from abroad will be strongly affected by oil price fluctuations and purification policy of the enterprises that pollute the environment in host countries. It leads to scarcity for some specific chemicals in tire industry. Casumina has dispersed risks by establishing a long-term partnerships with reputable suppliers, in order to negotiate the most reasonable prices, avoid volatility and have a stable source of raw materials.

· Limitation and strict policy applied on chemical industry (including chemical using for production of tire and tube) of some countries will risk to the stability of supplying volumes and price.

RISK OF COMPETITION IN TRADITION, TBR AND PCR GROUP

· Price competition in bicycle, motorcycle group is a risk for the whole industry when it made total revenue dropped and internal links within the industry weakened; it created an opportunity for imported products to take a large proportion of the market share.

· The competition of well-known importers such as Bridgestone, Goodyear, Michellin, Maxxis, Chengshin, Hankook, etc. especially from China for TBR tyre product rage at low price has created strong pressure on Casumina.

· Increasing pressure of raw material is decreasing the efficiency of Casumina in production of PCR for exporting.



BÁO CÁO

Board of Management
report

BAN ĐIỀU HÀNH

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2019

2019 business
performance
report

P.44

Phương hướng sản xuất kinh doanh 2020

2020 business
orientation

P.51

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Implementation
of investment
projects

P.56

Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 2019

2019 business performance report

Tình hình chung General situation

Nhìn chung trong năm 2019 Công ty đã gặp phải một số khó khăn chính như sau:

· Áp lực cạnh tranh nội ngành ngày càng gay gắt: Thị trường trong nước chịu áp lực lớn từ các sản phẩm nhập khẩu giá rẻ từ các nước lân cận: Trung Quốc, Đông Nam Á... Thị trường xuất khẩu nhóm sản phẩm săm lốp xe đạp, xe máy có sự suy giảm rõ rệt do tác động chủ yếu từ cạnh tranh về giá đối với các nước xuất khẩu cùng ngành.

Nhóm sản phẩm chiến lược lốp Radial toàn thép chưa đạt điểm hòa vốn, trong khi đó sản lượng tiêu thụ của nhóm lốp Bias giảm do sự chuyển đổi nhu cầu thị trường sang lốp Radial, đã ảnh hưởng đến hiệu quả SXKD của Công ty.

Sự biến động của thị trường nguyên vật liệu theo xu hướng tăng, đặc biệt là trong quý 4/2019 có thể được xem là một yếu tố rủi ro của Công ty trong việc bố trí sản xuất đáp ứng nhu cầu thị trường.

Tình trạng biến động lao động trực tiếp sản xuất đã ảnh hưởng đến việc bố trí sản xuất và giảm năng

In 2019 the company encountered some major difficulties as follows:

- Competition between companies in the same industry has been harsh: domestic market is under great pressure from cheap imported products from neighboring countries: China, Southeast Asia ... The export market of bicycle and motorcycle tire and tube has been decreased due to price competition on exporting countries of the same industry.

- The fluctuations of the raw material market, especially in the 4th quarter of 2019, can be considered as a risk factor of the Company in arranging production to meet market demand.

- The situation of direct labor fluctuation has affected the production arrangement and reduced capacity in enterprises. The recruitment of new workers faces many difficulties. It takes a long time to train skilled workers.



suất sản xuất ở các xí nghiệp. Công tác tuyển dụng lao động mới gặp nhiều khó khăn, phải mất nhiều thời gian để đào tạo công nhân lành nghề.

Bên cạnh những khó khăn trên, Công ty có những thuận lợi sau:

· Thị trường săm lốp trong nước được đánh giá có nhiều tiềm năng tăng trưởng: Mức tăng trưởng của các phương tiện vận chuyển ở mức cao (5%-7%), tỷ lệ nội địa hóa của nhóm xe ô tô tăng dần, tạo cơ hội để sản phẩm săm lốp Casumina đạt mức tăng trưởng kỳ vọng.

Việc triển khai sản xuất theo đúng tiến độ đã cam kết với đối tác, đối với nhóm lốp Radial đã phát huy tính hiệu quả rõ rệt. Nhóm Lốp PCR đã đạt 90% công suất, bắt đầu sinh lời. Sản lượng nhóm Lốp TBR xuất khẩu tăng dần là một điểm sáng khi thị trường trong nước không đáp ứng được mục tiêu tăng trưởng của Công ty. Nhóm sản phẩm này đang dần tiệm cận điểm hòa vốn.

Với chính sách dự trữ vật tư hợp lý, tìm kiếm đối tác cung cấp vật tư hiệu quả, Công ty luôn đảm bảo nguồn cung cấp nguyên vật liệu đầu vào ổn định chất lượng, giá cả, đáp ứng kịp thời phục vụ cho sản xuất.

Công tác thực hiện tiết kiệm được duy trì xuyên suốt từ các bộ phận phòng ban đến các phân xưởng nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Besides those difficulties, the Company still also has the following advantages:

- The domestic tire market is assessed to have many growth potentials: The growth rate of transportation vehicles is still high (5% -7%), the localization rate of automobile increases gradually. It's the opportunity for us to achieve expected growth.

- The deployment of production is on schedule as committed with the partner, for Radial tire group, which has promoted its obvious efficiency. The PCR Tire Group has reached 90% of its capacity and has begun to make a profit. Increasing output of TBR tires is a bright spot when the domestic market does not meet the growth target of the Company. This product group is gradually approaching the breakeven point.

- With a reasonable stockpiling policy, company has always been finding reputable suppliers to ensure a stable quality and price of input materials for production.

- Saving policy has been maintained throughout the year, across departments and factory to cut costs and lower products' prices.



Kết quả sản xuất kinh doanh 2019

2019 Business performance

STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	Năm 2018 Year 2018	Năm 2019 Year 2018			
				KH Plan	TH Results	%/2018	%/KH %/plan
1	Giá trị SXCN Industrial production value	Tr.đồng Million dong	3,685,459	4,438,692	3,987,057	108	90
2	Doanh thu Revenue	Tr.đồng Million dong	3,891,984	4,566,983	4,387,614	113	96
2.1	Doanh thu SXCN Industrial production revenue	Tr.đồng Million dong	3,646,597	4,531,983	4,098,426	112	90
2.1.1	Nội địa Domestic	Tr.đồng Million dong	2,287,763	2,770,832	2,372,952	104	86
2.1.2	Xuất khẩu Export	Tr.đồng Million dong	1,358,834	1,761,151	1,725,474	127	98
2.2	Doanh thu KD khác Other business revenue	Tr.đồng Million dong	245,387	35,000	289,188	118	826
3	Lao động & thu nhập Labor & Income						
3.1	Lao động Average labor rate	Người Person	2,290	2,350	2,300	100	98
3.2	Thu nhập bình quân Average income	1000 đồng Thousand dong	8,224	9,000	9,565	116	106
4	Nộp ngân sách Budget	Tr.đồng Million dong	163,926	196,473	172,783	105	88
5	Kim ngạch XNK Import-export turnover	1.000 USD	120,537	155,300	134,467	112	87
6	Đầu tư XDCB Basic construction investment	Tr.đồng Million dong	85,012	5,827	34,603	41	594
7	Lợi nhuận trước thuế Pre-tax profit	Tr.đồng Million dong	16,510	80,000	65,562	397	82
8	Lợi nhuận sau thuế Post-tax profit	Tr.đồng Million dong	13,161	64,000	52,450	399	82
9	Lãi cơ bản trên CP Basic earnings per share	Đồng Dong	91	618	506	556	82

Nhận xét:

Tổng doanh thu tăng trưởng 13% so với cùng kỳ năm 2018, bằng 96% so với kế hoạch 2019. Trong đó:

- Doanh thu xuất khẩu tăng 27%. Mức tăng trưởng cao của khu vực này do sản lượng nhóm lốp Radial xuất khẩu, chiếm tỷ trọng 64%/doanh thu xuất khẩu.
- Doanh thu nội địa tăng 4% so với cùng kỳ 2018. Chỉ tiêu này, thể hiện được nỗ lực của Công ty trong mục tiêu duy trì thị phần trước áp lực cạnh tranh của nhiều sản phẩm nhập khẩu.
- Công ty đã không hoàn thành mục tiêu kế hoạch 2019 về doanh thu: Điều này cho thấy, diễn biến thị trường nội địa không tuân theo quy luật tiêu thụ trong các năm gần đây, bị nhiễu bởi chính sách loạn

Comments:

Revenue increased by 13% over the same period in 2018 and by 96% in comparison with plan for 2019. In which,

- Export revenue increased by 27%. The export revenue reached high growth rate as the capacity for PCR tyre increased. (64% export revenue).
- Domestic revenue increased by 4% over the same period 2018. This indicator reflects the Company's effort to maintain market share before the competitive pressure of many imported products.

giá của các Doanh nghiệp cùng ngành.

· Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 12% so với cùng kỳ năm 2018 và đạt 87% so với kế hoạch 2019. Chỉ tiêu này tăng chủ yếu do Công ty đầu vào – đầu ra nhập khẩu nguyên liệu và xuất khẩu lốp Radial. Đây là một dòng tiền quan trọng giúp Công ty cân đối khối lượng vay vốn lưu động bằng ngoại tệ phục vụ cho nhập khẩu nguyên liệu, giảm thiểu khoản chi phí chênh lệch khi tỷ giá có biến động.

· Lợi nhuận trước thuế đạt 65.5 tỷ đồng, tăng 297% so với cùng kỳ 2018 và bằng 82% so với kế hoạch năm 2019. Chỉ tiêu này thể hiện rõ: Casumina đã cải thiện hiệu quả khá tốt khi sản lượng nhóm lốp Radian tăng dần, đồng thời duy trì hiệu quả của các nhóm sản phẩm truyền thống như: xe đạp, xe máy, ô tô mành chéo. Tuy nhiên, khi phân tích căn cứ vào mức lợi nhuận kế hoạch 2019 là 80 tỷ đồng, cho thấy: chỉ tiêu này chỉ đạt 82%. Xét trong ngắn hạn, Casumina bị tác động bởi nhân tố chủ yếu: 1) Chi phí lãi vay còn khá cao, chiếm 3.4%/ Giá vốn và 2.9%/ Doanh thu. 2) Nhóm lốp Radial toàn thép chưa đạt đến điểm hòa vốn đã tác động mạnh mẽ đến hiệu quả chung của toàn Công ty

- Export – Import turnover increased by 12% over the same period and achieve 87% in compare with plan 2019. The development mainly resulted from the increase in export of PCR tyres and the increase in import materials. This is an important cash flow to help the Company balancing the working capital borrowed in foreign currency for importing raw materials, minimizing the cost difference when the exchange rate fluctuates.

- Pre-tax profit equals 65.5 billion dong, increased 297% over the same period 2018 and 82 % in comparison with the plan for 2019. This indicator is clearly shown: Casumina has improved its efficiency quite well as the output of Radial tire group has increased, while maintaining the effectiveness of traditional product groups such as bicycles, motorcycles, diagonal cars. However, when analyzing based on planned profit of 2019 is 80 billion dong, it is only 82% in compared with plan for 2019. In the short term, Casumina is affected by the following factors: 1) Interest expense is still quite high, it is about 3.4% / Cost price and 2.9% / Revenue. 2) All-steel Radial tires have not reached the breakeven point, which has a strong impact on the overall efficiency of the Company

Tình hình hoạt động năm 2019

2019 operation

CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Bố trí hợp lý lao động, tận dụng tối đa thời gian sản xuất nhằm tăng sản lượng trong điều kiện thiếu lao động trực tiếp sản xuất. Chú trọng công tác điều phối sản xuất giữa các xí nghiệp thành viên, điều phối sản phẩm giữa hai khu vực nội địa và xuất khẩu, hạn chế tình trạng thiếu hàng cục bộ.
- Công tác vật tư, nguyên liệu: Có chính sách dự trữ vật tư hợp lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên vật liệu đầu vào. Tìm kiếm và hợp tác với các Nhà cung cấp mới có giá thành cạnh tranh và đảm bảo chất lượng, đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất.
- Công tác thực hiện tiết kiệm: Các chương trình tiết kiệm chi phí, tiết kiệm nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng ...được triển khai thực hiện xuyên suốt thông qua các phong trào thi đua đã mang lại hiệu quả thiết thực cho Công ty và người lao động.
- Công tác thiết kế và Công nghệ: Tăng cường công tác kiểm soát công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng

PRODUCTION MANAGEMENT

- Labor: Arranging labor appropriately, utilizing the production time to increase capacity in case of shortage skilled labor. Paying attention to the coordination of production among factories, product coordination between the inland and export areas, limiting the shortage product.
- Raw material: The Company has set up a reasonable material reserve policy for strict control of input material and has been seeking for suppliers who offer reasonable price, good quality, stable supply source, timely response to production, bringing efficiency in production and business activities...
- Saving: cost saving plan, raw material saving plan, energy saving plan, etc. which have been implemented throughout the emulation movement that have brought practical effects to the Company and its employees
- Design and Technology: Enhancing technology

sản phẩm. Cải tiến, nâng cao chất lượng các nhóm sản phẩm, kết hợp các chuyên gia Mỹ, Nhật đưa vào sản xuất thí nghiệm các đơn pha chế cải tiến mài mòn lớp Radial toàn thép, cải tiến chất lượng mối nối săm ô tô Radial, nghiên cứu đơn săm xe máy cao su thiên nhiên kháng nhiệt khi lão hóa, tăng cường lực mối nối...

HOÀN THIÊN HỆ THỐNG QUẢN LÝ

- Công ty tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001 và 14001, tiếp tục gửi hồ sơ, sản phẩm mẫu đến các tổ chức có chức năng xin tái cấp giấy chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành săm lốp như: DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS... Đồng thời gửi sản phẩm xin cấp giấy chứng nhận theo QC 34: 2017/BGTVT, Nghị định 46 về quy chuẩn chất lượng, để cung cấp sản phẩm cho các đơn vị lắp ráp ô tô và xe máy.

- Áp dụng đánh giá công việc qua KPI đối với các phòng ban, từng cán bộ quản lý, nhân viên gián tiếp nhằm hỗ trợ đánh giá và đo lường hiệu suất làm việc của từng cá nhân, từ đó có chính sách đãi ngộ một cách hợp lý.

- Thực hiện các công tác quản lý, điều hành SXKD dựa vào các chương trình ERP.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- Dự án đầu tư lớp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm: Công ty sẽ chủ động thực hiện đầu tư chiều sâu, từng bước tăng công suất phù hợp với yêu cầu của thị trường. Trong năm 2019 đã tăng dần công suất dựa vào quá trình hợp lý hóa sản xuất, nhằm tận dụng cơ hội và đáp ứng theo tiến độ đã cam kết với đối tác.

- Đầu tư, tăng năng suất lao động đối với các nhóm sản phẩm hiện có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô Bias, săm ô tô.

- Khai thác Cao ốc văn phòng 180 Nguyễn Thị Minh Khai: Hiện nay đã tiến hành cho thuê một phần mặt bằng.

CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI, ÁP DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT VÀO SẢN XUẤT

Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới luôn được chú trọng nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa.

- Đối với lốp xe máy: Tiếp tục nghiên cứu cải tiến đơn pha chế, nâng cao chất lượng sản phẩm, chú

control to ensure product quality. Developing and improving the quality of product groups, utilizing the knowledge of the U.S and Japanese experts in some new recipes to improve the TBR tire abrasion resistance, increasing the quality of radial automobile tube, studying a new recipe of natural rubber tube for motorbike in order to reduce heat when curing, enhancing the tube strength ...

COMPLETION OF THE MANAGEMENT SYSTEM

- The company continues to maintain the quality management system in compliance with ISO 9001 and 14001, continues to work with organizations providing regionally and internationally recognized certificates for the tyre industry such as DOT, SNI, GSO, E-mark, Inmetro, BIS, etc. and applying for a certificate according to QC 34: 2017 / BGTVT, Decree 46 on quality standards, to provide products for car and motorbike assembling units.

- Continuing to implement the KPI system in the assessment of departments and each manager and indirect staff, this serves as an important basis for assessing the capacity of each employee to make the reasonable treatment and training policies.

- Managing business operation using ERP program.

INVESTMENT

- TBR project investment with capacity of 600 thousand units yearly: actively implementing intensive investment to increase capacity step by step in accordance with market requirements. However, Casumina will try to gradually increase the capacity in 2019 by optimizing the production at the factory to catch all the opportunities in business and fulfill the proposed delivery schedule to customers.

- Investing, increasing labor productivity for existing product groups. Continuing to invest more small equipments to complete some processes in the production line for motorcycle tyre, motorcycle tube, bias automobile tyre and automobile tube.

- Exploiting of the office building at 180 Nguyen Thi Minh Khai street, district 3: Leasing out a part of the building now.

RESEARCH & DEVELOPMENT OF NEW PRODUCTS, APPLICATION OF SCIENCE & TECHNOLOGY IN PRODUCTION

Research and development of new products are always focused to meet the needs of export and domestic markets.

trọng nâng cấp dòng sản phẩm lốp xe máy Tubeless, đa dạng mẫu mã gai, đáp ứng cho từng phân khúc khách hàng.

- Đối với lốp ô tô: Duy trì chất lượng đối với nhóm lốp ô tô Bias, nâng cao chất lượng, đa dạng qui cách dòng sản phẩm lớp Radial toàn thép đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu và nội địa. Tập trung sản xuất dòng sản phẩm lớp Radial bán thép, ổn định chất lượng, sản lượng cung cấp kịp thời cho đối tác.

- Tăng cường công tác hợp tác với đối tác JinYu để nâng công suất sản xuất, tăng sản lượng xuất khẩu và tranh thủ công nghệ để nâng cao chất lượng lớp Radial toàn thép.

CÔNG TÁC TIÊU THỤ

Công tác thị trường

- Hệ thống bán hàng chuyên nghiệp xe đạp và xe máy ngày càng đi vào chiều sâu, công tác kiểm soát giá bán và sản lượng tồn kho tại các Nhà phân phối được thực hiện tốt. Công tác giới thiệu sản phẩm mới và tư vấn sử dụng được thực hiện kịp thời, công tác bảo hành sản phẩm thực hiện nhanh chóng và chu đáo.

- Tăng cường hợp tác, phối hợp nhằm tăng sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm truyền thống. Điều chỉnh các chương trình khuyến mãi phụ hợp, tăng hiệu quả.

- Xây dựng các chính sách bán hàng linh hoạt, kịp thời điều chỉnh hợp lý theo diễn biến tình hình thị trường, tìm kiếm khách hàng, đối tác mới nhằm mở rộng thị phần cho nhóm lốp Radial toàn thép, Radial bán thép.

- Đẩy mạnh công tác bán hàng xuất khẩu, chú trọng công tác tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị trường xuất khẩu lốp.

Phương thức bán hàng

- Công ty áp dụng phương thức giao kế hoạch sản lượng năm, quý và tháng cho đại lý, Nhà phân phối và bán hàng trực tiếp cho các Nhà lắp ráp.

- Tổ chức đào tạo đội ngũ giám sát và nhân viên bán hàng, bán và chào hàng trực tiếp tại các Nhà phân phối, qua đó nắm bắt nhanh thông tin về sản phẩm và khách hàng kịp thời hỗ trợ cho Công ty để ra những chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thị trường.

- Đã xây dựng và điều chỉnh các chính sách bán hàng phù hợp với từng giai đoạn của thị trường, áp dụng các chính sách khuyến mãi để kích cầu và tăng sản lượng tiêu thụ trong từng thời điểm thông qua những phản ánh từ các đội ngũ giám sát, các Nhà phân phối tại các vùng miền.

- Áp dụng chính sách công nợ linh hoạt, tạo sự gắn

- For motorbike tyres: Continuing researching and improving the mixture formulas, applying new materials, improving product quality, diversifying tread designs to meet different customer segments, diversifying traditional range of products to better serve the needs of consumers of each segments.

- For automobile tyres: Maintaining quality for Bias group, improving quality and diversifying specifications, of TBR groups to meet the needs of export and domestic markets. Focusing on producing Radial tire products, stabiling quality, and quantity, timely supplying to partners.

- Cooperating with JinYu to improve productivity, export capacity, enlisting JinYu technology to improve TBR quality.

CONSUMPTION

Marketing

- Professional sales system of bicycles and motorbikes has become more and more in-depth, the control of selling prices and inventories at distributors has been implemented well. The introduction of new products and advice to use is timely, the warranty of the product is done quickly and thoughtfully.

- Enhancing cooperation and coordination to increase consumption of traditional products. Adjusting the promotions accordingly, increasing efficiency.

- Developing flexible sales policies, timely adjust reasonably according to market developments, finding customers and new partners to expand market share for TBR and PCR tyre group.

- Promoting export sales, focus on finding new customers and expanding tire export market.

Sales methods

- The company continues to maintain the annual, quarterly and monthly output plan assigned for dealers and Distributors, simultaneously sell directly to the Assemblers.

- Evaluate and employ selectively supervisors and salesperson team directly undertook the sale and offer at distributors' places so that they can quickly grasp information on products and customers and timely support the Company in setting out sales policies in line with the market situation.

- Developing and adapting Sales policies to each stage of the market to deficit spending and increase consumption through feedback from supervisors and distributors in each region and any reaction from

bổ và đồng thuận của các đại lý, Nhà phân phối.

Công tác quảng bá và xúc tiến

- Thực hiện các chương trình quảng bá tại điểm bán, đồng thời hỗ trợ cung cấp biển biểu quảng cáo, vật phẩm trưng bày tại các điểm bán và Nhà phân phối trên toàn quốc.
- Quảng bá thương hiệu bằng các phương tiện truyền thông truyền thống: Tivi, quảng cáo ngoài trời, xe bus, tạp chí, báo, website, Fanpage ...
- Tham gia các hội chợ và chương trình triển lãm uy tín: Hội chợ HVNCLC, triển lãm Motorshow 2019 (xe ô tô). Qua các chương trình này Công ty đã tiếp cận được thị hiếu của khách hàng, cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm phù hợp với nhu cầu của khách hàng.
- Đối với thị trường xuất khẩu: Công ty đã xúc tiến chương trình nhận diện thương hiệu, hỗ trợ hoạt động Marketing của các nhà phân phối tại khu vực Đông Nam Á. Hỗ trợ cho đại lý tham gia hội chợ: Nam Mỹ, Malaysia, Campuchia.
- Công ty luôn giữ vững các danh hiệu do các tổ chức uy tín bình chọn: Hàng Việt Nam chất lượng cao 23 năm liền, giải thưởng thương hiệu quốc gia 6 năm liền, là một trong 36 doanh nghiệp đã được bình chọn là sản phẩm công nghiệp và công nghiệp hỗ trợ tiêu biểu của TP Hồ Chí Minh năm 2018- 2019. Công ty giữ vững vị trí là một trong năm đơn vị có doanh thu cao nhất Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

the market is timely resolved.

- A flexible debt policy has been applied to create cohesion and consensus of agents and distributors

Promotion

- Direct sales promotion programs are continued to be implemented, at the same time advertisement signboards, display items are provided at retail outlets and distributors nationwide.
- Continuing to promote the brand through traditional media: TVs, outdoor advertising, on buses, magazines, newspapers, website, fanpage, etc ...
- The company has participated in the well-known fair and exhibition such as Vietnamese high-quality good fair, Motorshow 2019. In these events, Casumina knows better about consumer demand in order to improve the quality & design of the products to meet consumer's requirement.
- For export market: The company has launched a brand identity program, and supported the marketing activities of distributors in South East Asia, supported dealers in participating in fairs: South America, Malaysia, Cambodia.
- The company always maintains the titles voted by the prestigious organizations: Vietnamese high-quality goods for 23 consecutive years, the award of national brand name (6 consecutive years), the Company is one of 36 enterprises that have been voted as typical industrial products and supporting industries of Ho Chi Minh City in 2018-2019.. The Company also holds its position as one of five units with the highest revenue of Vietnam National Chemical Group



Phương hướng sản xuất kinh doanh 2020

2020 business orientation

Tình hình chung General situation

KHÓ KHĂN

- Kinh tế toàn cầu vẫn đang trong tình trạng bất ổn do ảnh hưởng diễn biến từ tranh chấp thương mại Mỹ và Trung Quốc, sẽ tác động không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.
- Tình hình dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra phức tạp trên toàn thế giới. Đây là một rủi ro được đánh giá khá nghiêm trọng, sẽ tác động đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam trong năm 2020. Mức tăng trưởng kinh tế trong nước dự báo sẽ không đạt mục tiêu. Nguồn cung ứng nguyên liệu cho sản xuất, đặc biệt là thị trường nguyên liệu của Trung Quốc sẽ gặp nhiều khó khăn.
- Thị trường nguyên vật liệu cung ứng cho ngành sản xuất lốp xe sẽ gặp nhiều khó khăn, tiềm ẩn nhiều rủi ro cả về nguồn cung và giá cả. Điều này sẽ tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạch định chính sách bán hàng đối với các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe.
- Mức độ cạnh tranh trong ngành sản xuất lốp xe ngày càng diễn ra gay gắt, các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam ngày càng nhiều, tạo áp lực cạnh tranh không nhỏ cho các Doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Casumina.
- Phương tiện vận chuyển trong nước dự báo sẽ có xu hướng tăng trưởng chậm lại, thậm chí tăng trưởng âm sẽ là yếu tố làm giảm sản lượng tiêu thụ sản phẩm đối với khu vực nội địa. Ngoài ra, sự cạnh tranh nhóm sản phẩm trở nên khốc liệt với hàng loạt các thương hiệu ngoại nhập từ Thái Lan, Malaysia cùng với các cơ sở nhỏ lẻ đang có xu hướng lớn dần.
- Tỷ giá dự báo có xu hướng tăng trong năm 2020, bên cạnh đó chi phí lãi vay cũng là một trong những yếu tố làm giảm hiệu quả của Công ty.

THUẬN LỢI

- Mặc dù Việt Nam phải đối mặt với những khó khăn, thách thức tiềm ẩn, nhưng nền kinh tế vẫn có nhiều dấu hiệu tăng trưởng khả quan trong năm 2020.

DISADVANTAGES

- Vietnam's economy has been impacted by Global economy which is still not in the stability situation due to US-China trade war
- The complicated outbreak of COVID-19 when it spreads all over the world. This is a fairly serious risk, which will impact on the world's economy and Vietnam's economy in 2020. The domestic economic growth rate is forecasted to not reach the target. Supplying raw materials for production, especially China's raw material market will face many difficulties.
- The market of raw materials for tire and tube industry will face many difficulties and potential risks in both supply and price. This will have a strong impact on the sales policy making process for tire and tube manufacturers.
- Competition level in the tire industry is increasingly fierce, foreign enterprises invest in Vietnam more and more, creating significant competitive pressure for Vietnamese enterprises, including Casumina.
- The growth of local means of transport is low, even negative growth will be a factor to reduce tire consumption in the domestic sector. In addition, the competition of product groups has become fierce with a series of imported brands from Thailand and Malaysia together with small local manufacturers.
- Exchange rate is forecast to be increased in 2020. In addition, loan interest will continue to be a factor that reduces the efficiency of the Company

ADVANTAGES

- Although, facing more potential difficulties and challenges, Vietnam economy still has many positive signs of growth in 2020.
- Vietnam-EU Free Trade Agreements (EVFTA),

- Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA) đã được ký kết và dự kiến có hiệu lực vào 07/2020, mở ra nhiều cơ hội thúc đẩy xuất khẩu cho hàng Việt, trong đó có sản phẩm sảm lốp xe các loại.

- Chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng cùng với sự phát triển của ngành sản xuất, lắp ráp ô tô trong nước là cơ hội tốt để các doanh nghiệp sản xuất sảm lốp xe tăng trưởng.

- Nguồn cung ứng sản phẩm sảm lốp xe các loại của các nước nhập khẩu (đặc biệt là thị trường Mỹ) có thể bị giới hạn, do tác động từ chính sách thương mại và dịch bệnh đối với sản phẩm từ Trung Quốc, có thể xem là một cơ hội trong ngắn hạn đối với các doanh nghiệp sản xuất sảm lốp xe Việt Nam.

- Thị trường xuất khẩu của Casumina có nhiều triển vọng khả quan: Công tác tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu tiếp tục đạt được những bước tiến đáng khích lệ. Việc tăng cường hợp tác với các đối tác lớn, uy tín sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc ổn định sản xuất, đẩy mạnh sản lượng xuất khẩu, tăng trưởng doanh thu, gia tăng hiệu quả SXKD của Công ty.

- Việc tiếp tục tham gia chuỗi cung ứng, cung cấp BTP cho đối tác góp phần tăng trưởng doanh thu của Công ty

which was signed and expected to come into effect on 07/2020 that is opening up many opportunities to boost exports for Vietnamese products including rubber tire and tube.

- The development of infrastructure along with development of domestic automobile manufacturing and assembly industry is a good opportunity for tire and tube manufacturing enterprises' growth.

- The supply chain of tire and tube of imported countries (especially the US market) may be limited, due to the impact of trade policies and disaster on products from China. This is a short-term opportunity for Vietnamese tire and tube enterprises.

- Casumina export market has many promising prospects: The task of finding customers and expanding export markets continues to achieve encouraging steps. Increasing cooperation with large and prestigious partners will create favorable conditions for the Company in stabilizing production, boosting export output, increasing revenue, and increasing production and business efficiency of the Company.

- Continued participating in the supply chain and providing rubber compound to partners contributes to the Company's revenue growth.



CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU NĂM 2020

2020 MAIN TARGETS

Từ những khó khăn - thuận lợi trên, Công ty đề ra phương hướng SXKD năm 2020 như sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

From the above disadvantages and advantages, the Company has set out the business orientation in 2020:

BUSINESS PLAN IN 2020

STT No.	Chỉ tiêu Item	Đvt Unit	TH 2019 2019 Results	KH 2020 Plan 2020	
				Giá trị Value	%2019
1	Giá trị SXCN – Industrial production value	Tr.đồng / Million dong	3,987,057	4,816,700	121
2	Doanh thu – Revenue	"	4,387,614	4,991,500	114
2.1	Doanh thu SXCN – Industrial production revenue	"	4,098,426	4,971,500	121
2.1.1	Nội địa – Domestic	"	2,372,952	2,593,674	109
2.1.2	Xuất khẩu – Export	"	1,725,474	2,377,826	138
2.2	Doanh thu KD – Business revenue	"	289,188	20,000	7
3	Sản lượng hiện vật – Product output				
3.1	Lốp xe máy – Motorcycle tyres	1.000 chiếc / 1.000 pcs	3,287	3,430	104
3.2	Sảm xe máy – Motorcycle tubes	"	18,140	20,740	114
3.3	Lốp xe đạp – Bicycle tyres	"	2,458	2,310	94
3.4	Sảm xe đạp – Bicycle tubes	"	3,729	3,855	103
3.5	Lốp công nghiệp – Industrial tyres	"	418	330	79
3.6	Lốp ô tô, máy kéo – Automobile, tractor tyres	"	1,971	2,308	117
3.6.1	Lốp TBR – TBR tyres	"	175	350	200
3.6.2	Lốp PCR – PCR tyres	"	1,120	1,200	107
3.7	Sảm ô tô – Automobile tubes	"	432	450	104
3.8	Yếm ô tô – Automobile flaps	"	229	275	120
3.9	Găng tay – Gloves	1.000 đôi / 1.000 pairs	4,711	-	-
3.10	Ống cao su dân dụng – Civil rubber hose	Tấn / Ton	69	70	101
3.11	Cao su BTP – Master compound rubber	Tấn / Ton	16,793	18,000	107
4	Lao động & thu nhập – Labor & income				
4.1	Lao động bình quân – Average labor rate	Người / Person	2,300	2,500	109
4.2	Thu nhập bình quân – Average income	1.000 đồng / 1.000 dong	9,565	9,310	98
5	Nộp ngân sách – Budget	Tr.đồng / Million dong	172,783	264,750	113
6	Kim ngạch XNK – Import-export turnover	1.000 USD	134,467	204,743	151
7	Đầu tư XD CB – Basic construction investment	Tr.đồng / Million dong	34,603	5,827	17
8	Lợi nhuận trước thuế – Pre-tax profit	Tr.đồng / Million dong	65,562	150,000	230
9	Cổ tức – Dividend	%	(*)	> %	

Ghi chú:

(*), (**) Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 và tỷ lệ tạm ứng cổ tức 2020 sẽ được trình bày và lấy biểu quyết tại Đại hội theo tờ trình "Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019; Phân phối lợi nhuận năm 2019".

Số liệu kế hoạch 2020 được điều chỉnh vào tháng 09/2019 và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam (Cổ đông giữ 51% cổ phiếu) phê duyệt ban hành (quyết định số 432/QĐ-HCVN, ngày 31 tháng 12 năm 2019)

Note:

(*), (**) The dividend payment ratio in 2019 and dividend advance payment ratio in 2020 will be presented and voted at the General Meeting according to the Statement on "2019 Business performance; 2019 Profit distribution".

Data for plan in 2020 was prepared in September, 2019 and approved by the Vietnam National Chemical Group (the shareholder holding 51% of shares) for approval of issuance (Decision No. 432/QĐ-HCVN dated December 31, 2019).

Một số giải pháp thực hiện Solutions

QUẢN TRỊ CÔNG TY VÀ ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT

- Chú trọng công tác điều hành sản xuất theo hướng chuyên nghiệp và tinh gọn, tận dụng tối đa năng suất máy móc, thiết bị.
- Mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các lợi thế từ các hiệp định thương mại, các quy định của các tổ chức tài chính, thương mại quốc tế.
- Rà soát lại định mức các nhóm sản phẩm, đặc biệt là đối với các nhóm sản phẩm mới, định mức nguyên nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nguyên vật liệu trong sản xuất.
- Kiểm soát tồn kho thành phẩm nhằm làm giảm áp lực về chi phí tồn kho và tăng vòng quay tồn kho. Theo dõi, rà soát chặt tình hình vật tư, sản phẩm chậm luân chuyển, kịp thời đề xuất hướng xử lý nhằm tránh tình trạng ứ đọng, kém phẩm chất do tồn kho lâu.
- Bố trí lao động hợp lý, tăng năng suất lao động. Rà soát và đưa ra các giải pháp hợp lý về chế độ về lương, thưởng, xây dựng các chế độ đãi ngộ tốt để giữ được người lao động.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí, chú trọng công tác kiểm soát chi phí của các bộ phận, phòng ban trong Công ty và các xí nghiệp thành viên.
- Tiếp tục duy trì hệ thống quản lý ISO 9001 (2008) và ISO 14001, và các chứng nhận có giá trị khu vực và quốc tế đối với ngành săm lốp.

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ XDCB

- Dự án đầu tư lốp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm: Công ty sẽ chủ động thực hiện đầu tư chiều sâu, từng bước tăng công suất phù hợp với yêu cầu của thị trường. Trong năm 2020, dự kiến sản lượng sẽ đạt 350 nghìn chiếc, đạt 100% công suất giai đoạn 1 của dự án. Điều này có nghĩa là, để đáp ứng thị trường xuất khẩu, Công ty phải khẩn trương làm việc với Vinachem để đầu tư giai đoạn 2 (600 nghìn chiếc/năm).
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp ô tô Bias, săm ô tô.

CHIẾN LƯỢC SẢN PHẨM

- Tập trung cải tiến chất lượng lốp xe máy Tubeless, lốp Radial toàn thép, Radial bán thép đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
- Nghiên cứu đơn săm xe máy cao su thiên nhiên kháng nhiệt khi lão hóa – tăng cường lực mối nối.

COMPANY GOVERNANCE AND PRODUCTION MANAGEMENT

- Focusing on production management towards professionalism and streamlining, using the most of the productivity of machinery and equipment
- Expanding export markets through advantages from trade agreements, regulations of international financial and trade organizations.
- Review norms of product groups, especially for new product groups, norms of fuel materials, energy saving, and saving raw materials in production.
- Managing stocks to minimize expenses occurs from warehouse and high inventory turnover. Monitor and closely review the situation of material and products that are slowly circulated, promptly propose solutions to avoid stagnation of poor quality product due to long inventory.
- Managing and using labor effectively. Reviewing and making reasonable labor planning and arrangement in production stages and production lines. Considering and proposing appropriate solutions to the average income in order to retain skilled workers.
- Enhancing cost management, focusing on cost control of departments and divisions in the Company and its member enterprises.
- Continue to maintain the management systems ISO 9001 (2008) and ISO 14001, and other regional and international certificates for the tire industry.

BASIC CONSTRUCTION INVESTMENT

- TBR project investment with capacity of 600 thousand units/Year: actively implementing intensive investment to increase capacity step by step in accordance with market requirements. This means that, in order to meet export markets, the Company must urgently work with Vinachem to invest in phase 2 (600,000 units/year).
- Continue to invest in small and odd equipment to complete a number of stages in the production line of motorcycle tires and tubes, Bias automobile tires and tube

PRODUCT STRATEGY

- Focusing on improving product quality of tubeless motorcycle tires, TBR and PCR to meet the needs of domestic and export market
- Starting the mass production of two-formulas Tubeless tyre – smooth, good road friction, easy to install.

- Tiếp tục nghiên cứu, cải tiến chất lượng mối nối săm ô tô Radial.
- Tiếp tục công tác kiểm soát công nghệ nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, hạn chế tỷ lệ khiếu nại khách hàng.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động quảng bá, phát triển thị phần đối với dòng sản phẩm, tham gia các Hội chợ và các chương trình triển lãm có uy tín để giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm khách hàng mới, mở rộng thị trường tiêu thụ

CÔNG TÁC TIẾP THỊ VÀ BÁN HÀNG

- Duy trì hiệu quả hệ thống bán hàng chuyên nghiệp đối với săm lốp xe đạp, xe máy. Hoàn tất triển khai đối với dự án lốp ô tô theo hướng đáp ứng được đặc thù riêng đối với khách hàng.
- Đẩy mạnh công tác đàm phán với các Nhà lắp ráp, các Công ty vận tải, nhằm tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm lốp Bias vành lớn, lốp Radial toàn thép.
- Xây dựng các chính sách, giải pháp để củng cố thị trường nội địa. Chú trọng đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm sản phẩm truyền thống.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp lốp ô tô, tăng cường các chế độ chăm sóc khách hàng. Thực hiện các chính sách khuyến mãi cho từng dòng sản phẩm, điều chỉnh giá bán cho phù hợp với thị trường cạnh tranh.
- Tiếp tục công tác tìm kiếm khách hàng, đối tác mới, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Tiếp tục duy trì hệ thống nhận diện thương hiệu theo hướng hiện đại, đồng bộ. Tập trung vào công tác quảng bá sản phẩm mới theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại.
- Tiếp cận, định hướng và khai thác tốt các công cụ bán hàng hiện đại thông qua các tiện ích do cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đem lại.

- Studying new formula for natural rubber tube to withstand more heat when aging – when aging – strengthening joint forces.
- Continuously studying and improving quality of car tube joint
- Continuously controlling technology to ensure product quality, limiting customer complain.
- Continuing to enhance the promotional activities to increase the market share, participating the prestigious fairs and exhibitions to introduce products, find new customers, expand consuming market.

MARKETING & SALES

- Maintaining the efficiency of a professional sales system for bicycle and motorcycle tires. Completed the deployment of the automobile tire to meet customer-specific characteristics.
- Promoting negotiations with assemblers and transport companies, in order to increase sales volume of big rim and Bias tires and steel radial tires.
- Formulating policies and solutions to strengthen the domestic market. Pay attention to boosting traditional products's consumption
- Continuously improving the professional tire sales system, strengthen customer care regimes. Implementing promotion policies for each product line, adjust selling prices to suit the competitive market.
- Continuously finding new customers and partners, expand export markets.
- Continuously maintaining the brand identity system in the direction of modernity and synchronization. Focus on promoting new products in a professional and modern way.
- Accessing, orienting and exploiting modern sales tools through utilities provided by the industrial revolution 4.0

Tình hình thực hiện các dự án đầu tư

Implementation of investment projects

- Dự án đầu tư lớp TBR nâng công suất lên 600 nghìn chiếc/năm: Công ty sẽ chủ động thực hiện đầu tư chiều sâu, từng bước tăng công suất phù hợp với yêu cầu của thị trường. Trong năm 2019 đã tăng dần công suất dựa vào quá trình hợp lý hóa sản xuất, nhằm tận dụng cơ hội và đáp ứng theo tiến độ đã cam kết với đối tác.

- Đầu tư, tăng năng suất lao động đối với các nhóm sản phẩm hiện có. Tiếp tục đầu tư các thiết bị nhỏ, lẻ để hoàn thiện một số công đoạn trong dây chuyền sản xuất lốp xe máy, săm xe máy, lốp tô tô Bias, săm ô tô.

- Khai thác Cao ốc văn phòng 180 Nguyễn Thị Minh Khai: Hiện nay đã tiến hành cho thuê một phần mặt bằng

· TBR tyre investment project with capacity increasing 600 thousand units/year: actively implementing intensive investment to increase capacity step by step in accordance with market requirements. In 2020, capacity has been gradually increased based on the process of production rationalization, in order to take advantage of opportunities and meet the progress committed with partners.

· Investing , increasing labor productivity for existing product groups. Continuously investing in small and separate equipment to complete a number of stages in the production line of motorbike tire, motorbike tube, Bias automobile tires and tube.

· Exploiting of the office building at 180 Nguyen Thi Minh Khai street, district 3: Leasing out a part of the building now.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
GENERAL MANAGER
PHẠM HỒNG PHÚ





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Board of Directors report

**Tình hình
chung**
General situation

P.60

**Hoạt động
của Hội đồng
Quản trị 2019**

2019 operation
of the Board of
Directors

P.63

Tình hình chung

General situation

Bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại và tiềm ẩn yếu tố khó lường. Thương mại toàn cầu tăng chậm hơn dự báo do những thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung ngày càng diễn biến phức tạp. Lạm phát toàn cầu những tháng đầu năm có xu hướng tăng cao hơn năm 2018 do giá năng lượng, đặc biệt là giá dầu bình quân tăng mạnh. Căng thẳng thương mại giữa các nước lớn cùng với xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch có tác động đến sản xuất, xuất khẩu của Việt Nam và các nước trong khu vực. Trong khi nền kinh tế thế giới năm 2019 gặp nhiều khăn, kinh tế Việt Nam vẫn chứng tỏ sức hút của thị trường mới hội nhập và tiềm năng lớn lao của một nền kinh tế trẻ năng động với nhiều thành tựu, góp phần tạo triển vọng cho đà phát triển tích cực trong năm 2020 tới đây.

Điều cần nhắc đến là tốc độ tăng trưởng GDP năm 2019 của Việt Nam đạt 7.2%, thuộc top các nền kinh tế tăng trưởng cao nhất khu vực và cả thế giới. Trong khi, kinh tế thế giới tăng trưởng chậm với nhiều rủi ro và bất ổn gia tăng, nền kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng, không theo xu hướng sụt giảm chung của thế giới, Mặc dù phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, tồn tại và hạn chế.

Ngành công nghiệp ô tô trong nước cũng có những bước phát triển quan trọng và dần trở thành ngành then chốt đối với phát triển kinh tế Việt Nam. Qua số liệu tăng trưởng về số lượng xe lắp ráp tại Việt Nam (bao gồm cả xe máy và xe ô tô các loại nói chung cho thấy nhu cầu sử dụng sản phẩm lốp xe tăng.

Tuy nhiên, năm 2019 là một năm không thuận lợi, nhiều thách thức đối ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe trong nước: Sự biến động khó dự báo của nguyên vật liệu đầu vào, sự khan hiếm các loại hóa chất phục vụ ngành sản xuất sản phẩm lốp do chính sách bảo vệ môi trường một cách nghiêm ngặt của các nước xuất khẩu và tràn ngập các thương hiệu sản phẩm lốp nhập khẩu từ các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Indonesia... đã làm cho các doanh nghiệp nội địa chật vật trong chính sách tồn trữ và bán hàng.

Về cơ bản, chính sách giá bán linh hoạt trong năm 2019 đã giúp Casumina giữ vững thị phần, đạt mục tiêu tăng trưởng cao đối với nhóm lốp Radial, bao gồm cả Radial toàn thép (TBR) và Radial bán thép (PCR). Công ty đã hiện đúng tiến độ cam kết về cung cấp lốp Radial bán thép (PCR) cho đối tác, đồng thời

Global economic in 2019 slowed down with growing number of uncertainties, the slowing down was the result of changes in economic policy of The America and the heated-up US-China trade war. Global inflation in early of 2019 grew more than it did in the same period in 2018 that was because of the newly increased energy price, especially for oil price as it witnessed a sharp rise. Conflicts between major economies and the raise of protectionism affected production as well as export activities of Vietnam and countries in SEA areas.

While World economy 2019 had to face difficulties, Vietnam's economy still proves the attraction of the newly integrated market and the great potential of a dynamic young economy with many achievements which will contribute to positive development prospects in 2020.

It is worth mentioning that Nominal Gross Domestic Product (GDP) in 2019 is 7.2%, this is the top highest growth economies in the region and whole the world. Although, facing many difficulties, challenges and limitations, Vietnam economy has been growing up, not following the general downtrend of the world while world economy grew slowly with more risks and increased instability.

The domestic automobile industry has also experienced important development steps and has gradually become a key industry for the economic development of Vietnam. The data on growth in the number of vehicles assembled in Vietnam (including motorcycles and automobiles in general) shows the increasing demand for tubes and tyres.

However, 2019 was an unfavorable year with many challenges for the domestic tyre industry: the unpredictable volatility of input materials, the shortage of chemicals for the tyre production industry, causing by strict environmental protection policy of exporting countries and the abundance of tube and tyre brands from China, Thailand, Indonesia, etc. have made the domestic enterprises with inventory planning and sales policy.

Basically, the flexible price policy in 2019 helped Casumina maintain its market share and achieved its growth targets for radial tyre group included Truck & bus radial tire (TBR), and passenger car radial tire (PCR). The Company has meet PCR supply schedule proposed to clients, also created competitive advan-

tạo lợi thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành trong việc cân đối giữa giá đầu vào – đầu ra. Sự đa dạng của dãy sản phẩm cùng loại giữa các doanh nghiệp sản phẩm (đặc biệt là phân khúc giá rẻ) đã đẩy các doanh nghiệp (cả nội địa lẫn nước ngoài) vào cuộc chiến về giá bán. Điều này, dẫn đến hệ lụy là hiệu quả của toàn ngành sản phẩm xe nội địa giảm đi rõ rệt. Thêm vào đó, sự bất đồng trong chính sách thương mại của các nước lớn đã đẩy sản lượng sản phẩm lốp tồn đọng xuất khẩu sang Việt Nam (đặc biệt là nhóm lốp ô tô tải toàn thép – TBR), đã làm cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp trong nước (trong đó có Casumina) bị ảnh hưởng nghiêm trọng đến kết quả SXKD 2019.

Mức tiêu thụ bị thu hẹp của nhóm lốp ô tô Bias cỡ nhỏ do quy định của chính sách chung về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với xe lắp ráp trong nước đã làm Casumina giảm hiệu quả SXKD 2019.

Casumina đã tham gia sâu vào chuỗi cung ứng Bán thành phẩm cho đối tác Camso đã giúp giải quyết bài toán tăng trưởng doanh thu và cân đối khấu hao, lãi vay trong khi sản lượng tiêu thụ lốp Radial toàn thép chưa đạt công suất thiết kế.

Mức tăng trưởng nhanh của nhóm lốp PCR theo hợp đồng cung ứng cho đối tác xuất khẩu là một thế mạnh của Casumina, với sản lượng thực tế đã tiêu thụ trên 1 triệu lốp trong năm 2019, đã giúp Công ty tạo được lãi gộp, cân đối mức khấu hao và lãi vay cho Nhà máy lốp Radial.

Với lợi thế là doanh nghiệp đang dẫn đầu trong ngành sản phẩm lốp xe tại Việt Nam, cùng với kinh nghiệm trong phân tích và dự báo đúng diễn biến của thị trường, HĐQT Công ty Casumina đã đề ra các chiến lược căn cơ, đặt ra mục tiêu cho từng quý cùng với sự quyết tâm của Ban Tổng giám đốc trong quá trình điều hành hoạt động SXKD, tìm ra các giải pháp nhằm phát huy được nội lực của Công ty như: Thiết kế đổi mới các kiểu gai phù hợp với thị hiếu và địa hình Việt Nam, triển khai thực hiện các đơn hàng theo yêu cầu riêng biệt của từng khách hàng xuất khẩu, hoàn thiện hệ thống bán hàng chuyên nghiệp, sử dụng chính sách bán hàng và hậu mãi linh hoạt, bám sát khách hàng...Đồng thời chỉ đạo thực hiện các biện pháp quản trị như: Hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất từng dây chuyền sản xuất, quản trị tồn kho, thực hiện công tác tiết kiệm, giảm thiểu tỷ lệ phế và hao hụt, áp dụng mô hình quản lý theo mục tiêu chiến lược của công ty thông qua hệ thống BSC...

Từ những hoạt động trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt kết quả như sau: Doanh thu 4,388 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2018,

tage over other enterprises in balancing input and output prices.

The diversity of products in the same segment (especially the segment aiming at blue collar class) had pushed manufacturers (both domestic and foreign companies) into a price war. This war ultimately resulted in a significantly lower efficient rate in all domestic market for tyre and tube. In addition, the disagreement in trading policy between major economies had pushed a large clearance wave of tyre and tube to Vietnam (Especially TBR products), which affected all tyre, tube manufacturers in Vietnam (including Casumina); thus, Business Performance 2019 was heavily impacted.

Consumption of light truck Bias tyre was reduced because of the new policy of technical requirement for automotive assembled in Vietnam. The decreased consumption had affected Casumina Business Performance in 2019.

Casumina has been deeply involved in the compound supply chain for Camso, helping to solve the problem of revenue growth and balance of depreciation and loan interest while the total consumption of TBR tyre has not reached the designed capacity.

The fast growth rate of PCR products for export is a strength of Casumina, with the export volume of up to over than one million in 2019, the growth contributes greatly in Casumina gross profit and helps Casumina balance between depreciation and interest paid for Radial Tire Factory.

Using the advantage of being the leading tyre and tube enterprise in Vietnam, in combination with its experiences in market analysis and forecast, Casumina's Board of Directors has set out the basic strategy, set out targets for each quarter, and together with the determination of the Board of General Directors in the process of operating business activities, worked out solutions to promote the Company's internal force such as: innovative designs of tread which are suitable with the tastes and topography of Vietnam, develop more special designs according to specific requirements of each over-sea customer, completion of the professional sales system, use of the flexible sales and after-sales policy, try to satisfy all special requirement of design for customers. At the same time, the management measures have been directed such as rationalizing production, increasing productivity of each production line, inventory management, implementation of savings, reduction of scraps and loss, application of management model in accordance with the strategic objectives of the company through BSC system, etc.

bằng 96% so với kế hoạch 2019 mà HĐQT đã đặt ra. Lợi nhuận trước thuế 65.6 tỷ đồng, tăng 297% so với cùng kỳ 2018. Thu nhập bình quân là 9.6 triệu đồng/người/tháng, tăng 16% so với cùng kỳ 2018.

From the foregoing activities, the business and production activities of the Company have achieved the following results: revenue reached VND 4,388 billion, increasing by 13% over the same period in 2018 and 96% in comparison with the plan in 2019 set out by the Board of Directors. Pre-tax profit reached VND 65.6 billion increasing by 297% over the same period in 2018. Average income was VND 9.6 million/person/month, an increase of 16% over the same period in 2018.

THAY HÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG 2019



Hoạt động của Hội đồng Quản Trị 2019

2019 operation of the Board of Directors

Các cuộc họp của Hội đồng Quản Trị

Meetings of the Board of Directors

Hội đồng quản trị bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 14 cuộc họp. Cụ thể như sau: The Board of Directors consisting of 05 members has held 14 meetings. In particular:

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
1	44/BBH-HĐQT	01/04/2019	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh. - Approving loans from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh Branch.
2	45/BBH-HĐQT	24/04/2019	- Về việc phê duyệt Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật- Ông Nguyễn Đình Đông, kiêm nhiệm chức danh Trưởng phòng Chất lượng. - Về việc rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ năm 2019. - Về việc phê duyệt phương án Sửa chữa lớn Mặt bằng văn phòng 146 Nguyễn Biểu- Quận 5- Tp, HCM. - Appointing Mr Nguyen Dinh Dong Deputy Director of Technology concurrently holding the position of Head of Quality Department - Auditing; reviewing staff planning in 2019 - Approving repair plan of Office 146 Nguyen Bieu
3	46/BBH-HĐQT	12/06/2019	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương VN – Chi nhánh Đông Sài Gòn. - Approving loans from Vietnam Joint Stock Commercial Bank For Industry And Trade – East Sai Gon Branch.
4	47/BBH-HĐQT	25/07/2019	- Kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và Kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019. - Bổ nhiệm lại Phó Giám Đốc XNHN. - Bổ nhiệm Phó Giám Đốc XNĐN - Kế hoạch điều chỉnh Đầu tư Xây dựng năm 2019. - Assessing Business Performance of Q1&Q2/2019, - making new plan for Business Performance of Q3&Q4/2019 - Appointing Deputy- Director of Hoc Mon Factory - Appointing Deputy- Director of Dong Nai Factory - Investment - Construction adjustment plan in 2019
5	48/BBH-HĐQT	05/09/2019	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh. - Approving loans from Joint Stock Commercial Bank for Foreign Trade of Vietnam - Ho Chi Minh Branch.
6	49/BBH-HĐQT	03/10/2019	- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé. - Approving loans from Bank for Investment and Development of Vietnam– Ben Nghe Branch.
7	50/BBH-HĐQT	24/10/2019	- Kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và KH SXKD quý 4/ 2019. - Bổ nhiệm lại Giám Đốc XNBD. - Bổ nhiệm lại Phó Giám Đốc XNBD. - Bổ nhiệm lại TP. XNK. - Kế hoạch đầu tư thiết bị bổ sung, tăng sản lượng lớp toàn thép. - Kế hoạch dự trữ cao su thiên nhiên cho năm 2020. - Assessing Business Performance in 9 month of 2019, making new plan for Business Performance Plan of 4th quarter of 2019 - Appointing Director of Binh Duong factory - Appointing Deputy Director of Binh Duong factory - Appointing General Manager of Import Export Department

STT No.	Biên bản họp Meeting Note No	Thời gian Date	Nội dung Contents of meeting
7	50/BBH-HĐQT	24/10/2019	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế công bố thông tin. - Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.
8	51/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Đông Sài Gòn.
9	52/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Trung tâm kinh doanh khách hàng doanh nghiệp Sailing.
10	53/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án thuê tài chính các thiết bị phục vụ cho SXKD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.
11	54/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả SXKD 2019 và KH SXKD 2020. - Bổ nhiệm Giám Đốc XNHM. - Điều chỉnh sơ đồ tổ chức công ty. - Điều chỉnh thang bảng lương viên chức quản lý và người lao động Công ty. - Quy chế mua sắm (sửa đổi).
12	55/BBH-HĐQT	09/01/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua phương án vay vốn tại Ngân hàng Indovina, chi nhánh Bến Thành.
13	56/BBH-HĐQT	09/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Ước thực hiện Quý 1/2020 và KH SXKD Quý 2/2020.
14	57/BBH-HĐQT	09/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ nhiệm lại Ban Tổng Giám Đốc công ty. - Bổ nhiệm lại các cán bộ quản lý công ty. - Bổ nhiệm mới Giám đốc Xí nghiệp lớp Radial; Phó Giám đốc Xí nghiệp lớp Radial; Trưởng phòng Kỹ thuật- thiết kế. - Công tác chuẩn bị ĐHCĐ. - Biện pháp đảm bảo tiền vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bến Nghé.

Các nghị quyết & quyết định của Hội Đồng Quản Trị

Resolutions & decisions of the Board of Directors

Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 13 Nghị quyết và 4 Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, trả cổ tức, quyết định phê duyệt, quyết định khác. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty

During the year, the Board of Directors issued 13 Resolutions and 4 Decisions with respect to production and business management, dividend payment, approval decision and other decisions. The Resolutions and Decisions of the Board of Directors have been agreed by the members and in compliance with the the Company's Charter.

Về hoạt động giám sát của Hội đồng Quản Trị đối với Ban Giám Đốc

Supervision of the Board of Directors to the Board of Management

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện các giải pháp giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng, thu xếp vốn và triển khai hoặc thoái vốn đối với các dự án đầu tư. Qua kiểm điểm công tác cho thấy Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao.

With the aim of boosting and improving the efficiency of production and business activities, the Board of Directors directs, supervises and supports the Board of General Directors in implementing solutions to reduce production costs, enhance the management, improve product quality, sales promotion, capital arrangement and deploy or divest in investment projects. The review showed that the Board of General Directors has implemented the resolutions and conclusions of the Board of Directors with great effort.

Báo cáo chi phí thù lao của Hội đồng Quản Trị & Ban Kiểm Soát công ty

Report on remuneration of the Board of Directors & the Board of Supervisors

Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>Chairman of the Board of Directors</i>	72.000.000 đồng/năm <i>VND 72,000,000 per year</i>
Các thành viên Hội đồng quản trị <i>Members of the Board of Directors</i>	242.000.000 đồng/năm <i>VND 242,000,000 per year</i>
Các thành viên Ban kiểm soát <i>Members of the Supervisory Board</i>	72.000.000 đồng/năm <i>VND 72,000,000 per year</i>
Thư ký Hội đồng quản trị <i>Secretary of the Board of Directors</i>	54.000.000 đồng/năm <i>VND 54,000,000 per year</i>

Tổng số tiền thù lao đã chi năm 2019: 440 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại Đại hội cổ đông năm 2019.

Trưởng ban kiểm soát chuyên trách với mức lương tương đương với Kế toán trưởng (không có thù lao). Tổng lương là 420 triệu đồng, bằng 100% mức duyệt chi tại đại hội cổ đông năm 2019.

Thành viên HĐQT trong năm 2019 có sự thay đổi: Ông Lê Tùng Quân – UV. HĐQT, người đại diện cho cổ đông 51%, đã thôi việc từ tháng 09/2019.

The total remuneration paid in 2019: VND 440 million, equivalent to 100% of the approved rate at the general meeting of shareholders in 2019.

The full-time chief supervisor enjoys the equal salary to the chief accountant (no remuneration). Total salary was VND 420 million, equivalent to 100% of the approved rate for expenditures at the general meeting of shareholders in 2019.

- There is one person change in the Members of the Board of Directors : Mr Le Tung Quan- representative for 51% shareholders has been quitted since 9/2019.

Phương hướng hoạt động của Hội đồng Quản Trị năm 2020

2020 orientation of the Board of Directors

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty đến năm 2020 và định hướng kế hoạch SXKD trung hạn 2020-2025 của Công ty. Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2020

Tổng doanh thu: 4,992 tỷ đồng, tăng 14% so với thực hiện năm 2019.

Lợi nhuận trước thuế : 150 tỷ đồng, tăng 230% so với thực hiện năm 2019.

Chia cổ tức: Mức tối thiểu là 5%

Based on the forecast of the world economy and Vietnam's economy, based on the Company's development plan by 2020, and the Company's Production and Business Mid-term plan by 2020-2025, The Board of Directors has set out the production and business plan in 2020 and the management orientation including the main contents as:

2020 PRODUCTION & BUSINESS TARGET

Total revenue: VND 4.992 billion dong, increasing by 14% in comparison with 2019.

Pretax profit: VND 150 billion, increasing by 230% in comparison with 2019.

Dividend payment: The minimum level is 5%

TẬP TRUNG CHỈ ĐẠO VÀ HỖ TRỢ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tập trung nguồn lực tăng sản lượng sản xuất, đảm bảo theo đúng tiến độ và cam kết cung ứng nhóm lớp TBR và PCR cung cấp cho đối tác xuất khẩu.
- Tìm kiếm các giải pháp công nghệ thực hiện mục tiêu: Cải tiến chất lượng, giảm giá thành sản phẩm nhóm lớp TBR nhằm làm tăng tính cạnh tranh đối với thị trường nội địa.
- Đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ nhóm lớp TBR và nhóm lớp xe máy không săm (Tubeless) tại thị trường nội địa.
- Thực hiện quảng bá và tiêu thụ đạt mục tiêu nhóm lớp PCR với thương hiệu Advenza tại thị trường nội địa và xuất khẩu.
- Tìm mọi giải pháp duy trì thị phần các sản phẩm truyền thống của Casumina nhằm ổn định tỷ suất lợi nhuận của các nhóm sản phẩm này.
- Tận dụng cơ hội mở rộng, hợp tác với các doanh nghiệp ngành săm lốp khi các chính sách thương mại của một số quốc gia lớn có lợi cho công nghiệp sản xuất săm lốp xe tại Việt Nam.
- Lập kế hoạch triển khai các loại hình kinh doanh bắt kịp xu hướng kỷ nguyên số nhằm tạo lợi thế và hiệu quả từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại.
- Thực hiện các giải pháp đột phá việc triển khai tiết kiệm, tiết giảm chi phí nhằm tạo được lợi thế về giá thành.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với các dự án đầu tư đúng tiến độ, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Tiếp tục thực hiện các thủ tục cần thiết theo lộ trình thoái vốn từ cổ đông 51%.
- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện đúng các Quy chế, Quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Hội đồng quản trị về thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020.

Kính trình Đại hội.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
REP. BOARD OF DIRECTORS



CHỦ TỊCH - CHAIRMAN
NGUYỄN XUÂN BẮC

DIRECTION & SUPPORT TO THE BOARD OF DIRECTORS

- Focusing resources to increase capacity to ensure delivery schedules promised to export of TBR and PCR tyre to clients.
- Looking out for technological solutions in order to achieve targets: improve quality, reduce costs for TBR in order to gain competitive advantages in domestic market.
- Speeding up the consumption volume of TBR tyres and tubeless motorcycle tyres in the domestic market.
- Carrying out promotion and consumption to reach the target of Advenza PCR tyre group in domestic and export market.
- Working out all solutions to maintain the market share of Casumina's traditional products to stabilize the profitability ratio of this group.
- Taking the chance to expand market and cooperate with other enterprises in the same industry when major economies' policies are giving manufacturers in Vietnam advantages over other countries.
- Planning for the implementation of business models that keep pace with digital trends so as to create the advantage and efficiency of the industrial revolution 4.0.
- Implementing breakthrough solutions in savings and reduce costs to create production cost advantages.
- Implementing the Resolution of the General Meeting of Shareholders for investment projects on schedule, in accordance with the law and the Charter of the Company.
- Taking initiative in implementing the necessary procedures in line with the divestment plan from the shareholder holding 51%.
- Continuing to improve and strictly comply with the Company's Statutes and Regulations.

Above is the report summarizing the operations of the Board of Directors on executing the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2019 and the operation orientation in 2020.

Yours faithfully.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Board of Supervisors report

Hoạt động của Ban Kiểm soát 2019

2019 operation
of the Board of
Supervisors

P.70

Phương hướng hoạt động 2020

2020 operation
orientation

P.75

Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của HĐQT & Ban Điều hành

Business supervision
result of Board of
Directors & Board of
Management

P.71

Nhận xét & kiến nghị

Comments
&
recommendations

P.73

Hoạt động của Ban Kiểm Soát 2019

2019 operation of the Board of Supervisors

Kính thưa : Quý vị cổ đông

Thực hiện nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, đồng thời căn cứ chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam,

Ban Kiểm soát xin trình bày báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam được tổ chức ngày 28 tháng 04 năm 2020 với các nội dung sau:

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác giám sát theo chức năng và nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và điều lệ Công ty.

- Tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị và các buổi họp điều độ Công ty, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp. Ban Kiểm Soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty;
- Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc trong việc quản lý điều hành Công ty và thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh đã được thông qua Đại hội đồng cổ đông 2019;
- Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, xem xét sổ sách kế toán và tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.
- Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của Nhà nước.

To: Shareholders

In performing the tasks assigned by the General Committee of Shareholders and at the same time properly exercising the powers and duties of the Supervisory Board as stipulated in the company's Charter and Enterprise Law, The Supervisory Board would like to present the report to the Annual General Meeting of Shareholders in 2019 of The Southern Rubber Industry Joint Stock Company held on April 28th, 2020 with the following contents:

In 2019, the Supervisory Board implemented the supervision according to the functions and tasks prescribed in the Enterprise Law and the Company's charter:

- Attending all meetings of the Board of Directors and the Company moderation meetings, commenting on the content discussed in the meeting. The Board of Supervisors has been facilitated by the Board of Directors and the Board of General Directors in providing sufficient information on the production, business and financial situation of the Company;
- Carrying out the supervision of the Board of Directors, the Board of Management in the management and administration of the Company and implementation of resolutions and business plans that were approved by the General Meeting of Shareholders 2019;
- Controlling the development, adjustment and implementation of internal rules and regulations of the Company;
- Appraising audited financial statements, business situation reports, reviewing of accounting books and other documents of the Company in order to assess the truthfulness and reasonableness of financial data.
- Controlling the disclosure of information, order and procedures for organizing the Annual General Meeting of Shareholders in accordance with the regulations of the Stock Exchange and the regulations of the State.

Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Hội đồng Quản Trị & Ban Điều hành

Business supervision result of Board of Directors & Board of Management

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH 2019

- Công ty thực hiện đúng quy định về việc lập báo cáo tài chính và công bố thông tin hàng quý, năm theo quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán và các quy định của nhà nước.
- Công tác kế toán tại Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định liên quan, đảm bảo nguyên tắc trung thực, thận trọng, hợp lý và báo cáo tài chính đã được lập trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Ban Kiểm soát chưa phát hiện có hiện tượng vi phạm trong công tác tài chính kế toán trong kỳ.
- Các BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2019. Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- Ban Kiểm soát thống nhất các số liệu trên BCTC năm 2019 của Ban điều hành đã được kiểm toán.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đánh giá công tác quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT và Ban TGD Công ty đã tuân thủ các quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- Báo cáo quản trị Công ty của Hội Đồng Quản Trị đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động cũng như công tác chỉ đạo, điều hành Công ty. Hội đồng

2019 APPRAISAL OF FINANCIAL STATEMENTS & FINANCIAL ACTIVITIES

- The Company strictly complies with the regulations on making financial statements and disclosing quarterly and annual information in accordance with the regulations of the Stock Exchange and the regulations of the State.
- Accounting work at the Company has fully complied with the relevant regulations, ensuring the principles of honesty, prudence, reasonableness and financial statements have been prepared on the basis of full compliance with the currently regulations The Supervisory Board has not detected any violations in the financial and accounting work in the period.
- The financial statements reflect honestly and reasonably on the important aspects and the Company's financial position on December 31, 2019. Business Performance results and cash flow statement for the year ended on the same day in accordance with Vietnamese Accounting Standards, Corporate Accounting Regimes and in compliance with legal regulations on preparation and presentation of financial statements.
- The Supervisory Board agreed on audited data on Financial Statements in 2019 of the Executive Committee.

RESULTS OF SUPERVISION OF ACTIVITIES OF THE BOARD OF

- In 2019, the Supervisory Board assessed the management and business operations of the Board of Directors and the Board of Management of the Company in compliance with the provisions of the Enterprise Law, the Company's Charter and the provisions of law.
- The Company's Board of Directors report reflects fully and truthfully the activities as well as the direc-

quản trị thường xuyên giám sát Ban Tổng Giám Đốc việc triển khai thực hiện các kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua vào tháng 4/2019.

- Ban Tổng Giám Đốc và các cấp quản lý đã nỗ lực vượt qua những khó khăn thực hiện tốt hơn công tác thị trường, chỉ đạo sát sao công tác sản xuất, trên tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu Item	Kế hoạch 2019 2019 plan	Thực hiện 2019 Achieved in 2019	Kết quả thực hiện/ kế hoạch Result / plan
Doanh thu bán hàng Sales revenue	4.567 tỷ 4,567 billion	4.388 tỷ 3,892 billion	96%
Lợi nhuận thuần Net profit	80 tỷ 80 billion	65,6 tỷ 65,6 billion	82%

Doanh thu bán hàng 2019 Công ty thực hiện 96% kế hoạch theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019. Lợi nhuận thực hiện đạt 82% so với kế hoạch lợi nhuận theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát: Thực hiện đúng theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019.

- Chọn Công ty kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) theo sự uỷ quyền của ĐHĐCĐ 2019

tion and administration of the Company. The Board of Directors regularly oversees the Board of Directors' implementation of business plans approved by the General Meeting of Shareholders in April 2019.

- The Board of Management and management have made great efforts to overcome difficulties in better performance of the market, closely directed production, with a high sense of responsibility for the lawful interests of the Company and Shareholders.

PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE

Sales revenue in 2019: The Company surpassed the plan under Resolution of the Annual General Meeting of Shareholders in 2019 (96% in comparison with the plan)

The realized profit was only 82 % in comparison with the plan 2019.

· Remuneration of Board of Directors and Supervisory Board: in compliance with the Resolution of Annual General Meeting of Shareholders in 2019.

· Selection of an Independent Auditing Company: Southern Auditing & Accounting Financial Consulting Services Company Limited (AASCS) under authorization at the General Meeting of Shareholders in 2019

Ý kiến cổ đông Shareholders' oppinions

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền tham dự Đại hội, Ban kiểm soát chưa nhận được ý kiến đóng góp, khiếu nại của cổ đông về các sai phạm của HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc Công ty, Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

At the time of closing the list of shareholders to exercise the right to attend the General Meeting, the Supervisory Board has not received comments and complaints of shareholders about the mistakes of the BOD, Board of General Directors, the Supervisory Board in the course of performing the assigned tasks

Nhận xét & kiến nghị

Comments & recommendations

NHẬN XÉT

Năm 2019 vẫn là một năm đầy thách thức đối với Công ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nhiều biến động do ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ – Trung, những khó khăn năm 2018 của Công ty vẫn còn ảnh hưởng.

· Hoạt động sản xuất kinh doanh lốp PCR và TBR đã có chiều hướng tốt hơn, lốp PCR đã có lợi nhuận (lợi nhuận ròng xuất khẩu bình quân 5% năm và nội địa 10% năm), lốp TBR đã giảm lỗ 5% so với 2018.

· Tình hình tài chính Công ty đã tận dụng triệt để các ưu đãi để tiết giảm tối đa chi phí phát sinh. Công ty đã thực hiện xong hoàn thuế 100 tỷ, có thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

· Nguồn lao động trực tiếp trong năm ổn định nhờ các chính sách lương thưởng chế độ linh động của Công ty, đã giúp cho sản xuất không còn bị gián đoạn;

· Công tác kỹ thuật – BHLĐ – PCCC được thực hiện thường xuyên định kỳ tại từng đơn vị thành viên, có đánh giá xử lý kết quả.

· Công tác bán hàng có sự thay đổi tích cực trong chính sách phân phối, các chế độ hậu mãi được thực hiện đăng ký đúng theo quy định của Luật thương mại.

Tuy kết quả lợi nhuận năm 2019 chưa đạt đúng theo NQ ĐHĐCĐ 2019, nhưng bằng tất cả sự nỗ lực của Ban Tổng Giám Đốc cũng như toàn thể nhân viên Công ty đã cố gắng vượt qua những trở ngại khó khăn để duy trì ổn định và tạo tiền đề phát triển Công ty tốt hơn trong năm 2020 cũng như trong tương lai.

Năm 2019, Ban Kiểm soát không tìm thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường hay sai phạm nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày BCTC 2019 của Công ty là phù hợp với Chế độ kế toán ban hành của Bộ Tài Chính, các chính sách và phương pháp kế toán được Công ty áp dụng nhất quán

COMMENTS

It was still a challenging year for the Southern Rubber Industry Joint Stock Company in 2019 due to the difficulties since 2018 and the impact of world economic fluctuations, especially the US-China trade war.

· PCR and TBR tire production and business tend to be better, PCR tires have been profitable (average net profit export is 5% per year and domestic is 10% per year), TBR tire loss has reduced by 5%. compared to 2018.

· The Company has fully utilized the incentives to minimize incurred costs. The company has completed a refund of 100 billion VND, with more capital for production and business activities.

· The direct labor force in the year was stable due to the Company's flexible remuneration and bonus policies, which made production no longer interrupted;

· Technical work - Labor protection - Fire protection is carried out regularly at each factory member .

· Sales activities have a positive change in the distribution policy, after-sales regimes are registered in accordance with the provisions of the Commercial Law.

Although the profit results in 2019 are not as plan as the Resolution of the General Meeting of Shareholders in 2018 , with all efforts of the Board of Directors as well as all employees of the Company, they have tried to overcome difficult obstacles to maintain stability and create a premise for company development in 2020 as well as in the future.

In 2019, the Supervisory Board did not find any abnormal or irregular signs in the Company's business operations. All activities comply with the Enterprise Law, the Securities Law, the Company's Charter and the provisions of law.

The accounting system, the applicable accounting policies and the presentation of the Company's Financial Statements 2019 are in conformity with the Ministry of Finance's accounting regulations, accounting policies and methods consistently adopted by the Company.

KIẾN NGHỊ

- Tiếp tục duy trì kiểm tra thường xuyên tiêu hao định mức – chi phí quản lý nhằm tối ưu nhất giá thành sản phẩm.
- Ổn định chất lượng sản phẩm, khắc phục triệt để các khuyết điểm phản ánh từ người tiêu dùng.
- Tiếp tục tăng cường đơn đốc thu hồi công nợ, để giảm bớt số dư nợ.
- Đẩy mạnh công tác bán hàng, giữ vững và mở rộng thị phần trong nước.

RECOMMENDATIONS:

- Continue to maintain regularly checking of consumption norms - management costs to optimize the price of the product.
- Stabilizing product quality, thoroughly overcome the defects reflected from consumers
- Continue to strengthen collecting debts, reducing the debt balance
- Continue to propose optimized sales policies to expand and maintain markets



Phương hướng hoạt động 2020 của Ban Kiểm Soát

2020 operation orientation of the Board of Supervisors

Thực hiện nhiệm vụ chức năng của Ban Kiểm Soát theo đúng quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty :

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các Nghị quyết Quyết định của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Giám sát hoạt động quản lý và điều hành công ty của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc;
- Thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Nhằm tạo điều kiện cho Hội đồng quản trị chủ động chọn lựa đơn vị kiểm toán độc lập với các tiêu chuẩn về tính chuyên nghiệp, chi phí hợp lý... Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ đội ngũ kiểm toán viên của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch do của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận, Ban Kiểm soát xin được trình Đại hội cổ đông 03 Công ty Kiểm toán sau:

□ Công ty TNHH Dịch vụ tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS)

□ Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (gọi tắt là AASC)

□ Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Trên đây là báo cáo năm 2019 của Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Trân trọng kính chào

TM. BAN KIỂM SOÁT
REP. BOARD OF SUPERVISORS


ĐÀO THỊ CHUNG TIẾN

The Supervisory Board has implemented the supervision according to the functions and tasks prescribed in the Enterprise Law and the Company's charter.

- Examining and supervising the execution of the Resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders in 2020, Resolutions of the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Supervising the management and operation of the company by the Board of Directors and the Board of General Directors;

- Carrying out the appraisal of financial statements, Business Performance Activities report of the Company;

- In order to help the Board of Directors actively select independent auditing company with professional standards and reasonable expenses ... the Supervisory Board shall, after reaching agreement with the Board of Management, propose the Shareholders' meeting to authorize the Board of Management to make selection based on the capacity, qualifications and auditors team of the independent auditing companies which meet the auditing standards of the listed companies and the approved by State Securities Commission. The Supervisory Board want to submit to the Shareholders' meeting 4 auditing companies as follows:

□ Southern Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASCS)

□ Auditing and Accounting Financial Consultant Services Company Limited (AASC)

□ Auditing and Consultant Company Limited (A&C)

Above is the report in 2019 of the Supervisory Board to submit to the Annual General Meeting of Shareholders in 2020.

Your Faithfully,



BÁO CÁO
VỀ
Environmental & social
report

MÔI TRƯỜNG
& XÃ HỘI

**Quản lý
nguồn
nguyên vật
liệu**
Raw material
management
policy

P.79

**Tình hình
tiêu thụ năng
lượng**

Energy
consumption
situation

P.79

**Hướng đến
cộng đồng**

To social
relationship

P.81

**Tuân thủ
pháp luật
về bảo vệ
môi trường**
Compliance
with
environmental
regulations

P.80



· Với đặc thù là doanh nghiệp sản xuất sản phẩm lốp xe, Casumina sử dụng nguồn nguyên liệu chủ yếu là cao su các loại, than đen, vải màn và một số hóa chất khác. Điều này đòi hỏi Casumina phải thiết kế và có chính sách nghiêm ngặt về bảo quản, tồn trữ nguyên liệu thông qua hệ thống kho tàng và quy trình kiểm soát chặt chẽ (ISO 9001 – 2008 và ISO 14001- 2004).

· Casumina đã thiết lập hệ thống an toàn – phòng chống cháy nổ với đội ngũ được huấn luyện thường xuyên. Công ty duy trì mạng lưới an toàn vệ sinh, kịp thời phát hiện và có biện pháp ứng phó đối với những thiết bị không đảm bảo an toàn trước khi vận hành.

· With specific nature of a tyre and tube manufacturer, Casumina mainly uses raw materials including rubber of all kinds, black coal, fabric blinds and some other chemicals. This requires Casumina to design and strictly implement policies on storage and inventory of raw materials under a strict inventory control procedure (ISO 9001 - 2008 and ISO 14001 - 2004).

· Casumina has established a fire prevention and safety system with regularly trained staff. The company maintains a safety and hygiene network for timely detection and responsive measures for unsafe devices before operating.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Raw material management polity

Tình hình tiêu thụ năng lượng

Energy consumption situation



· Casumina sử dụng hai nguồn năng lượng chủ yếu là điện và hơi bão hòa (cung cấp từ lò hơi sử dụng nhiên liệu là mùn cưa).

· Sản lượng điện sử dụng toàn công ty gần 50.000 kwh, giảm 7.2% so với năm 2018 (trong khi sản lượng sản xuất tăng). Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp tiết kiệm điện như: sử dụng các thiết bị điện tiên tiến, phân vùng nguồn điện cho từng khu vực sản xuất nhỏ, giảm thiểu thời gian ngừng máy hoặc chạy không tải...

· Việc chuyển đổi từ sử dụng dầu đốt FO sang sử dụng nguyên liệu đốt mùn cưa đối với hệ thống động lực cung cấp hơi bão hòa đã giúp công ty giảm chi phí sản xuất và giảm thiểu tác động đến môi trường.

· Casumina uses two main sources of energy: electric and saturated steam (supplied from boilers using sawdust).

· Total power consumption of the company is nearly 50,000 kwh, declining by 7.2% in comparison with 2018 (while production output increased). The company has implemented a number of power saving solutions such as using advanced electrical equipment, zoning power distribution area into small production areas, minimizing downtime or no-load operation, etc.

· The transition from using FO oil to sawdust to dynamic systems with saturated steam has helped the Company reduce production costs and minimize environmental impacts.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Compliance with environmental regulations

- Casumina luôn tuân theo các quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam về môi trường.
- Thông qua các đợt kiểm tra định kỳ của cơ quan chức năng quản lý về môi trường đối với các chỉ tiêu về nước thải, khí thải tại các Xí nghiệp thành viên đều đạt ở mức cho phép.
- Đối với chất thải sinh hoạt, công nghiệp và nguy hại được phân loại tại nơi phát sinh, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng, thu gom vận chuyển và xử lý theo qui định của pháp luật.
- Các nguyên liệu đặc thù ngành cao su có thể tận dụng: Vải mảnh cán tráng, Cao su phế liệu được Công ty gom, tập trung tại Xí nghiệp cao su Bình Dương, xay nghiền nhỏ làm nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm như: lốp xe công nghiệp, lốp xe nâng, khe co dãn, đệm cầu cảng...
- Ngoài ra, Casumina là một thành viên tích cực trong hội đồng trách nhiệm Xã hội các Doanh nghiệp Hóa chất Việt Nam (VRCC).
- Casumina complies at all times with the laws of the state of Vietnam on environment.
- Through regular inspections by the competent authorities on environmental management, the effluent and gas emission indicators of the member Factories are at an acceptable level.
- For domestic, industrial and hazardous wastes classified at the sources, the Company signs contracts with functional units for collection, transport and disposal under provisions of law.
- Specific raw materials can be utilized in the rubber industry: Rolled and coated blind fabrics, rubber waste collected by the Company, gathered in Binh Duong Rubber Factory to be ground and milled for making raw materials to produce such products as industrial tyres, forklift tyres, expansion joints, pier buffer, etc.
- In addition, Casumina is an active member of the Vietnam Responsible Care Council (VRCC) of Chemicals Enterprises.



Hướng đến cộng đồng

To social relationship

- Hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động xã hội là hai hoạt động không thể tách rời trong quá trình phát triển bền vững của một doanh nghiệp. Thông qua tuân thủ các chuẩn mực về luật pháp, bảo vệ môi trường, đảm bảo quyền lợi của người lao động và phát triển cộng đồng. Đây là một nội dung quan trọng đang được triển khai thực hiện tốt tại Casumina.
- Với sứ mệnh cống hiến cho xã hội sự an toàn, hạnh phúc hiệu quả và thân thiện. Casumina đang ngày một hoàn thiện hơn trước mục tiêu phát triển bền vững của công ty và cộng đồng.
- Hoạt động công tác xã hội hướng đến cộng đồng trong năm 2018 của casumina bao gồm: Tham gia phong trào đi xe đạp vì môi trường, chăm lo cho các gia đình chính sách, hỗ trợ các trung tâm nuôi dưỡng người già và trẻ em khuyết tật, tham gia cuộc vận động của hội chữ thập đỏ, hỗ trợ các gia đình trong đợt lũ lụt vừa qua....
- Business activities and social activities are two indispensable types of activities in the sustainable development of an enterprise. By complying with legal norms, protecting the environment, ensuring the interests of the employees and developing the community, this is an important content which has been well implemented in Casumina.
- With a mission to bring the safety, happiness, efficiency and friendliness to the society, Casumina has been completing the sustainable development goals of the company and the community.
- Community-oriented social activities of Casumina in 2018 include: Participating in cycling for the environment program, caring for families under preferential treatment policy, supporting centers for the elderly and disabled children, participating in the campaigns of the Red Cross, supporting families in the flood, etc.





BÁO CÁO
Financial statement

TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN

Báo cáo
của Ban
Điều hành
Board of
Management
report

P.01

Báo cáo kiểm
toán độc lập
Independent
auditor report

P.01

Báo cáo
tài chính
đã được
kiểm
toán
Audited
financial
statements

P.01

Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc

Boar of Management report

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Ban Tổng Giám đốc **Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam** (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2019, kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công Nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.

- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

Mô hình hoạt động của doanh nghiệp:

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- Xí nghiệp Cao su Đồng Nai
- Xí nghiệp Cao su Hóc Môn
- Xí nghiệp Cao su Bình Lợi
- Xí nghiệp Cao su Bình Dương
- Xí nghiệp Lốp Radial

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31/12/2019 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội Đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc

Họ và Tên Name	Vị trí Position	Bổ nhiệm Appointed	Từ nhiệm Resigned
-------------------	--------------------	-----------------------	----------------------

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm: Member of the Board of Directors are as follows:

Ông Nguyễn Xuân Bắc	Chủ tịch / Chairman		
Ông Phạm Hồng Phú	Thành viên / Member		
Ông Nguyễn Minh Thiện	Thành viên / Member		
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên / Member		
Ông Lê Tùng Quân	Thành viên / Member		16/09/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám Đốc bao gồm: Member of the Board of Management are as follows:

Ông Phạm Hồng Phú	Tổng Giám đốc điều hành / General Director		
Ông Nguyễn Song Thao	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
Ông Nguyễn Minh Thiện	Phó Tổng Giám đốc / Deputy General Director		
Ông Vũ Quốc Anh	Kế toán trưởng / Chief Accountant		

Các thành viên của Ban Kiểm Soát bao gồm: Member of the Board of Supervisors are as follows:

Bà Đào Thị Chung Tiến	Trưởng Ban Kiểm soát / Head of the Board of Supervisors		
Bà Lê Thị Thu Thủy	Thành viên BKS / Member		
Bà Vũ Thị Bích Ngọc	Thành viên BKS / Member		

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12

năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2019 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020

Thay mặt HĐQT
On behalf of the BOD



CHỦ TỊCH - CHAIRMAN
NGUYỄN XUÂN BẮC

Thay mặt Ban TGD
On behalf of the BOD



TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director
PHẠM HỒNG PHÚ

Báo cáo kiểm toán độc lập

Independent auditor report

Kính gửi:

- Cổ đông Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
- Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam
- Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam, được lập ngày 20 tháng 01 năm 2020 từ trang 87 đến trang 124, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về

việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Cao Su Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP.Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



**Phó Tổng Giám Đốc
LÊ VĂN TUẤN**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0479-2018-142-1



**Kiểm toán viên
LÊ KIM NGỌC**

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0181-2018-142-1

Bảng cân đối kế toán

Balance sheet

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2019	Số đầu năm 1/1/2019
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN SHORT TERM ASSETS	100		2,172,178,466,153	2,054,262,306,254
I Tiền và các khoản tương đương tiền Cash and cash equivalents	110	1	62,580,607,555	77,424,370,998
1 Tiền Cash	111		62,580,607,555	77,424,370,998
2 Các khoản tương đương tiền Cash equivalents	112		-	-
II Đầu tư tài chính ngắn hạn Short-term financial investments	120		-	-
1 Chứng khoán kinh doanh Trading securities	121		-	-
2 Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) Allowance for decline in value of trading securities (*)	122		-	-
3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	123		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn Accounts receivable - short-term	130		810,601,043,295	769,644,532,412
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	131	2	677,152,809,991	598,402,682,818
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn Prepayments to suppliers	132	3	115,055,020,617	161,334,862,486
3 Phải thu nội bộ ngắn hạn Intra-company receivables	133		-	-
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Receivables on construction contracts	134		-	-
5 Phải thu về cho vay ngắn hạn Short-term loans receivable	135		-	-
6 Phải thu ngắn hạn khác Other receivables	136	4	28,154,082,669	18,195,441,019
7 Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful debts (*)	137	5	(9,760,869,982)	(8,288,453,911)
8 Tài sản thiếu chờ xử lý Shortage of assets awaiting resolution	139		-	-
IV Hàng tồn kho Inventories	140		1,224,138,485,368	1,124,607,488,794
1 Hàng tồn kho Inventories	141	6	1,224,138,485,368	1,124,607,488,794
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) Allowance for inventories (*)	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	150		74,858,329,935	82,585,914,050
1 Chi phí trả trước ngắn hạn Short-term prepaid expenses	151	7	18,662,940,553	3,645,195,799
2 Thuế GTGT được khấu trừ Deductible value added tax	152	8	55,825,149,379	77,289,246,643
3 Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước Taxes and other receivables from State	153	9	370,240,003	1,651,471,608
4 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under purchase and resale agreements	154		-	-
5 Tài sản ngắn hạn khác Other short-term assets	155		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
B TÀI SẢN DÀI HẠN LONG-TERM ASSETS	200		1,643,844,207,783	1,808,609,873,366
I Các khoản phải thu dài hạn Accounts receivable – long-term	210		12,347,753,230	11,834,138,230
1 Phải thu dài hạn của khách hàng Accounts receivable from customers	211		-	-
2 Trả trước cho người bán dài hạn Prepayments to suppliers	212		-	-
3 Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc Working capital provided to sub-units	213		-	-
4 Phải thu nội bộ dài hạn Intra-company receivables	214		-	-
5 Phải thu về cho vay dài hạn Long-term loans receivable	215		-	-
6 Phải thu dài hạn khác Other long-term receivables	216	10	12,347,753,230	11,834,138,230
7 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) Allowance for doubtful long-term debts (*)	219		-	-
II Tài sản cố định Fixed assets	220		1,576,584,054,322	1,717,669,880,233
1 Tài sản cố định hữu hình Tangible fixed assets	221	11	1,332,301,462,806	1,461,150,123,488
· Nguyên giá · Cost	222		2,881,009,159,225	2,827,837,457,504
· Giá trị hao mòn lũy kế (*) · Accumulated depreciation (*)	223		(1,548,707,696,419)	(1,366,687,334,016)
2 Tài sản cố định thuê tài chính Finance lease fixed assets	224	12	150,936,426,140	160,775,822,129
· Nguyên giá · Cost	225		180,524,951,696	176,025,955,158
· Giá trị hao mòn lũy kế (*) · Accumulated depreciation (*)	226		(29,588,525,556)	(15,250,133,029)
3 Tài sản cố định vô hình Intangible fixed assets	227	13	93,346,165,376	95,743,934,616
· Nguyên giá · Cost	228		114,901,039,716	114,901,039,716
· Giá trị hao mòn lũy kế (*) · Accumulated depreciation (*)	229		(21,554,874,340)	(19,157,105,100)
III Bất động sản đầu tư Investment properties	230		-	-
· Nguyên giá · Cost	231		-	-
· Giá trị hao mòn lũy kế (*) · Accumulated depreciation (*)	232		-	-
IV Tài sản dở dang dài hạn Long-term work in progress	240		18,096,181,121	21,616,681,843
1 Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn Long-term work in progress	241		-	-
2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang Long-term construction in progress	242	14	18,096,181,121	21,616,681,843
V Đầu tư tài chính dài hạn Long-term financial investments	250	15	6,250,492,667	6,250,492,667
1 Đầu tư vào công ty con Investments in subsidiaries	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết Investments in associates, joint-ventures	252		9,650,345,815	9,650,345,815

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Equity investments in other entities	253		-	-
4 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) Allowance for decline in value of long-term financial investments (*)	254		(3,399,853,148)	(3,399,853,148)
5 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn Held-to-maturity investments	255		-	-
VI Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	260		30,565,726,443	51,238,680,393
1 Chi phí trả trước dài hạn Long-term prepaid expenses	261	16	30,393,435,657	51,238,680,393
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại Deferred tax assets	262	17	172,290,786	-
3 Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn Long-term tools, supplies and spare parts	263		-	-
4 Tài sản dài hạn khác Other long-term assets	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		3,816,022,673,936	3,862,872,179,620
C NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		2,575,078,248,412	2,673,224,655,845
I Nợ ngắn hạn Short-term liabilities	310		2,157,652,431,446	2,121,253,431,820
1 Phải trả người bán ngắn hạn Short-term accounts payable to suppliers	311	18	261,013,660,428	327,729,735,807
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn Short-term advances from customers	312	19	20,908,511,381	15,509,566,771
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước Taxes payable to State Treasury	313	20	11,271,286,856	4,247,436,676
4 Phải trả người lao động Payable to employees	314	21	60,196,728,287	39,079,258,936
5 Chi phí phải trả ngắn hạn Short-term accrued expenses	315	22	60,565,730,032	22,464,518,437
6 Phải trả nội bộ ngắn hạn Short-term intra-company payables	316		-	-
7 Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng Payables on construction contracts according to stages of completion	317		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn Short-term unearned revenue	318		-	-
9 Phải trả ngắn hạn khác Other short-term payables	319	23	44,469,681,439	45,964,804,411
10 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn Short-term borrowings and finance lease liabilities	320	24	1,699,090,707,667	1,659,955,784,075
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn Short-term provisions	321		-	-
12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi Bonus and welfare funds	322	25	136,125,356	6,302,326,707
13 Quỹ bình ổn giá Price stabilization fund	323		-	-
14 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ Government bonds under sale and repurchase agreements	324		-	-
II Nợ dài hạn Long-term liabilities	330		417,425,816,966	551,971,224,025
1 Phải trả người bán dài hạn Long-term accounts payable to suppliers	331		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2 Người mua trả tiền trước dài hạn Long-term advances from customers	322		-	-
3 Chi phí phải trả dài hạn Long-term accrued expenses	333			
4 Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh Intra-company payables for operating capital received	334		-	
5 Phải trả nội bộ dài hạn Long-term intra-company payables	335			
6 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn Long-term unearned revenue	336			
7 Phải trả dài hạn khác Other long-term payables	337	26	13,573,239,000	10,800,000,000
8 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn Long-term borrowings and finance lease liabilities	338	27	403,852,577,966	540,415,105,677
9 Trái phiếu chuyển đổi Convertible bonds	339		-	-
10 Cổ phiếu ưu đãi Preference shares	340		-	-
11 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả Deferred tax liabilities	341		-	756,118,348
12 Dự phòng phải trả dài hạn Long-term provisions	342		-	-
13 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ Science and technology development fund	343		-	-
D VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430) EQUITY (400 = 410 + 430)	400		1,240,944,425,524	1,189,647,523,775
I Vốn chủ sở hữu Owners' Equity	410	28	1,240,944,425,524	1,189,647,523,775
1 Vốn góp của chủ sở hữu Share capital	411		1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
· Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết · Ordinary shares with voting rights	411a		1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
· Cổ phiếu ưu đãi · Preference shares	411b		-	-
2 Thặng dư vốn cổ phần Capital surplus	412		-	-
3 Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu Options to convert bonds into shares	413		-	-
4 Vốn khác của chủ sở hữu Other capital	414		-	-
5 Cổ phiếu quỹ (*) Treasury shares (*)	415		(12,050,000)	(12,050,000)
6 Chênh lệch đánh giá lại tài sản Differences upon asset revaluation	416		-	-
7 Chênh lệch tỷ giá hối đoái Foreign exchange differences	417		-	-
8 Quỹ đầu tư phát triển Investment and development fund	418		137,178,266,919	135,862,208,636
9 Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Enterprise reorganization assistance fund	419		-	-
10 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Other equity funds	420		-	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Retained profits	421		67,513,538,605	17,532,695,139

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Số cuối năm 31/12/2018	Số đầu năm 1/1/2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
· LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước · Retained profits brought forward	421a		15,063,790,229	11,485,676,605
· LNST chưa phân phối kỳ này · Retained profit for the current year	421b		52,449,748,376	6,047,018,534
12 Nguồn vốn đầu tư XDCB Capital expenditure fund	422		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác Non-business expenditure fund and other funds	430		-	-
1 Nguồn kinh phí Non-business expenditure fund	431		-	-
2 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ Non-business expenditure fund invested in fixed assets	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		3,816,022,673,936	3,862,872,179,620

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh



Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Income statement

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2019 Year 2019	Năm 2018 Year 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ Revenue from sales of goods and provision of services	01	1	4,363,262,064,400	3,999,315,929,973
2 Các khoản giảm trừ doanh thu Revenue deductions	02	2	98,069,689,712	107,331,941,067
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02) Net revenue from sales of goods and provisions of services (10 = 01 - 02)	10		4,265,192,374,688	3,891,983,988,906
4 Giá vốn hàng bán Cost of sales	11	3	3,688,486,841,986	3,468,935,505,914
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11) Gross profit from sale of goods and provision of services (20 = 10 - 11)	20		576,705,532,702	423,048,482,992
6 Doanh thu hoạt động tài chính Financial income	21	4	14,712,262,543	8,530,093,675
7 Chi phí tài chính Financial expenses	22	5	144,980,819,650	162,310,708,000
· Trong đó: chi phí lãi vay · In which: Interest expense	23		126,474,706,431	124,602,120,323
8 Chi phí bán hàng Selling expenses	25	6	224,272,303,740	137,619,657,773
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp General and administration expenses	26	7	162,474,517,655	128,367,681,121
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30= 20+(21-22)-(25+26)) Net operating profit (30 = 20 + (21-22) - (24+25))	30		59,690,154,200	3,280,529,773
11 Thu nhập khác Other income	31	8	9,709,294,261	5,213,616,211
12 Chi phí khác Other expenses	32	9	3,837,262,991	420,433,396
13 Lợi nhuận khác (40= 31-32) Results of other activities (40 = 31 - 32)	40		5,872,031,270	4,793,182,815
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30+40) Accounting profit before tax (50= 30+40)	50		65,562,185,470	8,073,712,588
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành Income tax expense - current	51	10	14,040,846,228	1,228,316,778
16 Chi phí thuế TNDN hoãn lại Income tax (benefit)/expense - deferred	52	11	(928,409,134)	798,377,276
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60= 50-51-52) Net profit after tax (60= 50-51-52)	60		52,449,748,376	6,047,018,534
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu Basic earnings per share	70	12	506	91
19 Lãi suy giảm trên cổ phiếu Diluted earnings per share	71		-	-

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu
Issued by


Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant


Vũ Quốc Anh

Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (theo PP gián tiếp)

Cashflows statement (indirect method)

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2019 Year 2019	Năm 2018 Year 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES				
1 Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	1		65,562,185,470	8,073,712,588
2 Điều chỉnh cho các khoản Adjustments for				
· Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT · Depreciation and amortisation	2		199,144,792,521	185,207,681,798
· Các khoản dự phòng · Allowances and provisions	3		1,472,416,071	651,266,124
· Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ · Exchange losses/(gains) arising from revaluation of monetary items denominated in foreign currencies	4		(102,040,117)	4,720,810,038
· Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư · Losses/(gains) from other investing activities	5		(8,440,002,120)	(11,600,185,824)
· Chi phí lãi vay · Interest expense	6		141,480,995,600	137,558,105,909
· Các khoản điều chỉnh khác · Other adjustments	7		-	-
3 Lợi nhuận từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động Operating profit before changes in working capital	8		399,118,347,425	324,611,390,633
· Tăng, giảm các khoản phải thu · Change in receivables	9		(21,782,711,830)	6,480,267,334
· Tăng, giảm hàng tồn kho · Change in inventories	10		(99,530,996,574)	203,693,411,676
· Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) · Change in payables and other liabilities	11		(4,491,019,822)	(49,234,024,957)
· Tăng, giảm chi phí trả trước · Change in prepaid expenses	12		5,827,499,982	(13,031,707,753)
· Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh · Change in trading securities	13		-	-
· Tiền lãi vay đã trả · Interest paid	14		(138,517,073,603)	(133,236,574,927)
· Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp · Income tax paid	15		(4,836,489,240)	(3,740,000,881)
· Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh · Other receipts for operating activities	16		840,867,488	4,865,850,757
· Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh · Other payments for operating activities	17		(7,319,047,978)	(16,799,669,339)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh Net cash flows from operating activities	20		129,309,375,848	323,608,942,543
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES				
1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác Payments for additions to fixed assets	21		(54,538,465,888)	(185,966,744,251)
2 Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác Collections on disposals of fixed assets	22		-	347,765,454
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác Payments for purchase of debt instruments of other entities	23		-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác Proceeds from sales of debt instruments of other entities	24		-	-

Chỉ tiêu Index	Mã số Code	Thuyết minh Note	Năm 2019 Year 2019	Năm 2018 Year 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Payments for investments in other entities	25		-	-
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác Collections on investments in other	26		-	-
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia Receipts of interest and dividends	27		7,599,134,632	6,386,569,613
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư Net cash flows from investing activities	30		(46,939,331,256)	(179,232,409,184)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES				
1 Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu Proceeds from capital contribution	31		-	-
2 Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành Payments for shares repurchases	32		-	-
3 Tiền thu từ đi vay Proceeds from borrowings	33		3,776,496,446,319	3,859,863,625,032
4 Tiền trả nợ gốc vay Payments to settle loan principals	34		(3,835,584,646,152)	(3,889,537,987,356)
5 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính Payments to settle financial lease	35		(37,501,424,935)	(28,977,057,403)
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu Payments of dividends	36		(70,318,335)	(41,345,758,940)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính Net cash flows from financing activities	40		(96,659,943,103)	(99,997,178,667)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40) Net cash flows during the year (50 = 20 + 30 + 40)	50		(14,289,898,511)	44,379,354,692
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ Cash and cash equivalents at the beginning of the year	60		77,424,370,998	33,449,256,058
Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ Effect of exchange rate fluctuations on cash and cash equivalents	61		(553,864,932)	(404,239,752)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70= 50 + 60 + 61) Cash and cash equivalents at the end of the year (70= 50 + 60 + 61)	70		62,580,607,555	77,424,370,998

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh

Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú

Bản thuyết minh báo cáo tài chính Financial report clarification

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam được chuyển từ Công ty Công nghiệp Cao su Miền Nam theo quyết định số 3240/QĐ-BCN ngày 10 tháng 10 năm 2005 của Bộ Công nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0300419930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2006, và thay đổi lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 25 tháng 08 năm 2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.036.264.670.000 VND.

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 1.036.264.670.000 VND, tương đương 103.626.467 cổ phần (mệnh giá 10.000 VND/cổ phần). Trong đó:

- Cổ phần Nhà nước là: 52.855.849 cổ phần, chiếm 51% vốn Điều lệ.
- Cổ phần bán cho các đối tượng khác là: 50.770.618 cổ phần, chiếm 49% vốn Điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty tại 180 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 3, TP HCM.

Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ

Nghành nghề kinh doanh:

- Sản xuất và mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng.
- Mua bán sản phẩm cao su công nghiệp, cao su tiêu dùng. Mua bán nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), thiết bị ngành công nghiệp cao su.
- Kinh doanh bất động sản.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới Báo cáo tài chính:

Không ảnh hưởng.

Tổng số lao động: 2.284 người

Trong đó:

- Lao động gián tiếp: 1.022 người,
- Lao động trực tiếp: 1.262 người.

CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Các khoản được xác định là tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn (dưới 03 tháng), tiền đang chuyển... Hiện có của doanh nghiệp tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền

khác:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm phát sinh được hạch toán theo tỷ giá thực tế phát sinh của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản hoặc tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở nhiều tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như : Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

- Các khoản đầu tư được coi như "tương đương tiền" là khoản đầu tư không có nhiều rủi ro, dễ chuyển hóa thành tiền và có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Chứng khoán kinh doanh:

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi... với mục đích kinh doanh (chờ tăng giá bán kiếm lời).

Kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh, liên kết không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh, liên kết. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh, liên kết phát sinh sau khi góp vốn liên doanh, liên kết.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Dự phòng đầu tư tài chính:

Là dự phòng phần tổn thất do giảm giá chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ có thể xảy ra, hoặc dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác do doanh nghiệp đầu tư vào doanh nghiệp khác bị lỗ;

Dự phòng đầu tư chứng khoán:

Là các loại chứng khoán do doanh nghiệp nắm giữ một cách hợp pháp, được tự do chuyển đổi trên thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính, có sự giảm giá; Mức trích lập là giá trị ghi sổ với giá trị thuần có thể thực hiện được; Doanh nghiệp trích lập dự phòng cho từng loại chứng khoán, thông thường là thời điểm cuối năm tài chính, trường hợp lập báo cáo tài chính giữa niên độ có sự biến động lớn về dự phòng thì có thể trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng về đầu tư chứng khoán tại ngày lập BCTC giữa niên độ.

Dự phòng đầu tư dài hạn:

Là khoản dự phòng do tổn thất đầu tư vào đơn vị khác do đơn vị được đầu tư bị lỗ và nhà đầu tư có khả năng bị mất vốn từ khoản đầu tư này; Mức trích lập là giá trị khoản lỗ trên kết quả kinh của đơn vị nhận đầu tư tương đương với tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư tại thời điểm lập BCTC.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

· Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

· Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải thu có gốc ngoại tệ: được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho không bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường mà nó sẽ được trình bày ở khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn".

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng; Không lập dự phòng cho khoản mục chi phí SXKD dở dang và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị

còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính, ngày 25/04/2013 và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
- Tài sản vô hình và các tài sản khác	tùy thời gian sử dụng

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn. Việc phân bổ phải chọn phương thức hợp lý và nhất quán.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là nợ dài hạn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại

giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và

chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt

động đầu tư tài chính;

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Financial report clarification

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

1 TIỀN & CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền		
Tiền mặt (TK 111)	4,371,667,770	1,334,046,288
- Văn phòng TP.HCM	4,070,900,311	1,186,640,148
- Xí nghiệp Đồng Nai	24,679,419	8,155,133
- Xí nghiệp Hóc Môn	90,091,416	1,983,259
- Xí nghiệp Bình Lợi	116,785,518	3,493,696
- Xí nghiệp Bình Dương	54,709,958	112,168,238
- Xí nghiệp Lốp Radial	14,501,148	21,605,814
Tiền gửi ngân hàng (TK 112)	58,208,939,785	76,090,324,710
Tiền gửi VND	38,815,849,081	25,622,457,737
Văn phòng TP.HCM	37,932,426,127	23,518,060,906
Trong đó:		
- Ngân hàng Công Thương - Sở Giao dịch II	10,572,881,656	4,682,373,230
- Ngân hàng Ngoại Thương - VND	18,710,185,339	9,998,569,146
- Ngân hàng BIDV - CN Bến Nghé	975,570,993	1,918,684,163
Xí nghiệp Đồng Nai	235,600,743	263,756,869
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	1,974,831	158,365,174
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Biên Hòa, Đồng Nai	1,163,514	8,112,078
- Ngân hàng Đông Á - CN Đồng Nai	232,462,398	97,279,617
Xí nghiệp Hóc Môn	91,083,442	1,408,638,102
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN TP.HCM	91,083,442	1,408,638,102
Xí nghiệp Bình Lợi	82,595,470	91,793,822
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đông Sài Gòn	82,595,470	91,793,822
Xí nghiệp Bình Dương	167,801,051	58,827,719
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương	167,801,051	58,827,719
Xí nghiệp Lốp Radial	306,342,248	303,148,949
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Bình Dương	306,342,248	303,148,949
Tiền gửi ngoại tệ	19,393,090,704	50,467,866,973
Văn phòng TP.HCM	19,393,090,704	50,467,866,973
Trong đó:		
Ngân hàng Ngoại Thương -USD	13,792,784,516	38,391,077,063
Ngân hàng Ngoại Thương -EUR	331,547,940	544,929,647
Tổng cộng	62,580,607,555	77,424,370,998

15 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Công ty CP Phillip Carbon Black VN)	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)
Tổng cộng	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)	9,650,345,815	6,250,492,667	(3,399,853,148)

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TK 131)	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ Công Ty TNHH CAMSO Việt Nam	156,649,531,609	139,346,110,122
+ Công Ty TNHH Lốp Xe PT	33,790,226,768 (*)	57,285,636,228
+ Công Ty TNHH Lốp Xe PT	33,335,626,142 (*)	25,807,606,067
+ Công Ty CP Hưng Hải Thịnh	37,671,725,020 (*)	
+ TIRECO, INC		32,450,131,653
+ THE JINYU TIRE (HONG KONG) CO.,LTD	43,365,964,675 (*)	732,291,694
- Các khoản phải thu khách hàng khác:	372,339,735,777	342,780,907,054
Cộng	677,152,809,991	598,402,682,818

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Chi tiết các khoản trả trước cho người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng:		
+ Cty TNHH Đức Việt	55,772,221,565 (*)	136,744,865,204
+ RI International Pte Ltd	7,656,305,552 (*)	7,468,088,264
+ Philips Carbon Black Ltd.	10,160,942,879 (*)	
- Các khoản trả trước cho người bán khác:	41,465,550,621 (*)	17,121,909,018
Cộng	115,055,020,617	161,334,862,486

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
4 Phải thu ngắn hạn khác	28,154,082,669	18,195,441,019
- Phải thu của người lao động (TK 141)	201,870,642	630,542,391
+ Văn phòng TP.HCM	164,370,642	574,042,391
+ Xí nghiệp Hóc Môn	0	0
+ Xí nghiệp Bình Lợi	37,500,000	56,500,000
- Thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (TK 244)	52,914,152	52,014,152
+ Văn phòng TP.HCM	29,795,061	29,795,061
+ Xí nghiệp Hóc Môn	6,000,000	6,000,000
+ Xí nghiệp Bình Lợi	17,119,091	16,219,091
- Bảo hiểm xã hội (TK 3383)	1,639,122,484	1,591,177,047
- Bảo hiểm y tế (TK 3384)	6,407,332	10,130,135
- Phải thu khác (TK 1388)	26,253,768,059	15,911,577,294
+ Phải thu khác (TK 13881)	25,913,706,493	15,404,850,945
- Văn phòng TP.HCM	25,754,164,020	15,256,325,580
Trong đó:		
- Thuế VAT khấu trừ - dự án Radial	1,032,799,874	1,032,799,874
- Khoản ứng trước cho Liên doanh Phillip Carbon	3,370,684,504 (*)	3,370,684,504
- Phải thu tiền lãi cho vay của Cty Đức Việt theo HĐ 07/2013/HĐTV	4,736,328,783 (*)	6,295,490,986

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

PHẢI THU KHÁC	Số cuối năm		Số đầu năm	
ngày 16/01/2013				
- Xí nghiệp Đồng Nai		0		3,610,849
- Xí nghiệp Bình Dương		56,101,564		144,914,516
- Xí nghiệp Radial		103,440,909		

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

+ Phải thu chi phí thí nghiệm xí nghiệp (TK 13882)	340,061,566	506,726,349
10 Phải thu dài hạn khác	12,347,753,230	11,834,138,230
- Ký cược, ký quỹ (TK 2442) - Văn phòng TP.HCM	12,347,753,230	11,834,138,230
Cộng (4) + (10)	40,501,835,899	30,029,579,249

5 NỢ XẤU

Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (TK 2293)	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị nợ xấu				
Chi tiết số dư như sau:				
+ Công ty TNHH PNP VN - BHNĐ (TK 131)	(65,000,051)		(65,000,051)	
+ Công ty TNHH Hồng Phúc - BHXK (TK 131)	(78,488,575)		(78,488,575)	
+ Công ty Todimax - BHXK (TK 131)	(90,100,000)		(90,100,000)	
+ Đức Phương - BHNĐ (TK 131)	(289,067,137)		(289,067,137)	
+ Cty LD TOYO - TOKYO - Tân Bình (TK 131)	(5,852,000)		(5,852,000)	
+ Cty CP XD Số 4 Thăng Long - Tân Bình (TK 131)	(22,556,000)		(22,556,000)	
+ CN Việt Lào Tổng Cty XD MT - Tân Bình (TK 131)	(11,915,976)		(11,915,976)	
+ KIEMDE ABRAIMA - BHXK (TK 131)	(46,520,866)		(46,520,866)	
+ Công nợ Kim Dao (TK 13881)	(35,742,000)		(35,742,000)	
+ Cty TNHH Lê Lợi (TK 131)	(56,000,000)		(56,000,000)	
+ Cty TNHH TBYT Hóa Chất (TK 131)	(73,920,835)		(37,000,000)	
+ BV Đa Khoa Huyện Đông Phú (TK 131)	(7,767,900)		(7,767,900)	
+ Vãng Thị Kim Liêng (TK 131)	(1,318,152,045)		(1,318,152,045)	
+ Cty CP Việt Nam Motors Cần Thơ (TK 131)	(1,592,500,140)		(1,592,500,140)	
+ AL SEDEEK CYCLE CO.,LTD (TK 131)	(386,133,204)		(386,133,204)	
+ VIXAY CHALEUN EXPORT - IMPORT TRADING & ARGO PROMOTION CO.,LTD (TK 131)	(2,553,514,248)		(1,787,000,000)	
+ Cty CP Thương Mại Vương Nga (TK 131)	(866,612,235)		(866,612,235)	
+ Cty TNHH TM DV và SX Minh Đạt (TK 131 XN Hóc Môn)	(472,563,143)		(472,563,143)	
+ Cty CP Sài Gòn Chấn Phát (TK 131)	(251,677,389)		(107,861,738)	
+ Tưởng Thị Năm (TK 131)	(5,004,680)		(5,004,680)	
+ Cty TNHH Metro Cash & Carry VN (TK 131)	(135,332,276)		(40,599,683)	
+ Cty CP Tập đoàn Mai Linh (TK 131)			(87,077,677)	
+ Cty CP XD Vận tải Hoàng Ngân (TK 131)	(69,709,087)		(69,709,087)	
+ Cty CP Tập đoàn Hoàn Sơn (TK 131)			(809,229,774)	
+ Cty CP XD Vận Tải Hoàng Ngân - 282004 (TK 131)	(162,654,536)			
+ Tưởng Thị Năm - 740001 (TK 131)	(5,004,679)			
+ Công ty TNHH Nghĩa Hiếu (244010) (TK 131)	(266,841,575)			
+ Công ty TNHH Hữu Huỳnh An (244002) (TK 131)	(102,153,432)			
+ Công ty TNHH Thương Mại Ngân Trang (244011) (TK 131)	(8,880,477)			

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

5 NỢ XẤU	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá Gốc	Giá trị có thể thu hồi
+ Cty CP Việt An (060160) (TK 131)	(117,745,700)			
+ Bv Đa Khoa Huyện Châu Thành (060319) (TK 131)	(39,085,200)			
+ Cty TNHH DP Tràng An (060343) (TK 131)	(9,696,250)			
+ Cty TNHH Dược Phẩm Bình Trang (060386) (TK 131)	(37,296,000)			
+ Cty TNHH TBYT Công Nghệ Mới (060390) (TK 131)	(42,780,000)			
+ Cty CP XNK Bình Minh (060577) (TK 131)	(19,768,000)			
+ Bệnh viện Đa Khoa Hòn Đất (060668) (TK 131)	(32,797,800)			
+ Cty CP XNK Đức Huy (060672) (TK 131)	(19,110,000)			
+ Trung Tâm Phòng Chống Bệnh Xã Hội Kiên Giang (060692) (TK 131)	(6,904,800)			
+ Bệnh Viện Quận 5 (060715) (TK 131)	(13,408,500)			
+ Cty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa Nhật Tân (060754) (TK 131)	(4,334,400)			
+ Bệnh Viện Đa Khoa Trung Tâm An Giang (060760) (TK 131)	(55,112,400)			
+ Công Ty CP Dược Phẩm Trung Ương CODUPHA (060766) (TK 131)	(231,840,000)			
+ Công Ty TNHH MTV TMDV Trang Thiết Bị Y Tế PT (060768) (TK 131)	(9,020,000)			
+ Công ty TNHH MTV TM và DV Nguyễn Tâm Phát (060770) (TK 131)	(1,804,000)			
+ M/S TYRE LINK (XK0039) (TK 131)	(123,956,371)			
+ YBA COMPANY LIMITED (XK0131) (TK 131)	(16,546,075)			
Cộng	(9,760,869,982)		(8,288,453,911)	

6 HÀNG TỒN KHO

- Nguyên liệu, vật liệu (TK 152)	755,512,270,920	619,916,505,122
+ Văn phòng TP.HCM	161,627,817,817	97,537,806,969
+ Xí nghiệp Đồng Nai	17,278,412,012	20,536,157,519
+ Xí nghiệp Hóc Môn	18,418,699,759	16,181,587,690
+ Xí nghiệp Bình Lợi	12,286,102,906	11,723,523,171
+ Xí nghiệp Bình Dương	284,679,995,604	254,804,106,410
+ Xí nghiệp Lốp Radial	261,221,242,822	219,133,323,363
- Công cụ, dụng cụ (TK 153)	11,458,024,048	9,347,800,050
+ Văn phòng TP.HCM	1,305,306,506	1,008,129,656
+ Xí nghiệp Đồng Nai	1,896,226,878	1,971,770,622
+ Xí nghiệp Hóc Môn	2,708,710,163	2,413,918,910
+ Xí nghiệp Bình Lợi	651,794,468	1,008,795,312
+ Xí nghiệp Bình Dương	341,545,477	489,501,894
+ Xí nghiệp Lốp Radial	4,554,440,556	2,455,683,656
- Thành phẩm (TK 155)	449,842,981,163	488,762,568,934
+ Văn phòng TP.HCM	80,375,993,203	114,523,085,438
+ Xí nghiệp Đồng Nai	58,129,054,490	81,732,004,516
+ Xí nghiệp Hóc Môn	74,735,034,574	75,846,099,817
+ Xí nghiệp Bình Lợi	64,314,374,468	69,117,588,501
+ Xí nghiệp Bình Dương	3,250,656,501	5,720,529,226
+ Xí nghiệp Lốp Radial	169,037,867,927	141,823,261,436

6 HÀNG TỒN KHO	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
- Hàng hóa (TK 156)	7,325,209,237		6,580,614,688	
+ Văn phòng TP.HCM	5,781,412,362		5,306,172,448	
+ Xí nghiệp Đồng Nai	86,240,000		0	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	838,452,432		758,685,783	
+ Xí nghiệp Lốp Radial	619,104,443		515,756,457	
Cộng	1,224,138,485,368		1,124,607,488,794	

Ghi chú:

- Giá trị hàng hóa ghi sổ hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ; Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất: không có.
- Giá trị hàng hóa tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ phải trả vào thời điểm cuối kỳ: không có.
- Lý do dẫn đến việc trích lập thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

14 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
14.1 - Mua sắm TSCĐ (TK 2411)	828,404,001	1,466,412,392
+ Xí nghiệp Bình Lợi	0	457,400,000
- Máy luyện hồ 660x2100 (L6)		253,500,000
- Máy lưu hóa lớp 55" LHL21		74,600,000
- Máy bọc tanh vành 20-BTI		129,300,000
+ Xí nghiệp Lốp Radial	828,404,001	1,009,012,392
- Máy lý trình bán thép		180,608,392
- Máy cân bằng bán thép số 2	473,800,000	473,800,000
- Máy đâm thùng	221,684,000	221,684,000
- Băng tải sau lưu hóa	132,920,000	132,920,000
14.2 - Xây dựng cơ bản (TK 2412)	6,503,475,786	12,709,785,989
+ Văn phòng TP.HCM	4,800,966,701	10,651,818,380
- Công trình nhà văn phòng 180 NTMK Q.3		5,222,704,923
- Các công trình khác (Phòng cơ năng tự thực hiện)	4,800,966,701	5,429,113,457
+ Xí nghiệp Đồng Nai	166,730,000	0
- Máy cán mặt lớp 4 trục 220x660 (02ML2)	166,730,000	
+ Xí nghiệp Hóc Môn	1,519,179,085	686,058,209
- LH 6T - LXM	42,261,247	42,261,247
- HT hút bụi xăm ô tô	117,642,681	117,642,681
- Lốp xe đạp - CNN	30,700,000	30,700,000
- Ép suất L1	156,231,960	156,231,960
- Săm butyl	4,100,000	4,100,000
- Cán 4 trục - 03ML1-PA2		243,122,321
- Ép lọc HQ		26,000,000
- Ép suất Hàn Quốc		66,000,000
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 7	142,514,692	
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 8	128,858,121	
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 16	140,423,692	
- Lưu hóa lớp GM 6 tầng số 10	136,506,692	
- Cán mặt lớp 5 trục 0200	88,000,000	
- Máy thành hình số 14	113,300,000	

14 TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN	Số cuối năm	Số đầu năm
- Máy thành hình số 8	41,000,000	
- Máy in mã vạch Zebara	105,410,000	
- Xưởng săm ô tô	272,230,000	
+ Xí nghiệp Bình Dương	16,600,000	16,600,000
- Lắp máy vi tính	16,600,000	16,600,000
+ Xí nghiệp Lốp Radial	0	1,355,309,400
- Dây chuyên ép xuất hông lớp		483,005,000
- Máy cán bố thép		872,304,400
14.3 - Sửa chữa lớn TSCĐ	10,764,301,334	7,440,483,462
+ Xí nghiệp Lốp Radial	10,232,710,284	7,440,483,462
- Máy Innerliner Bias	2,191,613,372	
- Máy luyện hồ 440 bán thép	232,401,100	
- Máy luyện kín F404	212,155,454	
- Dây chuyên làm tanh	185,000,000	
- Máy thành hình toàn thép số 1A	398,381,000	
- Máy cán trắng	280,630,000	
- Máy cắt góc nhỏ 15-70 (FISCHER)	416,650,000	
- Dự án Barcode máy F404	99,220,000	
- Hệ thống cân than đầu tự động, cân hóa chất	190,892,650	
- Máy TH toàn thép số 4	763,070,200	
- Máy vòng tanh toàn thép	153,945,485	
- Dây chuyên ép suất mặt lớp	355,024,721	
- Máy lưu hóa 51	537,208,459	
- Máy luyện kín F404	191,490,000	
- Cung cấp và lắp đặt tủ điện tách âm khu thành hình	898,220,000	
- Máy sửa hông lớp	584,700,000	
- Máy thành hình 3 trống số 4	206,529,268	
- Cung cấp, lắp đặt, lập trình hệ thống BMS trạm khí nén	130,840,000	
- Cải tạo bơm nước nóng, bồn chứa nước cao áp, ống hơi chính	202,984,000	
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn	133,900,000	
- Sửa chữa nhà sản xuất chính (neo tường bị nghiêng)	95,550,000	
- Sửa chữa nhà hỗn luyện caosu và kho nguyên liệu (đục nền, khoan lỗ...) - Móng máy luyện hồ	69,060,000	
- SCL máy thành hình toàn thép số 2B	216,127,000	
- SCL máy lưu hóa	107,844,000	
- SCL Mặt lớp	240,746,000	
- SCL Thiết bị nước quá nhiệt động lực	72,422,000	
- SCL Tháp máy nén khí 1200 RT và tháp 1000RT	458,538,000	
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn. (Bảo trì water Chiller)	111,260,000	
- SCL- Luyện kín F305	226,682,575	
- SCL Cán trắng	54,519,000	
- Hệ thống chiếu sáng nhà xưởng	133,820,000	
- SCL Thiết bị thông gió, hút bụi, điều hòa và làm lạnh nước tuần hoàn	81,286,000	
Cộng (14.1)+(14.2)+(14.3)	18,096,181,121	21,616,681,843

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

11 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TK 211)						
Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
I Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	930,349,723,975	1,852,731,383,267	39,311,479,578	5,444,870,684	2,827,837,457,504	
2 Số tăng trong năm	4,551,551,995	55,521,385,170	1,041,510,720	-	61,114,447,885	
- Mua trong năm		23,451,148,564	488,510,720		23,939,659,284	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	4,551,551,995	29,498,146,583	553,000,000		34,602,698,578	
- Tăng khác		569,479,240			569,479,240	
- Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		2,002,610,783			2,002,610,783	
3 Số giảm trong năm	83,058,344	7,859,687,820	-	-	7,942,746,164	
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	
- Thanh lý, nhượng bán		1,364,412,170			1,364,412,170	
- Giảm khác	83,058,344	6,495,275,650			6,578,333,994	
4 Số dư cuối năm	934,818,217,626	1,900,393,080,617	40,352,990,298	5,444,870,684	2,881,009,159,225	
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	358,843,720,957	972,704,145,198	29,721,979,831	5,417,488,030	1,366,687,334,016	
2 Khấu hao trong năm	47,815,743,771	130,859,006,859	3,706,497,470	27,382,654	182,408,630,754	
- Khấu hao trong năm	47,815,743,771	129,780,189,517	3,706,497,470	27,382,654	181,329,813,412	
- Tăng khác (chuyển từ thuê tài chính sang TSCĐ)		1,078,817,342			1,078,817,342	
3 Giảm trong năm	-	388,268,351	-	-	1,078,817,342	
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	
- Thanh lý, nhượng bán		388,268,351			388,268,351	
- Giảm khác		-			-	
4 Số dư cuối năm	406,659,464,728	1,103,174,883,706	33,428,477,301	5,444,870,684	1,548,707,696,419	
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	571,506,003,018	880,027,238,069	9,589,499,747	27,382,654	1,461,150,123,488	
2 Tại ngày cuối năm	528,158,752,898	797,218,196,911	6,924,512,997	-	1,332,301,462,806	

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 6.651.860.942 VNĐ (Máy ép khuôn màng hơi SCIB-25.0-1.500 (máy ép tim)- XN Bình Dương)

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 554.408.071.111 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND

12 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)							
Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tbị dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
I Nguyên giá							
1 Số dư đầu năm		176,025,955,158					176,025,955,158
2 Số tăng trong năm		6,490,659,321					6,490,659,321
- Thuê tài chính trong năm		6,490,659,321					6,490,659,321
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Tăng khác							-
3 Số giảm trong năm		1,991,662,783					1,991,662,783
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Giảm khác		1,991,662,783					1,991,662,783

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH (TK 212)							
Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tbị dụng cụ QL	TSCĐ hữu hình khác	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
4 Số dư cuối năm		180,524,951,696					180,524,951,696
II Giá trị hao mòn lũy kế							
1 Số dư đầu năm		15,250,133,029					15,250,133,029
2 Khấu hao trong năm		15,417,209,869					15,417,209,869
- Khấu hao trong năm		15,417,209,869					15,417,209,869
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Tăng khác							-
3 Giảm trong năm		1,078,817,342					1,078,817,342
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính							-
- Giảm khác		1,078,817,342					1,078,817,342
4 Số dư cuối năm		29,588,525,556					29,588,525,556
III Giá trị còn lại							
1 Tại ngày đầu năm		160,775,822,129					160,775,822,129
2 Tại ngày cuối năm		150,936,426,140					150,936,426,140

13 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TK 213)						
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I Nguyên giá						
1 Số dư đầu năm	104,369,083,467			3,896,214,155	6,635,742,094	114,901,039,716
2 Số tăng trong năm	-			-	-	-
- Mua trong năm	-			-	-	-
3 Số giảm trong năm	-			-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-			-	-	-
4 Số dư cuối năm	104,369,083,467			3,896,214,155	6,635,742,094	114,901,039,716
II Giá trị hao mòn lũy kế						
1 Số dư đầu năm	10,869,604,582			1,651,758,424	6,635,742,094	19,157,105,100
2 Khấu hao trong năm	2,199,448,406			198,320,834	-	2,397,769,240
- Khấu hao trong năm	2,199,448,406			198,320,834	-	2,397,769,240
- Tăng khác						-
3 Giảm trong năm	-			-	-	-
- Thanh lý nhượng bán						-
4 Số dư cuối năm	13,069,052,988			1,850,079,258	6,635,742,094	21,554,874,340
III Giá trị còn lại						
1 Tại ngày đầu năm	93,499,478,885			2,244,455,731	-	95,743,934,616
2 Tại ngày cuối năm	91,300,030,479			2,046,134,897	-	93,346,165,376

Ghi chú:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay: 88.513.117.356 VNĐ

Trong đó:

+ Quyền sử dụng đất Bình Dương : 6.508.524.486 VNĐ

+ Quyền sử dụng đất Bình Dương : 82.004.592.870 VNĐ

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.984.007.249 VNĐ

Trong đó:

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình khác đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 6.635.742.094 VNĐ

+ Nguyên giá TSCĐ vô hình phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng : 1.348.265.155 VNĐ

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TK 242)		Số cuối năm	Số đầu năm
7	Chi phí trả trước ngắn hạn (TK 2421)	18,662,940,553	3,645,195,799
	+ Xí nghiệp Hóc Môn	145,982,265	141,651,053
	- Phí bảo hiểm tài sản	145,982,265	141,651,053
	+ Xí nghiệp Bình Dương	659,182,643	318,393,011
	- Phí bảo hiểm tài sản	216,259,938	281,228,677
	- Sửa chữa khuôn	64,000,000	
	- Xử lý bán thành phẩm	378,922,705	37,164,334
	+ Xí nghiệp Lốp Radial	17,857,775,645	3,185,151,735
	- Chi phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ	1,274,113,300	1,360,742,845
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	16,583,662,345	
	- Sửa chữa khuôn		1,821,288,890
	- Cước bưu chính viễn thông		3,120,000
16	Chi phí trả trước dài hạn (TK 2422)	30,393,435,657	51,238,680,393
	+ Văn phòng TP.HCM	4,368,189,895	3,658,719,426
	- Chi phí dịch vụ pháp lý đất Hóc Môn	63,852,813	127,705,626
	- Chi phí phụ tùng đi kèm máy lý trình AW-TT-2A-PCR & AW-TT-1A-TB (HĐ: HP/CSM-160727)	312,533,800	468,799,800
	- Chi phí bằng tiền khác (chi phí quảng cáo, máy tính,...)		3,062,214,000
	- Công trình nhà văn phòng 180 NTMK, P8, Q3	3,481,803,282	
	- Chi phí quảng cáo trong chiếc xe Bus của Cty Vinabusline	510,000,000	
	+ Xí nghiệp Đồng Nai	4,602,814,000	5,945,314,000
	- Chi phí khuôn	4,602,814,000	5,851,314,000
	- Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất		94,000,000
	+ Xí nghiệp Hóc Môn	7,626,119,305	8,003,336,805
	- Chi phí khuôn	7,626,119,305	8,003,336,805
	+ Xí nghiệp Bình Lợi	3,235,446,009	3,384,514,659
	- Chi phí bảo hiểm	71,343,051	47,789,382
	- Chi phí khuôn	518,725,490	569,812,412
	- Chi phí khuôn mới năm nay	1,002,833,332	1,318,166,667
	- Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất	1,580,418,302	1,368,544,076
	- Kiểm định	62,125,834	80,202,122
	+ Xí nghiệp Bình Dương	840,145,838	503,808,341
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	840,145,838	503,808,341
	+ Xí nghiệp Lốp Radial	9,720,720,610	29,742,987,162
	- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ (khuôn)	8,740,388,609	28,190,436,635
	- Phụ tùng thay thế để bảo dưỡng thiết bị	977,086,326	1,484,372,229
	- Pallet sắt		63,077,963
	- Tra cứu phần mềm thư viện pháp luật trực tuyến	3,245,675	5,100,335
	Cộng (7) + (16)	49,056,376,210	54,883,876,192

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

VAY & NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		(1)=(5)+(3)-(4)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
24	Vay ngắn hạn	1,699,090,707,667	1,699,090,707,667	3,752,698,468,631	3,713,563,545,039	1,659,955,784,075	1,659,955,784,075
	- Vay ngân hàng (TK 34111)	1,670,775,370,065	1,670,775,370,065	3,720,517,397,960	3,676,062,120,104	1,626,320,092,209	1,626,320,092,209
	+ Số đã vay ngân hàng:			3,720,517,397,960			
	+ Số đã trả ngân hàng:				3,675,567,732,714		
	+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :				494,387,390		
	Trong đó:						
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0192/KHDNI/2017NH-DH ngày 20/09/2017 và Phụ lục số 04 ngày 22/10/2019; đến 31/12/2019 hiện còn vay: 349.959.555.441 VNĐ và 17,509,492 USD (tương đương: 406.745.491.727 VNĐ); lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ.						
	- Nợ dài hạn đến hạn trả (TK 34113)	28,315,337,602	28,315,337,602	32,181,070,671	37,501,424,935	33,635,691,866	33,635,691,866
27	Vay dài hạn	403,852,577,966	403,852,577,966	23,797,977,688	160,360,505,399	540,415,105,677	540,415,105,677
	- Vay ngân hàng (TK 34112-TK 341122)	182,889,000,000	182,889,000,000	143,000,001	102,969,000,001	285,715,000,000	285,715,000,000
	+ Chênh lệch tỷ giá trong kỳ:			143,000,001			
	+ Số đã trả ngân hàng:				102,797,000,000		
	+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ :				172,000,001		
	Trong đó:						
	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng số 0019/ĐTDA/11CD, ngày 29/7/2011 ; đến 31/12/2019 hiện còn vay: 83.000.000.000 VNĐ và 4,300,000 USD (tương đương: 99.889.000.000 VNĐ).Lãi suất đối với khoản vay bằng Đồng: bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng của cá nhân có thời hạn 12 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất cộng 3,6%/năm. Lãi suất đối với khoản vay bằng Đô La Mỹ: bằng lãi tiền gửi được áp dụng đối với khoản tiền gửi tiết kiệm bằng Đô La Mỹ của cá nhân có thời hạn 6 tháng (với khoản lãi được thanh toán cuối kỳ) do Ngân hàng Đầu Mối thông báo vào Ngày Xác định Lãi Suất cộng 2,8%/năm						
	- Vay vốn CBCNV (TK 341127)	51,058,250,000	51,058,250,000	18,940,000,000	12,271,500,000	44,389,750,000	44,389,750,000
	- Vay ngân hàng dự án Radial bán thép và Tổng kho trung tâm Bình Dương (TK 341129)	115,294,524,000	115,294,524,000	34,473,640	15,119,054,791	130,379,105,151	130,379,105,151
	+ Số đã vay ngân hàng:				14,947,462,831		
	+ Số đã trả ngân hàng:				171,591,960		
	+ Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ:						
	Trong đó:						
	- Vay cho dự án Radial bán thép: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số: 0113/KHDNI/16DH, ngày 20/6/2016 và Phụ lục hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 0001-0113/KHDNI/16DH; đến 31/12/2019 hiện còn vay: 11.764.871.826 VNĐ và 3,128,299 USD (tương đương: 72.614.656.730 VNĐ); lãi suất trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên: 6,9%/năm.						
	- Vay cho dự án "Xây dựng Công trình Tổng kho Trung tâm tại Xí nghiệp Cao su Bình Dương": Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số: 01/DAĐT-0192/KHDNI/17NH-DH, ngày 20/9/2017; đến 31/12/2019 hiện còn vay: 30.914.995.444 VNĐ; lãi suất cho vay theo thỏa thuận tại từng giấy nhận nợ.						
	- Nợ thuê tài chính (TK 3412)	54,610,803,966	54,610,803,966	4,680,504,047	30,000,950,607	79,931,250,526	79,931,250,526
	Cộng (24) + (27)	2,102,943,285,633	2,102,943,285,633	3,776,496,446,319	3,873,924,050,438	2,200,370,889,752	2,200,370,889,752

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

CÁC KHOẢN NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Thời hạn	Năm 2019			Năm 2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê TC	Trả tiền lãi thuê	Trả tiền nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	44,990,624,428	9,223,777,006	35,766,847,422	35,113,872,255	7,398,765,592	27,715,106,663
- VILC-HĐ 2014-00087-000 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	-	-	-	210,625,418	4,072,142	206,553,276
- VILC-HĐ 2014-00089-000 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	-	-	-	104,716,479	3,475,970	101,240,509
- HĐ 2015-00140-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	-	-	-	3,206,140,427	76,062,911	3,130,077,516
- HĐ 2016-00056-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	436,052,168	12,231,972	423,820,196	759,495,121	132,595,610	626,899,511
- HĐ 2016-00090-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	5,814,912,797	278,712,218	5,536,200,579	5,752,831,850	642,492,854	5,110,338,996
- HĐ 2017-00022-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	1,837,911,365	123,599,657	1,714,311,708	1,960,176,749	245,865,041	1,714,311,708
- HĐ 55.17.01/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê TC Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	4,484,511,579	748,840,227	3,735,671,352	4,741,907,810	1,006,236,458	3,735,671,352
- HĐ 90.17.04/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê TC Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	3,599,550,540	676,453,176	2,923,097,364	3,772,297,542	849,200,178	2,923,097,364
- HĐ 90.17.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê TC Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	8,774,998,312	2,297,308,828	6,477,689,484	8,281,296,380	2,365,920,391	5,915,375,989
- HĐ 2017-00272-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	3,037,785,765	659,387,535	2,378,398,230	2,031,469,127	750,793,157	1,280,675,970
- HĐ 2018-00058-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	3,367,735,793	778,157,193	2,589,578,600	1,258,061,677	419,502,087	838,559,590
- HĐ 90.18.05/CTTC (Cty TNHH MTV Cho thuê TC Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM)	12,093,040,139	3,428,297,843	8,664,742,296	3,034,853,675	902,548,793	2,132,304,882
- HĐ 2019-00031-001 (Cty TNHH Cho Thuê TC Quốc Tế Việt Nam)	1,544,125,970	220,788,357	1,323,337,613	-	-	-

18 PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN (TK 331)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả cho người bán ngắn hạn:				
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả				
- Cty CP Dệt Vải CN Hà Nội	(*) 34,528,715,721	34,528,715,721	43,661,680,345	43,661,680,345
- Cty TNHH Hyosung Việt Nam	(*) 26,304,690,715	26,304,690,715	15,526,572,654	15,526,572,654
- Phải trả các đối tượng khác	(*) 200,180,253,992	200,180,253,992	268,541,482,808	268,541,482,808
Cộng	261,013,660,428	261,013,660,428	327,729,735,807	327,729,735,807
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	(*) 2,029,272,499	2,029,272,499	1,920,012,185	1,920,012,185

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ trên chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

19 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (TK 131)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số người mua trả tiền trước		
- CAMOPLAST SOLIDEAL	2,470,637,773 (*)	2,470,637,773
- POP INTER VALVE PATCH CO.,LTD	2,066,285,900 (*)	1,404,066,530
- TIRECO, INC	4,842,675,521 (*)	-
- Gupta Tyres Private Ltd	2,441,380,530 (*)	1,331,636,933
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	9,087,531,657 (*)	10,303,225,535
Cộng	20,908,511,381	15,509,566,771

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ trên chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)+(3)
20 Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng hàng NK (TK 33312)	-	133,612,195,806	133,612,195,806	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (TK 3334) (*)	(1,651,471,608)	14,040,846,228	4,836,489,240	7,552,885,380
- Thuế thu nhập cá nhân (TK 3335)	2,582,536,464	1,944,055,427	917,146,563	3,609,445,328
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)	-	4,073,769,991	4,073,769,991	-
- Các loại thuế khác (TK 33382)	1,479,914,571	70,290,490	1,441,248,913	108,956,148
Cộng Các khoản thuế phải trả	2,410,979,427	153,741,157,942	144,880,850,513	11,271,286,856

Ghi chú:

(*) Khoản thuế đã nộp vào ngân sách nhà nước.

Ghi chú: Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

8 Thuế GTGT được khấu trừ

- Thuế GTGT được khấu trừ (= a + b)	77,289,246,643	40,475,147,062	19,011,049,798	55,825,149,379
a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	<u>77,537,536,086</u>	<u>20,427,457,275</u>	-	<u>57,110,078,811</u>
+ Thuế GTGT đầu ra khấu trừ thuế GTGT đầu vào		368,689,318,950		
+ Điều chỉnh		312,616		
+ Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ phát sinh trong năm		(440,659,986,609)		
+ Hoàn thuế		92,397,812,318		
b) Thuế giá trị gia tăng đầu ra	<u>(248,289,443)</u>	<u>20,047,689,787</u>	<u>19,011,049,798</u>	<u>(1,284,929,432)</u>
+ Phát sinh thuế đầu ra		364,284,505,466		
+ Đã nộp thuế			19,011,049,798	
+ Đã khấu trừ		(344,236,815,679)		

Ghi chú:

Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

9 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

- Thuế xuất nhập khẩu (*)	(184,985,641)	3,796,773,681	4,230,708,626	248,949,304
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất (TK 3337)		3,446,154,261	3,484,155,103	38,000,842
- Các loại thuế khác (TK 33381)		156,400,000	228,800,000	72,400,000

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỘP CHO NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
	(1)	(2)	(3)	(4)=(1)+(2)-(3)
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		336,957,607	347,847,464	10,889,857
Cộng	(184,985,641)	7,736,285,549	8,291,511,193	370,240,003

Ghi chú:

(*) Giá trị trong dấu ngoặc (số âm) là số tiền phải trả.

Các số liệu về thuế đơn vị tạm tính, số chính thức sẽ được cơ quan thuế quyết toán sau.

22 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số cuối năm

Số đầu năm

Chi phí phải trả ngắn hạn:

Văn phòng TP.HCM	54,187,236,069	17,989,745,735
+ Chi phí chiết khấu thường xuyên - găng tay	143,468,408	395,838,495
+ Chi phí vận chuyển sản phẩm nội địa	5,000,000,000	3,100,000,000
+ Thưởng doanh số cuối năm - khách hàng nội địa	4,500,000,000	
+ Chi phí chiết khấu thường xuyên	35,829,785,885	6,102,486,987
+ Trích trước chi phí thí nghiệm sản phẩm mới	340,061,566	506,726,349
+ Thưởng doanh số cuối năm - khách hàng xuất khẩu	3,200,000,000	
+ Chiết khấu thanh toán - đại lý	367,091,100	373,966,067
+ Chi phí hội nghị khách hàng	998,880,000	
+ Chi phí quảng cáo		
+ Chi phí thuê kho		800,000,000
+ Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối	723,309,201	898,745,766
+ Chiết khấu thanh toán - nhà phân phối lớp Radial	120,717,912	80,819,065
+ Chi phí trích trước		1,409,632,024
+ Lãi vay	2,963,921,997	4,321,530,982
Xí nghiệp Đồng Nai	187,572,633	145,382,132
+ Trích trước chi phí sửa chữa lớn	65,000,000	
+ Trích trước bồi dưỡng độc hại	122,572,633	99,405,132
+ Trích trước chi phí nước		45,977,000
Xí nghiệp Hóc Môn	700,184,827	1,278,421,597
+ Trích trước tiền điện	165,906,876	270,724,987
+ Trích trước chiết khấu thường xuyên	2,916,102	3,181,300
+ Trích trước chiết khấu thanh toán	3,952,894	4,055,265
+ Sửa chữa khuôn mẫu		435,500,000
+ Trích trước tiền cơm ca	297,516,000	272,089,000
+ Trích trước chi phí bồi dưỡng độc hại	189,547,500	180,677,500
+ Chi phí giao hàng	20,545,455	35,954,545
+ Các khoản khác	19,800,000	76,239,000
Xí nghiệp Bình Lợi	227,087,200	553,133,184
+ Trích trước tiền nước	34,935,000	67,382,400
+ Trích trước chi phí bốc xếp	58,391,700	21,833,600
+ Trích trước chi phí cơm ca	86,893,000	81,719,000
+ Trích trước chi phí bồi dưỡng độc hại	46,867,500	55,000,000

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VNĐ

22 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Số cuối năm

Số đầu năm

+ Trích trước sửa chữa khuôn		240,200,000
+ Trích trước chi phí bảo vệ		42,000,000
+ Trích trước chi phí bảo hộ lao động		12,218,184
+ Trích trước chi phí PCCC		22,800,000
+ Trích trước chi phí giám sát môi trường		9,980,000
Xí nghiệp Bình Dương	1,810,904,036	1,209,384,789
+ Trích trước tiền nước	21,312,000	21,850,000
+ Chi phí cơm ca	120,000,000	120,000,000
+ Chi phí bồi dưỡng độc hại	84,000,000	166,000,000
+ Chi phí vận chuyển BTP	670,000,986	376,363,880
+ Trích trước tiền thuê đất	384,000,000	192,000,000
+ Trích trước tiền quà tết cho người lao động		89,090,909
+ Chi phí vận chuyển mặt lớp		244,080,000
Xí nghiệp Lớp Radial	3,452,745,267	1,288,451,000
+ Trích trước tiền nước	77,388,000	79,292,500
+ Trích trước chi phí sửa chữa lớn	1,819,863,850	
+ Trích trước chi phí cơm ca	707,954,000	514,303,000
+ Trích trước chi phí độc hại	367,712,500	330,000,000
+ Trích trước chi phí hơi bão hòa	68,364,000	55,510,500
+ Trích trước chi phí vận chuyển	229,905,000	253,800,000
+ Trích trước chi phí chuyên gia lớp toàn thép	113,660,000	55,545,000
+ Trích trước chi phí khác	23,934,000	
+ Trích trước chi phí cung ứng lao động	43,963,917	
Cộng:	60,565,730,032	22,464,518,437

PHẢI TRẢ KHÁC

Số cuối năm

Số đầu năm

23 Phải trả ngắn hạn khác:

- Phải trả khác (TK 13881)	3,321,856	
- Tài sản thừa chờ giải quyết (giữ hộ tiền quỹ công đoàn) (TK 3381)	1,517,575,850	1,586,890,357
- Kinh phí công đoàn (TK 3382)	1,314,652,405	2,711,071,137
- Phải trả về cổ phần hóa (TK 3385)	174,835,866	174,835,866
- Bảo hiểm thất nghiệp (TK 3386)	1,218,718	6,415,081
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (TK 3388)	2,533,269,630	2,603,587,965
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 3388)	38,924,807,114	38,882,004,005
Trong đó:		
+ Chuyển tiền dự án trên mặt bằng các khu đất - Cty Ba Đình	35,923,116,000	35,923,116,000
Cộng:	44,469,681,439 (*)	45,964,804,411

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ trên chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

26 Phải trả dài hạn khác:

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (TK 344)	13,573,239,000	10,800,000,000
+ Văn phòng TP.HCM		
Trong đó:		

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

PHẢI TRẢ KHÁC	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Tân Hưng Thịnh-Vũ Cao Nguyên	2,000,000,000	2,000,000,000
- Công ty TNHH TMDV Lê Văn	1,500,000,000 (*)	1,500,000,000
- Công ty TNHH TM DV Tư vấn lớp Radial Đức Anh	1,000,000,000 (*)	1,000,000,000
- DNTN Mạnh Dũng	1,000,000,000 (*)	1,000,000,000
- Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Nam Dung	1,500,000,000 (*)	1,500,000,000
- Hộ kinh doanh cá thể Hưng Hưng Phát	1,000,000,000 (*)	1,000,000,000
- Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ FWD Việt Nam	2,350,822,500 (*)	
Cộng:	13,573,239,000 (*)	10,800,000,000

Ghi chú: (*) Các khoản công nợ trên chưa có thư xác nhận tại ngày 31/12/2019.

25 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ khen thưởng phúc lợi của toàn công ty	136,125,356	6,302,326,707
Cộng	136,125,356	6,302,326,707

17 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI (TK 243) & THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ (TK 347)	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	172,290,786	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả (TK 347)	172,290,786	756,118,348
Thuế Thu nhập hoãn lại	-	756,118,348

28 VỐN CHỦ SỞ HỮU Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối & các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+...+(9)

A Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu									
a. Số dư đầu năm trước	1,036,264,670,000					62,438,958,055 (12,050,000)	130,362,104,724	1,229,053,682,779	
- Tăng trong năm	-					6,047,018,534	-	6,047,018,534	
Trong đó:									
- Tăng vốn trong năm trước									
- Lãi trong năm trước						6,047,018,534		6,047,018,534	
- Giảm trong năm						(50,953,281,450)		(45,453,177,538)	
Trong đó:									
- Lỗ trong năm trước									
- Giảm khác									
+ Trích quỹ khen thưởng						(2,903,051,956)		(2,903,051,956)	
+ Trích quỹ phúc lợi						(1,100,020,782)		(1,100,020,782)	
+ Trích quỹ đầu tư phát triển						(5,500,103,912)	5,500,103,912	-	
+ Chia cổ tức 2017 bằng tiền						(41,450,104,800)		(41,450,104,800)	
b. Số dư đầu năm nay	1,036,264,670,000					17,532,695,139 (12,050,000)	135,862,208,636	1,189,647,523,775	
- Tăng trong năm	-					52,449,748,376	-	52,449,748,376	
Trong đó:									
+ Tăng vốn trong năm nay									

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

28 VỐN CHỦ SỞ HỮU Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối & các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)=(1)+...+(9)
+ Lãi trong năm nay						52,449,748,376			52,449,748,376
- Giảm trong năm						(2,468,904,910)		(1,316,058,283)	(1,152,846,627)
Trong đó:									
+ Trích quỹ khen thưởng						(758,029,142)			(758,029,142)
+ Trích quỹ phúc lợi						(394,817,485)			(394,817,485)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển						(1,316,058,283)		1,316,058,283	-
+ Chia cổ tức 2017 bằng tiền									-
c. Số dư cuối năm	1,036,264,670,000					67,513,538,605 (12,050,000)	137,178,266,919	1,240,944,425,524	

28 VỐN CHỦ SỞ HỮU Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
B Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			
- Vốn đầu tư của Nhà nước	51%	528,558,490,000	528,558,490,000
- Vốn góp của các đối tượng khác	49%	507,706,180,000	507,706,180,000
Cộng	100%	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000

C Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận		
	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
+ Vốn góp đầu năm	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	1,036,264,670,000	1,036,264,670,000

D Cổ phiếu		
	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	103,626,467	103,626,467
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50,770,618	50,770,618
+ Cổ phiếu phổ thông	50,770,618	50,770,618
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	1,205	1,205
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi	1,205	1,205
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	103,625,262	103,625,262
+ Cổ phiếu phổ thông (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	103,625,262
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

Đ Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: Chưa chi trả.		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có.		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có.		

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán Đơn vị tính: VNĐ

29 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CĐKT	Số cuối năm	Số đầu năm
a Tài sản thuê ngoài		
b Tài sản nhận giữ hộ		
c Ngoại tệ các loại		
Trong đó:		
- Ngoại tệ USD	\$824,713.56	\$2,155,928.53
- Ngoại tệ EUR	€ 12,695.09	€ 20,941.74
d Vàng tiền tệ		
đ Nợ khó đòi đã xử lý		
Khách hàng		
1 DNTN Phát Hưng - 750001	614,987,079	614,987,079
2 Lê Chí Hoà - BHNĐ - 710002	894,097,480	894,097,480
3 Nguyễn Hồng Sơn - BHNĐ - 550002	32,677,477	32,677,477
4 Nguyễn Thị Diễm Thúy - BHNĐ - 560004	1,151,092	1,151,092
5 Trần Ngọc Tiến - BHNĐ - 500001	13,356,992	13,356,992
6 Cty Phương Trinh - BHNĐ - 284005	9,999,995	9,999,995
7 Cty Phương Trinh CN Bình Dương - BHNĐ - 284006	10,000,000	10,000,000
8 Đặng Thúy Quỳnh - Điện Biên - 044009	45,160,400	45,160,400
9 DNTN Hoàng Vỹ - Điện Biên - 044010	24,980,000	24,980,000
10 Đinh Mạnh Cường - Điện Biên - 044012	34,540,000	34,540,000
11 Đinh Thị Phương Thảo - Điện Biên - 044013	56,799,000	56,799,000
12 Nguyễn Thị Oanh - Điện Biên - 044014	40,879,400	40,879,400
13 Anh Quang - Điện Biên - 044015	56,970,400	56,970,400
14 Huỳnh Tiên Hà - Điện Biên - 044016	59,080,000	59,080,000
15 Phạm Văn Thành - Điện Biên - 044022	88,592,178	88,592,178
16 Cty TNHH Cơ Khí Quang Trung - Điện Biên - 044023	35,178,000	35,178,000
17 Cty CP Cơ Khí Cao Su - Điện Biên - 044024	52,767,000	52,767,000
18 Cty CP CHIEN YOU Việt Nam - Điện Biên - 044026	59,199,800	59,199,800
19 Phan Thị Bích Nga - Điện Biên - 044030	50,879,400	50,879,400
20 Đặng Thị Thúy Liễu - Điện Biên - 030045	50,879,400	50,879,400
21 Nguyễn Hữu Nghĩa - Điện Biên - 044036	170,000,000	170,000,000
22 CH Nông Cơ Tiến Hà -CH 146 (TK 131)	143,447,968	143,447,968
23 Nguyễn Thị Hoa -CH 146 (TK 131)	86,597,002	86,597,002
24 Nguyễn Minh Phú -CH 146 (TK 131)	5,838,001,277	5,838,001,277
25 Cty TNHH SX TM DV Đô Tươi - CH 146 (TK 131)	911,712,842	911,712,842
Tổng cộng	9,381,934,182	9,381,934,182

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động KD Đơn vị tính: VNĐ

	Năm 2019	Năm 2018
1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Văn phòng TP.HCM	4,357,971,345,385	3,992,373,821,598
- Doanh thu bán hàng (TK 5111; TK 5112)	4,349,904,247,089	3,983,414,513,000
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 51111)	5,053,506,761	11,589,141,064
+ Doanh thu vật tư bán ngoài (TK 51112)	268,613,240,702	221,368,365,930
+ Doanh thu sản phẩm xuất khẩu (TK 51122)	1,726,520,211,668	1,358,767,758,123
+ Doanh thu sản phẩm HH-KM có thuế (TK 51128)	2,006,176,790	3,041,812,221
+ Doanh thu sản phẩm nội địa (TK 51129)	2,347,711,111,168	2,388,647,435,662
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (TK 5113)	7,446,329,839	8,267,986,838
- Doanh thu hàng ủy thác (TK 5114)	620,768,457	691,321,760
Xí nghiệp Đồng Nai	358,660,574	930,301,811
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	31,102,000	
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	327,558,574	930,301,811
Xí nghiệp Hóc Môn	4,702,596,870	5,179,684,119
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	756,639,000	834,981,000
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	3,945,957,870	4,344,703,119
Xí nghiệp Bình Lợi	229,461,571	832,122,445
+ Doanh thu bán hàng hóa (TK 5111)	56,691,571	33,904,445
+ Doanh thu thành phẩm đã tiêu thụ (TK 5112)	172,770,000	798,218,000
Cộng	4,363,262,064,400	3,999,315,929,973
2. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU (TK 521)		
Văn phòng TP.HCM	98,018,489,932	107,285,102,352
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	89,650,189,166	104,358,811,154
+ Hàng bán bị trả lại	8,368,300,766	2,926,291,198
Xí nghiệp Đồng Nai	8,590,900	-
+ Hàng bán bị trả lại	8,590,900	-
Xí nghiệp Hóc Môn	42,608,880	46,838,715
+ Chiết khấu thương mại (TK 5211)	42,608,880	46,838,715
Cộng	98,069,689,712	107,331,941,067
3. GIÁ VỐN HÀNG BÁN (TK 632)		
Văn phòng TP.HCM	3,681,356,494,357	3,463,891,140,384
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,670,732,456,495	3,462,852,890,360
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10,624,037,862	1,038,250,024
Xí nghiệp Đồng Nai	2,779,532,165	577,244,324
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	306,779,223	576,420,993
- Giá vốn hàng bán khác	2,472,752,942	823,331
Xí nghiệp Hóc Môn	3,367,701,834	3,703,258,860
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,383,566,875	3,726,409,230
- Giá vốn hàng bán khác	(15,865,041)	(23,150,370)
Xí nghiệp Bình Lợi	983,113,630	763,862,346
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	582,460,040	757,288,239
- Giá vốn hàng bán khác	400,653,590	6,574,107
Cộng	3,688,486,841,986	3,468,935,505,914

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động KD Đơn vị tính: VNĐ
Năm 2019 Năm 2018

	Năm 2019	Năm 2018
4. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH (TK 515)		
Văn phòng TP.HCM	14,704,919,223	8,516,897,508
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7,599,134,632	6,373,373,446
- Chênh lệch tỷ giá, doanh thu hoạt động tài chính khác	7,105,784,591	2,143,524,062
Xí nghiệp Đồng Nai	2,414,783	4,465,772
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Hóc Môn	1,252,970	2,356,623
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Bình Lợi	614,279	829,040
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Bình Dương	1,041,151	3,010,844
- Lãi tiền gửi		
Xí nghiệp Lớp Radial	2,020,137	2,533,888
- Lãi tiền gửi		
Cộng	14,712,262,543	8,530,093,675
5. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (TK 635)		
Văn phòng TP.HCM	144,926,320,316	162,253,411,871
- Lãi tiền vay	126,474,706,431	124,602,120,323
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	14,951,789,835	12,898,689,457
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	3,499,824,050	24,101,335,967
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		651,266,124
(Công ty CP Phillip Carbon Black VN)		
Xí nghiệp Hóc Môn	54,499,334	57,296,129
- Chiết khấu thanh toán		
Cộng	144,980,819,650	162,310,708,000
CHI PHÍ BÁN HÀNG (TK 641) VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP (TK 642)		
6. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	224,272,303,740	137,619,657,773
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng CP bán hàng		
+ Chi phí xuất khẩu	80,824,111,748	67,230,587,281
+ CP vận chuyển	45,946,729,064	47,448,593,023
- Các khoản chi phí bán hàng khác	97,501,462,928	22,940,477,469
7. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	162,474,517,655	128,367,681,121
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng CP QLDN		
+ Chi phí nhân viên quản lý	115,642,453,275	82,073,270,090
- Các khoản chi phí QLDN khác	46,832,064,380	46,294,411,031
8. THU NHẬP KHÁC (TK 711)		
Văn phòng TP.HCM	8,868,426,773	4,463,281,341
+ Thanh lý, nhượng bán TSCĐ		347,765,454
+ Khác		505,997,239
+ Bán phế liệu	8,170,321,426	3,436,894,017

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động KD Đơn vị tính: VNĐ
Năm 2019 Năm 2018

+ Bán phế phẩm tại XN Bình Dương	75,250,545	0
+ Chi phí bồi thường thiệt hại cốt hơi		9,893,390
+ CTy Bảo Minh Chợ Lớn chuyển bồi thường HS C385711 PFA 947716		138,986,000
+ Tiền điện tiêu thụ của Cty Hoàng Minh tại XN Bình Lợi	9,168,052	23,745,241
+ Chênh lệch tỷ giá và chi phí khấu hao năm 2016, 2017, 2018 của những tài sản điều chỉnh theo Thông báo của Kiểm toán nhà nước số 895/TB-KTNN, ngày 7/11/19	613,686,750	
Xí nghiệp Đồng Nai	419,146,293	299,231,479
- Bán phế liệu	419,146,293	299,231,479
Xí nghiệp Bình Lợi	421,721,195	451,103,391
- Bán phế liệu	421,721,195	451,103,391
Cộng	9,709,294,261	5,213,616,211
9. CHI PHÍ KHÁC (TK 811)		
Văn phòng TP.HCM	3,837,262,991	420,433,396
- Phí xử lý thùng phuy đựng hóa chất các loại	108,000,000	183,000,000
- Bù trừ giá vốn lớp rơ móc - XN Radial	3,243,768,648	-
+ Chi phí lãi vay và chi phí khấu hao năm 2016, 2017, 2018 của những tài sản điều chỉnh theo Thông báo của Kiểm toán nhà nước số 895/TB-KTNN, ngày 7/11/19	485,494,343	-
- Tiền chậm nộp thuế theo QĐ 1090/CCT-TBA ngày 18/01/2018		237,433,396
Cộng	3,837,262,991	420,433,396
10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
10.1 LN kế toán trước thuế từ hoạt động KD của toàn công ty	65,562,185,470	-
10.2 Khoản thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
10.3 Chi phí không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	4,642,045,668	-
- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2018	3,780,591,740	-
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2019	861,453,928	-
10.4 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cộng khoản thu nhập không được trừ của toàn công ty (= (10.1) - (10.2) + (10.3))	70,204,231,138	-
10.5 Chi phí thuế TNDN hiện hành của toàn công ty (= (10.4) x 20%)	14,040,846,228	-
Cộng	14,040,846,228	1,228,316,778
11. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI		
11.1 Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế năm 2019	(172,290,786)	-
- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ của các khoản tiền gửi ngân hàng, phải thu có gốc ngoại tệ ngày 31/12/2019	(861,453,928)	-
- Thuế suất thuế TNDN hoãn lại	20%	-
11.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch		

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động KD	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm 2019	Năm 2018
tạm thời phải chịu thuế năm 2018	(756,118,348)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(928,409,134)	798,377,276
12. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	506	91
12.1 Cổ phiếu phát hành đầu kỳ (cổ phiếu)	103,626,467	
12.2 Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	1,205	
12.3 Cổ phiếu lưu hành trên thị trường (= 103.626.467 - 1.205)	103,625,262	
12.4 Lợi nhuận sau thuế TNDN	52,449,748,376	
12.5 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (= (12.4)/103.625.262)	506	
13 CHI PHÍ THEO YẾU TỐ		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,689,358,329,555	2,681,324,597,366
- Chi phí nhân công	297,142,055,610	256,781,518,672
- Chi phí khấu hao TSCĐ	199,162,039,521	185,106,433,581
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	195,106,066,549	175,691,569,958
- Chi phí khác bằng tiền	373,107,355,345	249,178,594,309
Cộng	3,753,875,846,580	3,548,082,713,886

Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai
 - Mua tài sản và nhận nợ thông qua nghiệp vụ mua hàng trả sau, hoặc cho thuê tài chính : không phát sinh
 - Chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu : không phát sinh.
 - Các giao dịch phi tiền tệ khác : không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng: không có.
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) (Mã số 11), bao gồm tăng giảm TK 131,331,138,333,335,338,344 : (4.491.019.822) VNĐ
- Số tiền đi vay thực nhận trong kỳ (không bao gồm chênh lệch tỷ giá) : 3.776.496.446.319 VNĐ
- Số tiền đã trả nợ gốc vay và tiền trả nợ gốc thuê tài chính trong kỳ : 3.873.086.071.087 VNĐ

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

- Đến ngày 31/12/2019, Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam có khoản công nợ phải thu các đối tượng : Nguyễn Minh Phú giá trị 5.838.001.277 VNĐ, CH Nông Cơ Tiến Hà giá trị 143.447.968 VNĐ, Nguyễn Thị Hoa giá trị 86.597.002 VNĐ, Cty TNHH SX TM DV Đô Tươi giá trị 911.712.842 VNĐ là khoản nợ phải thu khó đòi. Công ty đã chuyển nhóm khách hàng do ông Lê Thanh Bình chiếm đoạt ra ngoài bảng cân đối kế toán theo nghị quyết số 26/2016/NQ-CSM-HĐQT, ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có.

3. Thông tin về các bên liên quan

- Đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn hóa chất Việt Nam
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết trong nghị quyết đại hội cổ đông của doanh nghiệp, trong năm không phát sinh ảnh hưởng nào đến hoạt động của doanh nghiệp
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, trong năm không phát sinh các sự việc bất thường

a. Các bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn hóa chất Việt Nam	Công ty Mẹ
Công ty CP Cao Su Đà Nẵng	Chung Tập đoàn
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn
Cty CP Thiết kế Công nghiệp Hóa chất	Chung Tập đoàn
Công ty CP Philips Carbon Black Việt Nam	Công ty nhận đầu tư

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên công ty	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Công ty CP Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	Chung Tập đoàn	Đến ngày 31/12/2019, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	2,029,272,499
Tổng thu nhập của Hội đồng Quản Trị & Ban Tổng Giám Đốc (8 người)			3,646,518,731
		- Lương năm 2019	2,866,255,885
		- Phụ cấp, thưởng năm 2019	38,240,000
		- Thưởng năm 2018 chi trong năm 2019	428,022,846
		- Thù lao năm 2019	314,000,000

+ Ông Nguyễn Xuân Bắc, chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị, đại diện vốn nhà nước, được bổ nhiệm ngày 26/04/2016.

+ Ông Phạm Hồng Phú, chức vụ Tổng giám đốc điều hành, số cổ phiếu nắm giữ 218.185 cổ phiếu.

+ Ông Nguyễn Minh Thiện, chức vụ Phó Tổng giám đốc kiêm Kế toán trưởng, số cổ phiếu nắm giữ 47.152 cổ phiếu

+ Ông Nguyễn Ngọc Phương, chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, số cổ phiếu nắm giữ 6.940 cổ phiếu

c. Tại ngày 31/12/2019, Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn vay các bên có liên quan như sau:

Tên	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền (VNĐ)
Ông Nguyễn Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	800,000,000
Ông Nguyễn Đình Đông	Phó Tổng Giám Đốc	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	400,000,000
Ông Bùi Thọ Lưu Hiến	Giám Đốc Xí nghiệp Đồng Nai	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	80,000,000
Bà Phùng Thị Ngọc Thúy	Người thân ông Nguyễn Minh Thiện (Phó Tổng Giám Đốc kiêm Kế toán trưởng)	Công ty CP Công Nghiệp Cao Su Miền Nam còn phải trả	90,000,000

4. Thông tin về Báo cáo đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Báo cáo của Văn phòng công ty
- Báo cáo của Xí nghiệp Đồng Nai
- Báo cáo của Xí nghiệp Hóc Môn
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Lợi
- Báo cáo của Xí nghiệp Bình Dương
- Báo cáo của Xí nghiệp Lốp Radial

Các báo cáo trên là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Đơn vị tính: VNĐ

	VP Hồ Chí Minh		XN Đồng Nai		XN Hóc Môn		XN Bình Lợi		Tổng	
	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu thuần	4,259,952,855,453	3,509,256,459,579	350,069,674	908,731,535	4,659,987,990	5,941,524,251	229,461,571	1,311,017,751	4,265,192,374,688	3,891,983,988,906
Giá vốn	3,681,356,494,357	3,078,728,863,679	2,779,532,165	586,230,248	3,367,701,834	3,940,205,038	983,113,730	1,072,108,392	3,688,486,841,986	3,468,935,505,914
Lợi nhuận gộp	578,596,361,096	430,527,595,900	(2,429,462,491)	322,501,287	1,292,286,156	2,001,319,213	(753,652,159)	238,909,359	576,705,532,702	423,048,482,992

5. Thông tin so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) và đã được điều chỉnh căn cứ theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, ngày 19/07/2019 và Thông báo số 896/TB-KTNN, ngày 07/11/2019 của Kiểm toán nhà nước.

Ảnh hưởng trên Bảng cân đối kế toán:

Số tài khoản	Nội dung tài khoản	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	ĐC theo Biên bản Kiểm toán NN	Số đầu năm sau điều chỉnh	
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN						
1	13881 Phải thu ngắn hạn khác	136	18,142,211,238	53,229,781	18,195,441,019	
2	155 Hàng tồn kho	141	1,122,620,450,113	1,987,038,681	1,124,607,488,794	
3	1331 Thuế GTGT được khấu trừ	152	87,732,875,287	(10,443,628,644)	77,289,246,643	
4	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153	328,661,604	1,322,810,004	1,651,471,608	
	3334 Thuế thu nhập doanh nghiệp		328,661,604	1,322,810,004	1,651,471,608	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN						
5	Tài sản cố định hữu hình	221	1,459,870,352,573	1,279,770,915	1,461,150,123,488	
6	211 - Nguyên giá	222	2,826,456,438,372	1,381,019,132	2,827,837,457,504	
7	2141 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(1,366,586,085,799)	(101,248,217)	(1,366,687,334,016)	
8	2292 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	(2,748,587,024)	(651,266,124)	(3,399,853,148)	
C. NỢ PHẢI TRẢ						
	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2,813,187,763	1,434,248,913	4,247,436,676	
9	33311 Thuế GTGT đầu ra phải nộp Nhà nước				-	
10	3333 Thuế xuất nhập khẩu		184,985,641	-	184,985,641	
11	3334 Thuế TNDN phải nộp Nhà nước			-	-	
12	3335 Thuế thu nhập cá nhân		2,582,536,464	-	2,582,536,464	
13	3338 Các loại thuế khác		45,665,658	1,434,248,913	1,479,914,571	
14	3339 Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác			-	-	
15	334 Phải trả người lao động	314	39,851,988,936	(772,730,000)	39,079,258,936	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU						
16	4211 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(24,646,259,439)	7,113,564,300	(17,532,695,139)	
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước (2017)		(11,485,676,605)		(11,485,676,605)	
	- LNST chưa phân phối kỳ này (2018)		(13,160,582,834)	7,113,564,300	(6,047,018,534)	

Ghi chú: Số bên nợ tài khoản kế toán dấu +, số bên có tài khoản kế toán trong ngoặc (...).

Ảnh hưởng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: VNĐ

Số tài khoản	Nội dung tài khoản	Mã số	Số đầu năm trước điều chỉnh	ĐC theo Biên bản Kiểm toán NN	Số đầu năm sau điều chỉnh	
A	B	C	D	(1)	(2)	(3) = (1)+(2)
1	632 Giá vốn hàng bán	11	3,468,834,257,697	101,248,217	3,468,935,505,914	
2	635 Chi phí tài chính	22	161,659,441,876	651,266,124	162,310,708,000	
3	641 Chi phí bán hàng	25	127,176,029,129	10,443,628,644	137,619,657,773	
4	642 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	131,127,449,802	(2,759,768,681)	128,367,681,121	
5	8211 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2,551,126,782	(1,322,810,004)	1,228,316,778	
6	421 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	13,160,582,834	(7,113,564,300)	6,047,018,534	

6. Tài sản và nợ phải trả tài chính:

Do chưa có hướng dẫn cụ thể thực hiện hạch toán, theo dõi về công cụ tài chính nên công ty chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về hệ thống công nghệ thông tin, quy trình nghiệp vụ cơ sở dữ liệu, đào tạo nhân viên... để trình bày.

7. Điều chỉnh trong báo cáo tài chính năm trước do các thay đổi trong chính sách kế toán của năm nay: Không có.

8. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Cty:

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Cty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng)

b. Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách

e. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Tại ngày 31/12/2019	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm
Phải trả cho người bán	261,013,660,428		
Người mua trả tiền trước	20,908,511,381		
Vay và nợ	1,699,090,707,667	403,852,577,966	
Phải trả người lao động	60,196,728,287		
Chi phí phải trả	60,565,730,032		
Các khoản phải trả phải nộp khác	58,042,920,439		
Cộng	2,159,818,258,234	403,852,577,966	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

c. Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp (xem thuyết minh V.I).

d. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Phần lớn phát sinh nghĩa vụ phải trả của Công ty đều được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi và các khoản phải thu và tài sản có kỳ hạn ngắn hạn. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro thanh khoản đối với việc thực hiện nghĩa vụ tài chính là thấp.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp với các khoản vay ở mức độ mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

f. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền tệ trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro khác.

Các phân tích về độ nhạy dưới đây được trình bày trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

g. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng lưu chuyển tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm 2019, Công ty phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ và thực hiện theo chuẩn mực kiểm toán số 10, đơn vị đã điều chỉnh chênh lệch tỷ giá cuối kỳ phù hợp với Thông tư 179/2012/TT-BTC, ngày 24/10/2012.

h. Rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến

động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

i. Độ nhạy của ngoại tệ

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính không đáng kể.

9. Thông tin về hoạt động liên tục

Đến ngày 31/12/2019, Công ty không có ý định hoặc yêu cầu phải giải thể, ngừng hoạt động hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động, tìm kiếm sự bảo hộ từ các chủ nợ theo pháp luật và quy định hiện hành.

10. Thông tin về số liệu so sánh:

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và kiểm toán Phía Nam (AASCS) và đã được điều chỉnh căn cứ theo Biên bản kiểm toán báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam, ngày 19/07/2019 và Thông báo số 896/TB-KTNN, ngày 07/11/2019 của Kiểm toán nhà nước.

TP. HCM, ngày 20 tháng 01 năm 2020
Ho Chi Minh City, 20 January 2020

Người lập biểu
Issued by



Nguyễn Thế Vinh

Kế toán trưởng
Chief Accountant



Vũ Quốc Anh

Tổng Giám Đốc
General Director



Phạm Hồng Phú



A close-up photograph of a red car's front wheel. The wheel has a silver, multi-spoke alloy design. The tire is black with a visible tread pattern. Overlaid on the wheel and tire is a vibrant, abstract graphic of orange and yellow flames or energy waves, creating a sense of motion and power. The background shows the red body of the car and a blurred asphalt surface.

Công ty Cổ phần Công

Nghiệp Cao Su Miền Nam

The Southern Rubber Industry JSC.



180 Nguyễn Thị Minh Khai, P.6, Q.3



(028)38 362 369 | 38 362 373



(028)38 362 376



www.casumina.com



casumina@casumina.com.vn